

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 - 2027
(Kèm theo Kế hoạch số: 127/KH-THPTTN, ngày 04/9/2026)

A. MÔN HỌC: NGỮ VĂN

KHỐI LỚP: 10

I. Đặc điểm tình hình

- 1. Số lớp: 04 lớp; Số học sinh: 181; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 03 lớp: 10A1,3,4**
- 2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 ; Đại học: 1 ; Trên đại học: 2
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: 1; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Phương tiện, thiết bị dạy học:

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là truyện và sử thi: – Hệ thống VB đọc mở rộng về truyện (truyện thần thoại, truyện trung đại, truyện hiện đại). – Tranh ảnh, video liên quan nội dung VB truyện, sử thi. – Phiếu học tập.		Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể Bài 7. Quyền năng của người kể chuyện Bài 4. Sức sống của sử thi	
2	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là thơ: – Hệ thống VB đọc mở rộng về thơ (thơ hai-cư, thơ Đường, thơ hiện đại). – Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung văn bản thơ. – Phiếu học tập.		Bài 2. Vẻ đẹp của thơ ca Bài 6. Nguyễn Trãi – danh còn để trợ dân này Bài 9. Hành trang cuộc sống	
4	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là kịch bản văn học sân khấu dân gian: – Tranh, ảnh, video về các tích chèo, tuồng trong bài học. – Phiếu học tập.		Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian	
5	Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là nghị luận: – Hệ thống VB đọc mở rộng về VB nghị luận (nghị luận xã hội, nghị luận văn học). – Sơ đồ về mạch lập luận trong các VB nghị luận.		Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận Bài 6. Nguyễn Trãi – danh, còn để trợ dân này	

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	– Phiếu học tập.		Bài 9. Hành trang cuộc sống	
6	Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là văn bản thông tin: – Hệ thống VB thông tin đọc mở rộng (VB thông tin về các vấn đề văn hoá, khoa học, nghệ thuật; Bản tin; VB nội quy hoặc hướng dẫn nơi công cộng). – Các loại phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, biểu đồ, infographic,...) – Phiếu học tập.		Bài 8. Thế giới đa dạng của thông tin	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Học kì 1: 18 tuần, 54 tiết

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể (Số tiết: 11)	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1,2,3: <i>Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới</i>	1-2-3	1	– HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại nói chung và của từng nhóm truyện: thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo. – HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật. – HS hiểu được cách nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên của người xưa; thấy được vẻ đẹp “một đi không trở lại” làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: - 1.1.NC1a. HS khai thác dữ liệu và thông tin liên quan đến truyện thần thoại và các vị thần sáng tạo thế giới. - 1.1.NC1c. HS hướng dẫn, hỗ trợ bạn bè trong nhóm hoặc lớp truy cập, điều hướng và khai thác các nguồn dữ liệu,

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					thông tin số về chủ đề thần thoại. - 2.2.NC1a. HS sử dụng các công cụ số để hợp tác trong việc trao đổi, thảo luận, tổng hợp kiến thức và sản phẩm học tập về truyện thần thoại.
2		Đọc VB 4: <i>Tản Viên từ Phán sự lục</i>	4-5-6	2	– HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện (truyền kì): cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, chi tiết; qua đó hiểu được vai trò của các yếu tố này trong việc tạo nên sức hấp dẫn của truyện kể. – HS phân tích và đánh giá được chủ đề của truyện, hiểu được tư tưởng và những thông điệp mà Nguyễn Dữ gửi gắm vào tác phẩm. – Hình thành, bồi đắp cho HS lòng can đảm, tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải
3		Thực hành tiếng Việt: <i>Sử dụng từ Hán Việt</i>	7	3	– HS biết cách giải nghĩa từ Hán Việt, tránh được lỗi dùng từ sai nghĩa. – HS nhận biết được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt.
4		Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật) – Hướng dẫn viết, HS làm bài ở nhà	8-9-10	3-4	– HS nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện và viết được bài văn thuộc kiểu văn bản này. – HS nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài như đã nêu trong SGK.

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
5		Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm truyện	11	4	– HS biết giới thiệu, đánh giá (dưới hình thức thuyết trình) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện (theo lựa chọn cá nhân). HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng. – HS nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đã nêu trong SGK. Trong đó, yêu cầu thứ nhất đề cập đến nội dung của bài nói, yêu cầu thứ hai đề cập đến hình thức của bài nói.
6	Bài 2. Vẻ đẹp của thơ ca (Số tiết: 11)	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1,2,3: <i>Chùm thơ hai-cư</i>	12-13	4-5	– HS nhận diện được hình thức thơ hai-cư. – HS nhận diện và đánh giá được sức hấp dẫn của thơ hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên hai phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc. – HS hình thành được thái độ trân trọng, nâng niu, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, sự sống.
7		Đọc VB 4: <i>Thu hứng</i>	14-15	5	– HS nhận diện, phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ Đường luật viết bằng chữ Hán như từ ngữ, hình ảnh, vần, đối, nhân vật trữ tình,... trong thơ cổ. – HS thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm thơ thuộc các nền văn hoá khác nhau, trong cùng thời kì trung đại, qua tìm hiểu tác phẩm <i>Thu hứng</i> (đại diện cho thơ Đường, Trung Quốc), chùm thơ hai-cư (Nhật Bản) và một số bài thơ trung đại Việt Nam (đã học). – HS thấy được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi sự rung động thẩm mỹ, giúp nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ Đường luật (luật thi). * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: - 1.1.NC1a: Sử dụng công cụ tìm kiếm để thu thập tư liệu về bối cảnh lịch sử thời Đường (loạn An - Sử) và cuộc đời Đỗ Phủ.

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					- 6.1.NC1a: Nhận biết khả năng của AI trong việc phân tích cấu trúc đối liên và gợi ý các tầng nghĩa của từ ngữ Hán Việt trong thơ Đường luật. - 6.2.NC1a: Sử dụng câu lệnh (prompt) để AI hỗ trợ tra cứu điển cố điển tích và giải mã các hệ thống hình ảnh ước lệ trong bài thơ. - 6.3.NC1a: Sử dụng thiết bị số để chuyển đổi cảm xúc từ bài thơ thành sản phẩm thị giác (tranh thủy mặc hoặc sơ đồ tư duy) do AI hỗ trợ khởi tạo ý tưởng.
8		Đọc VB 5: <i>Mùa xuân chín</i>	16-17	6	– HS cần nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mỹ của tổ chức ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo. – HS hình thành được ý niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với các hình thái thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó. – HS biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau. – HS hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con người.
9		THTV: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa	18	6	– HS nhận diện được các lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu và biết cách sửa lỗi. – HS phân biệt được lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu với một số biện pháp tu từ thường được dùng trong các văn bản văn học. – HS biết cách tra từ điển để hiểu nghĩa của từ, tránh được những lỗi sai khi dùng từ. – HS biết được bối cảnh giao tiếp để từ đó biết cách dùng từ, đặt câu hợp lí.
10		Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ – Hướng dẫn viết, HS	19-20-21	7	– Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn. – Nêu khái quát về điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ – vấn đề sẽ được tập trung phân tích đánh giá. – Làm sáng tỏ các khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		làm bài tại lớp			sắc, thú vị trong bài thơ. – Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.
11		Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ	22	8	– Biết cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ. – Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe. – Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.
12	Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận (11 tiết + 2 tiết KT Giữa kì)	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1: <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i>	23-24-25	8-9	– HS nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam. – HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i> , từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản. – HS có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: - 2.1.NC1a: Giao tiếp, tương tác qua môi trường và nền tảng số. - 3.1.NC1a: Sử dụng phần mềm, công cụ số để tạo lập sơ đồ tư duy trực quan. - 6.1.NC1a: Khai thác tính năng tìm kiếm và tra cứu thông tin lịch sử bằng trợ lý ảo (AI). - 6.2.NC1a: Sử dụng câu lệnh (prompt) tương tác với AI để

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					tóm tắt kiến thức. - 6.3.NC1a: Ứng dụng AI như một công cụ rà soát, đánh giá và chỉnh sửa văn bản. * Phòng chống tham nhũng: Biểu hiện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và biểu hiện của lối sống liêm chính. Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. * Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục lòng tự trọng, trân trọng cái đẹp, tài năng và nhân cách; sống có nguyên tắc.
13		Kiểm tra Giữa kì	26-27	9	HS biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. – HS biết trao đổi, thảo luận về những VB đọc mở rộng.
14		Đọc VB 2: Yêu và đồng cảm	28-29	10	– HS hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề. – HS cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản. – HS thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.
15		THTV: Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản	30	10	– HS củng cố được kiến thức về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản. – HS nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản; nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
16		Viết: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói	31-32-33	11	– HS hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục. – HS biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
17		quen hay một quan niệm – Hướng dẫn viết, HS làm bài ở nhà			một thói quen hay quan niệm theo các bước được hướng dẫn.
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau	34	12	1. Kiến thức – HS nắm được cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau (tham gia với tư cách người phát biểu ý kiến hay với tư cách người nghe – hai tư cách này thường có sự hoán vị liên tục trong cuộc thảo luận). – HS biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với những người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề xã hội đã xác định. - Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp các phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ. - Biết thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại. 2. Năng lực * Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. * Năng lực đặc thù: <i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau. - Khắc phục về lỗi liên kết, mạch lạc trong văn bản. 3. Phẩm chất: sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.
		Trả bài kiểm tra Giữa kì	35	12	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.
18					
19	Bài 4. Sức	Tri thức Ngữ văn	36-37	12-13	– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
	sống của sử thi (9 tiết)	Đọc VB1: <i>Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác</i>			loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi. – Hiểu được đặc sắc của văn hoá Hy Lạp cổ đại qua sử thi <i>I-li-át</i>. – Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản. – Hiểu được ảnh hưởng của sử thi <i>I-li-át</i> trong văn hoá của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại. - Đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại: biết nhận xét nội dung bao quát văn bản. - Biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng. - Nêu được ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc. - Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác thời cổ đại còn truyền đến nay. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: 1.2.NC1a. Tìm kiếm thông tin số về sử thi, văn hóa Hy Lạp và tác phẩm. 1.1.NC1b. Sử dụng từ khóa, bộ lọc tìm kiếm nâng cao (ví dụ: tìm kiếm bằng hình ảnh, tìm trong phạm vi website cụ thể) để truy xuất các nguồn tài liệu đa phương tiện về Sử thi và Văn hóa Hy Lạp. 6.1.NC1a. Sử dụng và phân tích cách các công cụ AI (ví dụ: Công cụ tóm tắt văn bản, dịch tự động, hoặc các AI chatbot) xử lý và cung cấp thông tin về nội dung bao quát hoặc giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại... Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Liên hệ tinh thần trách nhiệm, lòng yêu quê hương và ý thức cống hiến.
20		Đọc VB 2: <i>Đăm Săn</i>	38-39	13	– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		<i>đi bắt Nữ Thần Mặt Trời</i>			gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. – Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản. – Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. – Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.
21		THTV: Sử dụng trích dẫn, cước chú và đánh dấu phân bị tình lược trong VB	40	14	– HS hiểu được cách đánh dấu phân bị tình lược trong văn bản. – HS hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.
22		Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề – Hướng dẫn viết, HS thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà	41-42-43	14-15	– HS nắm được cấu trúc của một báo cáo nghiên cứu. – HS hiểu được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu. – HS biết cách sử dụng trích dẫn, cước chú trong bài viết. – HS hiểu được những quy định về sở hữu trí tuệ để tránh đạo văn. – HS biết vận dụng các phương tiện phù hợp để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin trong báo cáo nghiên cứu.
23		Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề	44	15	– HS hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trình một hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó. – HS nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe.
24	Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian (7 tiết) + 2 tiết	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1: <i>Xuý Vân giả dại</i>	45-46	15-16	– HS nắm được một số nét đặc trưng của nghệ thuật chèo truyền thống thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại. – HS hiểu được văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện là yếu tố

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
	Kiểm tra				quan trọng nhất làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của một vở chèo. – HS đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xuý Vân. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: 3.2.NC1a: Học sinh thực hiện biên kịch, cải biên trích đoạn chèo cổ 'Xuý Vân giả dại' thành một kịch bản ngắn phù hợp với bối cảnh hiện đại. 3.1.NC1a: Học sinh quay phim hoạt động diễn kịch của nhóm, sử dụng phần mềm CapCut để cắt ghép, chỉnh sửa âm thanh, thêm phụ đề tiếng Việt và tạo thành một video clip hoàn chỉnh đăng tải lên nhóm học tập môn học.
25		Kiểm tra cuối kì I	52, 53	16	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra
26		Đọc VB 2: <i>Huyện đường</i>	47-48	17	– HS nắm được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại. – HS cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh tuồng <i>Huyện đường</i>.
27		Viết: Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam) – Hướng dẫn viết, HS thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà	49-50	17-18	– HS củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và hình thức (đã học ở Bài 4 – <i>Sức sống của sử thi</i>). – HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.
		Nói và nghe: Lắng	51	18	– HS hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
28		nghe và phản hồi về kết quả thuyết trình một bài nghiên cứu			được thuyết trình. – HS nắm bắt đúng và đánh giá được các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...). – HS nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả. – HS hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu. – HS thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được
29	Trả bài kiểm tra cuối kì		54	18	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

Học kì 2: 17 tuần, 51 tiết

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 6. Nguyễn Trãi – Dành còn để trợ dân này (12 tiết)	Tri thức Ngữ văn	55-56	19	– HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi. – HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm <i>Bình Ngô đại cáo</i>, <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43), <i>Dục Thúy sơn</i> và các văn bản thực hành đọc. – HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.
2		Đọc VB 1: <i>Tác gia Nguyễn Trãi</i>			

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					* Nội dung tích hợp: Tích hợp năng lực số: - 1.1.NC1a: Biết sử dụng công cụ tìm kiếm để khai thác tư liệu lịch sử về triều đại nhà Hậu Lê và cuộc đời Nguyễn Trãi. - 6.1.NC1a: Biết sử dụng công cụ AI để tóm tắt các luận điểm chính trong sự nghiệp văn chương. - 2.2.NC1a: Sử dụng các phần mềm thiết kế đồ họa (Canva/PowerPoint) để tạo lập hồ sơ tác gia số. * Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục lòng yêu nước, thương dân, khát vọng cống hiến và ý thức giữ gìn di sản dân tộc.
3		Đọc VB 2: <i>Bình Ngô đại cáo</i>	57-58-59	19-20	– HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức đã giới thiệu trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> để đọc hiểu <i>Bình Ngô đại cáo</i> – tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông. – HS nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong một văn bản văn học cụ thể qua thực hành phân tích <i>Bình Ngô đại cáo</i>. – HS nhận biết và phân tích được bố cục, mạch nghị luận, các lí lẽ và bằng chứng trong một văn bản nghị luận cổ qua tìm hiểu <i>Bình Ngô đại cáo</i> với tư cách là một tác phẩm cáo điển hình. – HS biết cách phân tích, bình luận về vai trò của yếu tố biểu cảm trong các tác phẩm nghị luận cổ qua việc chỉ ra được những biểu hiện cụ thể của yếu tố này ở <i>Bình Ngô đại cáo</i>. – HS biết kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc như Lê Lợi, Nguyễn Trãi,...

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Đọc VB 3: <i>Bảo kính cảnh giới</i> (Bài 43)	60-61	20-21	– HS nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i>. – HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật. – HS hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.
4		Thực hành tiếng Việt: <i>Sử dụng từ Hán Việt</i>	62	21	– HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh. – HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.
5		Viết: Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội – Hướng dẫn viết, HS làm bài tại lớp	63-64-65	21-22	– HS nắm được yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. – HS biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục. Tích hợp: + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. * Nội dung tích hợp: Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: - Biểu hiện của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và biểu hiện của lối sống liêm chính. - Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và lối sống liêm chính.

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					- Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu của lối sống liêm chính và những bài học kinh nghiệm. - Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ
6		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau	66	22	– HS hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó. – HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số : 2.1.NC1a Lựa chọn và sử dụng công cụ số phù hợp để trình bày quan điểm và phản biện ý kiến. 2.2.NC1b Hướng dẫn cách tổng hợp và điều phối thông tin/ý kiến khác nhau bằng công cụ số. 4.4.NC1a Vận dụng các cách thức bảo vệ môi trường trong hoạt động học tập nhóm số.
7					
8	Bài 7. Quyền năng của người kể chuyện (12 tiết) + 2 tiết Kiểm tra giữa kì	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1: <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i>	67-68-69	23	– HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người. – HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.
9					

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					* Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: : 1.1.NC1a. HS tìm kiếm các nguồn tài nguyên số để hỗ trợ việc đọc hiểu, phân tích tác phẩm và nhân vật. 1.2.NC1b. HS đánh giá, phân loại và chọn lọc thông tin số tìm được để phục vụ việc phân tích tư tưởng nhân văn, tính cách nhân vật và quyền năng của người kể chuyện. 2.3.NC1a. HS sử dụng các công cụ số để tương tác, hợp tác, trình bày, và phản biện về nội dung bài học. 6.2.NC1a: Học sinh sử dụng prompt tùy chỉnh: 'Đóng vai nhân vật Giảng Văn-giảng trong tác phẩm Những người khôn khô, hãy kể lại phân cảnh khôi phục uy quyền trước Gia-ve bằng ngôi thứ nhất...' 6.1.NC1b: Học sinh so sánh kết quả tự sự do AI viết với nguyên tác của V.Huy-gô để chỉ ra những giới hạn của trí tuệ nhân tạo trong việc mô tả tâm lý nhân vật tinh tế sâu sắc.
10		Đọc VB 2: <i>Dưới bóng hoàng lan</i>	70-71-72	24	– HS nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh những sự kiện bình thường trong cuộc sống. – HS hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ 3 với sự phối hợp điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong.
11		THTV: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê	73	25	– HS nhận biết được đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu. – HS hiểu được chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê. – HS có khả năng vận dụng kiến thức về chêm xen và liệt kê để tạo câu có sử dụng những biện pháp này khi cần thiết, phù hợp

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					với mục đích biểu đạt.
12		Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề, nhân vật trong tác phẩm truyện) – Hướng dẫn viết, HS làm bài ở nhà	74-75-76	25-26	– HS nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học theo hướng khái quát chủ đề, phân tích nhân vật trong quan hệ với chủ đề, những đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật và tác dụng của chúng. – HS biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.
13		Kiểm tra giữa kì	77-78	26	HS biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.
14		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau	79	27	– HS nêu được vấn đề có những ý kiến khác nhau để thảo luận. – HS biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, trình bày được ý kiến của mình, thảo luận với nhau để có tiếng nói đồng thuận.
15					
16	Bài 8. Thế giới đa dạng của thông tin (11 tiết)	Tri thức Ngữ văn Đọc VB 1: <i>Sự sống và cái chết</i>	80-81	27	– HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề. – HS phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản. – HS nhận biết được các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản; giải thích được mục đích lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản. – HS phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản. – HS thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết trên Trái Đất

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
17		Đọc VB 2: <i>Nghệ thuật truyền thống của người Việt</i>	82-83-84	28	– HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản. – HS phân tích và đánh giá được nhan đề của văn bản, dựa vào nhan đề để suy đoán về những nội dung được trình bày trong văn bản. – HS hiểu được mục đích, thái độ của người viết. – HS nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: : 1.1.NC1a.HS tìm kiếm và thu thập các dữ liệu, thông tin, hình ảnh, video về các ngành nghệ thuật truyền thống của dân tộc để mở rộng tri thức, phục vụ cho việc phân tích và đánh giá thông tin cơ bản trong văn bản. 2.2.NC1a.HS sử dụng các công nghệ số (nền tảng học tập, email, ứng dụng nhóm) để chia sẻ các tài liệu đã tìm kiếm (video, link bài viết) hoặc sản phẩm học tập (bài tóm tắt, slide) về nghệ thuật truyền thống với nhóm/lớp. 3.2.NC1a. HS sửa đổi, tinh chỉnh, cải thiện các nội dung số sẵn có (hình ảnh, slide, văn bản) để tạo ra sản phẩm học tập chất lượng cao, phục vụ cho việc phân tích và trình bày về giá trị truyền thống của người Việt.
18		Trả bài Kiểm tra Giữa kì	85	29	HS biết rút kinh nghiệm qua phần nhận xét, đánh giá của giáo viên để có kĩ năng thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.
19		Đọc VB 3: Phục hồi tầng Ozone: Thành công	86-87	29	1. Kiến thức – HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả,

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu.			suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề. – HS nhận biết được các đặc điểm của loại văn bản thông tin, cụ thể là bản tin qua văn bản được đọc. – HS nhận biết và phân tích được vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản, cũng như sự kết hợp giữa chúng với phương tiện ngôn ngữ. – HS thấy được mối quan hệ giữa câu chuyện về sự thành công của hành trình phục hồi tầng ozone và con đường giải quyết các vấn đề toàn cầu khác. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân. 2. Năng lực * Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. * Năng lực đặc thù: <i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. 3. Phẩm chất: Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.
20		THTV: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	88	30	– HS nhận biết được các loại phương tiện phi ngôn ngữ, cách trình bày và tác dụng của những phương tiện đó trong văn bản thông tin. – HS sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ để tạo lập văn bản thông tin.
21		Viết: Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng – Hướng dẫn viết,	89-90	30	– HS nắm được yêu cầu về nội dung và hình thức của VB nội quy hoặc VB hướng dẫn nơi công cộng. – HS biết cách viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		HS làm bài tại lớp			nơi công cộng. Tích hợp: Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân. * Nội dung tích hợp: - Biểu hiện của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và biểu hiện của lối sống liêm chính. - Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư và lối sống liêm chính. - Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu của lối sống liêm chính và những bài học kinh nghiệm. - Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ
22		Nói và nghe: Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	91	31	– HS biết trình bày và đánh giá về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. – HS biết lắng nghe, đối thoại, góp ý, đánh giá, phản biện với những ý kiến khác trên tinh thần xây dựng.
23	Bài 9. Hành trang cuộc sống (11 tiết) + 2 tiết Kiểm tra cuối kì	Tri thức Ngữ văn	92-93	31	– Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả. – Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên. – Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: :
24		Đọc VB 1: <i>Về chính chúng ta</i>			

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					1.1.NC1b. HS sử dụng kỹ thuật tìm kiếm hiệu quả để thu thập các thông tin, tư liệu, bằng chứng liên quan đến tác giả, tác phẩm, bối cảnh tri thức hiện đại (phân tích bối cảnh) hoặc các luận cứ bổ sung về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên để phân tích luận điểm. 1.2.NC1b. HS đánh giá tính xác thực, logic, và độ tin cậy của các lí lẽ và bằng chứng thu thập từ nguồn số để phục vụ cho việc phân tích mối quan hệ giữa các luận điểm và bằng chứng, cũng như bảo vệ/bác bỏ một ý kiến nào đó. 3.1.NC1b. HS tạo ra nội dung số (slide, infographic, video ngắn) để thể hiện quan điểm, nhận thức cá nhân về vị trí của con người trong thế giới tự nhiên và cách ứng xử hài hòa với tự nhiên (phẩm chất), qua đó trình bày ý nghĩa tác động của văn bản đối với bản thân.
25		Ôn tập cuối HK II	94-95-96	32	- Hệ thống hoá kiến thức đã học trong SGK <i>Ngữ văn 10</i>, tập hai. – Phát triển KN đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
26		Kiểm tra cuối kì II	97-98	33	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra.
27		Đọc VB 2: <i>Con đường không chọn</i>	99-100	33	– HS biết vận dụng các tri thức đã học về thơ để chiếm lĩnh bài thơ của Rô-bốt Phờ-rôt, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK. – Qua việc tìm hiểu bài thơ, HS nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.
28		THTV: Sử dụng phương	101	34	– HS nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		tiện phi ngôn ngữ (tiếp)			trong văn bản thông tin. – HS nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ cơ bản như: biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây. * Nội dung tích hợp: Tích hợp phát triển năng lực số: : 1.2.NC1a. HS đánh giá tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu, số liệu được sử dụng để tạo lập các loại biểu đồ/sơ đồ (tròn, Venn, thời gian, cây) đã được tìm kiếm/thu thập từ nguồn số, trước khi sử dụng trong văn bản thông tin. 2.1.NC1a. HS vận dụng nhiều công cụ số khác nhau (tìm kiếm, nền tảng thiết kế, ứng dụng nhóm) để tương tác trong quá trình làm việc nhóm và tranh luận về việc sử dụng biểu đồ/sơ đồ sao cho hiệu quả. 2.2.NC1a. HS chia sẻ các file biểu đồ/sơ đồ (biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, v.v.) đã được tạo lập, nguồn dữ liệu số, hoặc sản phẩm cuối cùng (văn bản có chèn biểu đồ) thông qua các công cụ số thích hợp để nhóm cùng xem, góp ý và tôn trọng ý kiến nhau.
29		Viết: Viết bài luận về bản thân – Hướng dẫn viết, HS làm bài tại lớp	102,103	34	– HS biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình. – HS thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu riêng của mình trong bài viết. – HS biết cách sử dụng các yếu tố biểu cảm và tự sự trong bài luận về bản thân. – HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của mình.

STT	Bài học (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
30		Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sự dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	104	35	– HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình. HS biết sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí, có hiệu quả trong khi thuyết trình. – HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.
31	Trả bài kiểm tra cuối kì II		105	35	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
1	CD 1. Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian (10 tiết)	Tri thức tổng quát	1-2	1-2	– HS nắm được các khái niệm cơ bản của nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. – HS hiểu rõ những yêu cầu cơ bản của nghiên cứu và một số thao tác nghiên cứu văn học dân gian cần vận dụng.
2		Phần 1: Tập nghiên cứu	3-4-5	3->5	– HS xác định được đề tài nghiên cứu. – HS tạo ra được các sản phẩm nghiên cứu phù hợp với từng đề tài đã chọn.
3		Phần 2: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề VHDG (Phần I. Cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài)	6-7	6-7	– HS hiểu rõ những đòi hỏi của việc viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. – HS nắm được đặc điểm và đòi hỏi của một số kiểu loại báo cáo nghiên cứu xét theo tiêu chí mục đích và nội dung.
4		Phần 2: Viết báo cáo	8-9-10	8->10	– HS biết viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học

STT	Chuyên đề (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		nghiên cứu về một vấn đề VHĐG (Phần II. thuyết trình về kết quả nghiên cứu)			dân gian. – HS biết thuyết trình về BCNC đã viết.
5	CD 2. Sân khấu hoá tác phẩm văn học (15 tiết)	Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học: - Tri thức tổng quát. - Phần 1. I. Đọc kịch bản sân khấu	11-12	11-12	– HS nắm được các khái niệm cơ sở của việc chuyển thể tác phẩm văn học. – HS biết rút ra các nhận xét về thao tác dựng kịch bản chuyển thể, qua đọc VB được giới thiệu trong SGK.
6		Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học: Phần 1. II. Xem vở diễn	13-14	13-14	– HS biết tận dụng mọi điều kiện phù hợp để xem vở diễn một kịch bản chuyển thể tác phẩm văn học. – HS biết nhận xét về điều kiện khiến một vở diễn thành công.
7		Phần 2 Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học: Dựng kịch bản (phần I,II,III)	15-16- 17-18	15-18	– HS chọn được tác phẩm văn học phù hợp để chuyển thể. – HS biết hợp tác với nhau để hoàn thành một kịch bản chuyển thể, có thể dàn dựng được trên sân khấu.
8		Phần 2 Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học: Luyện tập & Biểu diễn(phần VI)	19-20- 21-22- 23-24- 25	19-25	– HS biết thực hiện các công việc cần thiết để hiện thực hoá một kịch bản chuyển thể bằng hoạt động biểu diễn. – HS biết tổ chức một buổi biểu diễn trọn vẹn.
9	CD 3. Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết (10 tiết)	- Tri thức tổng quát. - Phần 1. Đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.	26-27	26-27	– HS hiểu được đặc điểm của hoạt động đọc và các yêu cầu đặt ra đối với đọc văn học. – HS biết tìm đọc các tác phẩm phù hợp theo gợi ý trong SGK.
10		Phần 2. Viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.	28-29- 30-31- 32	28-32	– HS hiểu rõ đặc điểm và yêu cầu của một số kiểu bài viết giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. – HS biết viết bài giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc

STT	Chuyên đề (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
					tiểu thuyết theo hình thức phù hợp với mục đích viết đã xác định.
11		Phần 3. Giới thiệu dưới hình thức nói về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.	33-34-35	33-35	– HS hiểu được đặc điểm và yêu cầu của hoạt động giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết bằng hình thức thuyết trình. – HS biết thực hành thuyết trình về tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	2 tiết (90 phút)	Tuần 9	Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; thơ; VB nghị luận. – Tiếng Việt: lỗi dùng từ, trật tự từ; lỗi về mạch lạc và liên kết. – Viết: viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện, thơ; viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.	Tự luận
Cuối học kỳ 1	2 tiết (90 phút)	Tuần 16	Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; thơ VB nghị luận; sử thi; kịch bản văn học tuồng, chèo. – Tiếng Việt: lỗi dùng từ, trật tự từ; lỗi về mạch lạc và liên kết; cách trích dẫn. – Viết: viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện, thơ; viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.	Tự luận
Giữa học kỳ 2	2 tiết (90 phút)	Tuần 8 (Tuần 26 của năm học)	Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: thơ văn Nguyễn Trãi; truyện. – Tiếng Việt: biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê. – Viết: viết VB nghị luận về một tác phẩm truyện; viết VB nghị luận về	Tự luận

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			một vấn đề xã hội.	
Cuối học kỳ 2	2 tiết (90 phút)	Tuần 17 (Tuần 33 của năm học)	Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: thơ văn Nguyễn Trãi; truyện; VB nghị luận; VB thông tin. – Tiếng Việt: biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ. – Viết: viết VB nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện, thơ); viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; viết bài luận về bản thân.	Tự luận

KHỐI LỚP 11

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 5 lớp; Số học sinh: 203 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 04 lớp 11B1,3,4,5

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 02 ; Trên đại học: 01.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: 01; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

3. Phương tiện, thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các phương ... tiện, thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là truyện : – Hệ thống VB đọc mở rộng về truyện (truyện ngắn). – Tranh ảnh, video liên quan nội dung VB truyện – Phiếu học tập. – Bộ học liệu điện tử	1	Bài 1. Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể	
2	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là thơ: – Hệ thống VB đọc mở rộng về thơ (thơ hiện đại, thơ trung đại). – Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung văn bản thơ, thơ Nguyễn Du. – Phiếu học tập.	3	Bài 2. Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình Bài 4. Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình Bài 6: Nguyễn Du – “Những điều trông	

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	– Bộ học liệu điện tử		thấy mà đau đớn lòng”	
4	- Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là kịch– Tranh, ảnh, video về các kịch bản trong bài học - Phiếu học tập.	1	Bài 5: Nhân vật và xung đột trong bi kịch	
5	Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là nghị luận, kí - Hệ thống VB đọc mở rộng về VB nghị luận (nghị luận xã hội, nghị luận văn học). các văn bản kí - Sơ đồ về mạch lập luận trong các VB nghị luận và kí - Phiếu học tập. – Bộ học liệu điện tử	2	Bài 3. Cấu trúc của văn bản nghị luận Bài 7: Ghi chép và tưởng tượng trong kí	
6	Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là văn bản thông tin: - Hệ thống VB thông tin đọc mở rộng (VB thông tin về các vấn đề văn hoá, khoa học, nghệ thuật; Bản tin; VB nội quy hoặc hướng dẫn nơi công cộng). - Các loại phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, biểu đồ, infographic,...) - Phiếu học tập. – Bộ học liệu điện tử	1	Bài 8. Cấu trúc của văn bản thông tin	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Học kì 1: 18 tuần, 54 tiết + 18 tiết Chuyên đề học tập 1,2

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
1	Bài 1: chuyện và điểm nhìn	Đọc VB 1: Vợ nhặt (Kim Lân)	1,2,3	1	1. Về kiến thức - Nhận biết được chủ đề và giá trị tư tưởng của tác phẩm. - Phân tích được đặc sắc của tình huống truyện, ý nghĩa của nó trong

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
	trong truyện kể (11 tiết)				việc bộc lộ tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm. - Nhận biết và phân tích được những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu. - Nhận biết và phân tích được 1 số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm. 2. Về năng lực - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Kim Lân - Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975. - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công nội dung, nghệ thuật truyện Vợ nhặt. - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong truyện, các nhân vật có cùng đề tài với các tác giả khác. - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học. 3. Về phẩm chất - Biết nhận thức được ý nghĩa của văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc. - Biết trân trọng tình người, khát vọng hạnh phúc, niềm lạc quan của con người ngay trong nghịch cảnh.
2		Đọc VB 2: Chí Phèo	4,5,6	2	1. Về kiến thức - Nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo. - Nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					- Nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lí của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ. - Nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm. 2. Về năng lực - Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: + Tóm tắt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật. + Xác định điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu. + Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo. + Nêu thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật Chí Phèo, thị Nở. + Nhận xét về ý nghĩa phần kết truyện. - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học. 3. Về phẩm chất: Biết đồng cảm với một số phận bất hạnh; trân trọng các nỗ lực gìn giữ nhân tính, phẩm giá khi con người phải đối diện với hoàn cảnh sống bi đát. 4. Nội dung tích hợp * Năng lực số: 1.3.NC1a Tổ chức và lưu trữ các tài liệu học tập (văn bản tác phẩm, bài giảng, tư liệu phê bình) liên quan đến "Chí Phèo" một cách có hệ thống. 2.4.NC1a Đề xuất và sử dụng các công cụ số để hợp tác trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập nhóm (ví dụ: phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật, nhận xét phần kết truyện).

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					3.2.NC1a Tích hợp và tạo lập lại thông tin thu thập được từ nhiều nguồn để tổng hợp thành sản phẩm mới (ví dụ: bài trình bày, infographic, sơ đồ tư duy) phân tích bản chất bi kịch của Chí Phèo.
3		Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	7	3	- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả
4		Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)	8,9,10	3,4	- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả. - Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện. – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. - Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.
5		Nói và nghe: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện	11	4	1. Về kiến thức: - Chọn được tác phẩm truyện có nghệ thuật kể chuyện đặc sắc để thuyết trình. - Nắm được những yêu cầu cơ bản của việc thuyết trình và nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện. 2. Về năng lực: - Chủ động và tích cực hoạt động nhóm/ hoạt động cá nhân để chuẩn bị tốt cho nội dung trình bày. - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia nói và nghe

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					về vấn đề - Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình. 3. Về phẩm chất: Có tinh thần, thái độ phù hợp khi tham gia thảo luận như: tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực, trình bày rõ ràng, có sắc thái cảm xúc phù hợp...
6	Bài 2 Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình (11 tiết) + Kiểm tra GKI (2 tiết)	Độc: Nhớ đồng - (Tố Hữu).	12,13,14	5	1. Về kiến thức: Hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương. 2. Về năng lực: - Nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ. - Nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản. 3. Về phẩm chất: Biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao.
7					
8					
		Độc: Tràng giang - (Huy Cận). (Hoặc VB 3: Con đường mùa đông)	15,16,17	5,6	1. Về kiến thức: Nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ. 2. Về năng lực: - Cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài <i>Tràng giang</i>. - Phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ <i>Tràng giang</i>.

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					3. Về phẩm chất: Đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời và về các mối tương quan như: con người – vũ trụ, hữu hạn – vô hạn, hữu hình – vô hình...
9		Thực hành TV : Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.	18	6	- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
10		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)	19, 20,21	7	- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm. – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. * Nội dung tích hợp: Tích hợp năng lực số: 1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập các ví dụ, tài liệu lý thuyết về các hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường (ví dụ: <i>tĩnh lược, đảo trật tự từ, cách tân cú pháp...</i>) trong văn học để nhận biết đặc điểm và tác dụng của chúng. 1.2.NC1b Đánh giá và so sánh các bài phân tích, nhận định khác nhau về hiệu quả thẩm mỹ mà các hình thức phá vỡ quy tắc ngôn ngữ đưa lại trong cùng một tác phẩm hoặc giữa các tác phẩm khác nhau. 1.3.NC1b Tổ chức và sắp xếp các ví dụ, định nghĩa, và phân tích về các hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thành bảng, sơ đồ tư duy hoặc slide để hệ thống hóa kiến thức và chuẩn bị cho việc vận dụng kiến thức để tạo lập văn bản.

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
11		Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật	22	8	- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.
12		Kiểm tra giữa kì I	23,24	8	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.
13	Bài 3 Cấu trúc của văn bản nghị luận (10 tiết)	Đọc: Cầu hiền chiếu (<i>Chiếu cầu hiền</i>) - Ngô Thì Nhậm	25,26	9	1. Về kiến thức - Biết được đặc điểm của chiếu như một thể loại văn học nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như hịch và cáo, chiếu thuộc thể loại văn bản chức năng, được viết và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước, nhằm mục đích điều hành xã hội. - Hiểu, chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất kì văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm được triển khai từ luận đề, lí lẽ và các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, các thành tố bổ trợ làm tăng sức thuyết phục cho văn bản. - Hiểu được tài năng xuất sắc trong việc viết văn nghị luận của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua <i>Chiếu cầu hiền</i> - văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết. 2. Về năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... 3. Về phẩm chất: Có thái độ, trách nhiệm với đất nước.
14					
15					
		Đọc: Tôi có một ước mơ (Trích <i>Bước đến tự do, câu chuyện Mon</i> -	27,28	9,10	1. Về kiến thức - Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn

Stt	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
	ga - mơ - ri - Montgomery) - Mác- tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King). (Hoặc VB: Một thời đại trong thi ca)			bản. - Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết. - Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết. 2. Về năng lực - Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp 3. Về phẩm chất: - Yêu nước: Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - Nhân ái: Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
16	Thực hành TV: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo).	29	10	- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả
17	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội	30,31,32	10,11	- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh): trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm;

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
		(Con người với cuộc sống xung quanh).			cấu trúc văn bản chặt chẽ, mở đầu và kết thúc gây ấn tượng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục – HS biết tự nhận xét về báo cáo nghiên cứu của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về báo cáo nghiên cứu của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc thực hiện một báo cáo nghiên cứu. hợp: Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn * Nội dung tích hợp: - Trình bày được một số chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Nêu được vai trò của việc PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ
18		Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội.	33	11	- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội (kết cấu bài có ba phần; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ). - Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
19		Trả bài giữa kì I	34	12	- HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. - Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với bài viết.
20	Bài 4 Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình (9 tiết)	Đọc VB 1: : Lời tiễn dặn (Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái)	35,36,37	12,13	1. Về kiến thức: Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả. 2. Về năng lực - Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc). - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học. 3. Về phẩm chất: Đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.
21					
22					
		Đọc VB 3: Thuyền và biển (Xuân Quỳnh) (Hoặc VB “ <i>Dương phụ hành</i> ”)	38,39	13	1. Về kiến thức: Nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại. 2. Về năng lực - Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: + Phân tích được hình tượng thuyền và biển + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. + Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình. 3. Về phẩm chất: Đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu

Stt	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
				trở thành một trong những tình cảm đẹp nhất mà con người có được.
23	Thực hành tiếng Việt: Lỗi về thành phần câu và cách sửa	40	14	1. Về kiến thức: Nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi. 2. Về năng lực: Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hiện nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản. 3. Về phẩm chất: - Trân trọng ngôn ngữ dân tộc. - Ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. 4. Nội dung tích hợp * Năng lực số: 2.4.NC1a - Học sinh đề xuất và sử dụng các công cụ số (Google Docs, Padlet, Zoom) để thảo luận và sửa lỗi câu cùng nhóm. 3.1.NC1a - Học sinh tạo và chỉnh sửa nội dung số về lỗi câu và cách sửa trên các định dạng số khác nhau (Word, Google Docs, Slides). 5.1.NC1a - Học sinh nhận biết và xử lý các vấn đề kỹ thuật khi sử dụng môi trường số và thiết bị (lỗi truy cập, lỗi phần mềm, chia sẻ tệp).
24	Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong XHHĐ)	41,42	14	- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại). – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về báo cáo nghiên cứu của bạn. - Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.
25	Nói và nghe: Thảo	43	15	- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi;

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
		luận về một vấn đề trong ĐS (Hình thành lối sống tích cực trong XHHĐ)			tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.
26	Bài 5 Nhân vật và xung đột trong bi kịch (8 tiết) + Ôn tập, kiểm tra, trả bài kiểm tra cuối kì (4 tiết)	Đọc: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (Trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng	44,45,46	15,16	1. Về kiến thức - Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của <i>Vũ Như Tô</i> và <i>Đan Thiềm</i> trong hồi V của vở kịch. - Nhận thức được quan điểm nhân dân của <i>Nguyễn Huy Tưởng</i>, đồng thời thấy được thái độ ngưỡng mộ, trân trọng tài năng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng lớn nhưng lại lâm vào tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa khát vọng nghệ thuật lớn lao và thực tế xã hội không tạo điều kiện để họ thực hiện khát vọng ấy. - Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của vở kịch qua đoạn trích. 2. Về năng lực - Biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm. - Biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó lựa chọn cách hành xử phù hợp. 3. Về phẩm chất: Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương. 4. Nội dung tích hợp - Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống - Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ. - Cách thức thực hiện: Thông qua tiết đọc hiểu văn bản giáo viên hướng dẫn học sinh:

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					+ Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc khát vọng hòa nhập và cống hiến. + Bồi dưỡng ý thức gắn kết khát vọng cá nhân với cộng đồng. Phát triển năng lực sáng tạo, phản biện + Xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ, xây dựng đất nước. * Năng lực số -1.1.NC1a: Sử dụng công cụ tìm kiếm để tra cứu tư liệu lịch sử về Lê Tương Dực và sự kiện xây dựng Cửu Trùng Đài. -2.4.NC1a: Phối hợp trực tuyến để xây dựng bảng so sánh quan điểm giữa các nhân vật trong kịch. -6.1.NC1a: Nhận biết cách AI tổng hợp các luồng tư tưởng về mối quan hệ giữa "Nghệ thuật" và "Nhân sinh" trong văn học để làm cơ sở phản biện cho bài học. -6.2.NC1a: Sử dụng câu lệnh (prompt) để AI phân tích tính đa chiều trong bi kịch của Vũ Như Tô từ góc nhìn đạo đức và góc nhìn nghệ thuật.
27		Ôn tập kiểm tra cuối kì	47,48	16	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
28		Kiểm tra cuối kì	49,50	17	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập. - Tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT.
29		Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn	51,52	17,18	- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn,

Stt	BÀI HỌC (1)		TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
		đề tự nhiên, xã hội			cước chú, lập danh mục tài liệu.
30		Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)	53	18	- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.
31		Trả bài Kiểm tra cuối kì I	54	18	- HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

Học kì II: 17 tuần, 51 tiết + 17 tiết CĐ học tập 2,3

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
1	Bài 6 Nguyễn Du – “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng” (12 tiết)	Tri thức Ngữ văn Độc: Tác gia Nguyễn Du	55,56	19	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du * Nội dung tích hợp: - Đánh giá được độ tin cậy của nguồn thông tin số khi tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Du thông qua việc so sánh, đối chiếu nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (1.2.NC1a). - Khai thác và chia sẻ thông tin số bằng công cụ phù hợp, trình bày hiểu biết về tác giả Nguyễn Du bằng sản phẩm số (slide, bài đăng, bảng tóm tắt trực tuyến) (2.2.NC1a). - Tuân thủ quy định về bản quyền và giấy phép số khi sử dụng hình ảnh, tư liệu liên quan đến Nguyễn Du trong quá

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					trình học tập (3.3.NC1a).
		Độc: Trao duyên (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)	57,58,59	19,20	1. Về phẩm chất: Hiểu được diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều khi trao duyên 2. Về năng lực: Phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ văn học 3. Về phẩm chất: Đồng cảm với tình yêu tha thiết và nỗi đau khổ sâu sắc của Thuý Kiều từ đó trân trọng tình cảm Nguyễn Du dành cho con người đặc biệt người phụ nữ.
2 3		Độc: Độc Tiểu Thanh kí (Đọc truyện Tiểu Thanh - Nguyễn Du)	60,61	20,21	1. Kiến thức - HS nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> . - HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật. - HS hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ. 2. Năng lực * Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. * Năng lực đặc thù: <i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . 3. Phẩm chất: Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng. 4. Nội dung tích hợp Năng lực số: - 1.1.NC1b ; Học sinh sử dụng các công cụ số (Google, thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu văn học) để tìm kiếm thông

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					tin về tác giả và bối cảnh sáng tác <i>Độc tiểu thanh kí</i>; lập danh sách nguồn thông tin (website uy tín, sách điện tử, bài nghiên cứu) và trình bày kết quả tìm kiếm kèm link/nguồn rõ ràng. - 1.2.NC1b : Học sinh đánh giá độ tin cậy, tính xác thực của dữ liệu, thông tin số liên quan đến tác giả Nguyễn Du và văn bản <i>Độc tiểu thanh kí</i>; lập bảng so sánh các nguồn (sách, website, bài báo học thuật), ghi rõ tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản và nhận xét mức độ tin cậy. - 3.2.NC1a ; Học sinh kết hợp thông tin tìm được để tạo sản phẩm số mới: bảng tóm tắt văn bản có hình minh họa và trích dẫn nguồn; thiết kế slide trình bày phân tích nhân vật, chủ đề hoặc bình luận về tác phẩm và chia sẻ trên Teams/.
4		Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối	62	21	- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.
5		Viết: Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học	63,64,65	21,22	- Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. - Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.
6		Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm văn học	66	22	- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.
	Bài 7	Độc: Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Trích – Hoàng Phủ Ngọc Tường)			1. Về kiến thức
7	Ghi chép và tưởng tượng		67,68,69	23	- Nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản của tùy bút – một tiểu loại của kí- qua một tác phẩm cụ thể, gồm:
8					

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
9	trong kí 11 tiết + 02 tiết kiểm tra giữa kì II				+ Tính chất ghi chép mang tính xác thực. + Đề tài của văn bản lấy từ sự thật đời sống. + Vai trò của chủ thể sáng tạo trong một văn bản tùy bút. - Hiểu và phân tích được giá trị của các yếu tố tự sự, thuyết minh, đặc biệt là vai trò của yếu tố trữ tình trong một bài tùy bút. - Nhận ra được mức độ, tính chất và các yếu tố hư cấu được sử dụng trong một tác phẩm kí. 2. Về năng lực - Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: + Nắm bắt nội dung của từng đoạn trong văn bản, lựa chọn được những đoạn văn tiêu biểu nhất + Lựa chọn được những chi tiết đặc sắc thể hiện cái nhìn của tác giả bài tùy bút đối với đối tượng được miêu tả trong văn bản. + Phân tích được hiệu quả của một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong văn bản (các phép tu từ, những hình ảnh tiêu biểu, cách tổ chức câu văn, nhan đề tác phẩm...) - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc - viết trong bài học. 3. Về phẩm chất: Trân trọng, yêu mến và tự hào về những vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên đất nước. 4. Nội dung tích hợp Năng lực số: 1.NC1b. Sử dụng công cụ tìm kiếm số (Google, thư viện số) để thu thập thông tin đa chiều (văn bản, hình ảnh, video) về tác giả, tác phẩm, và Sông Hương. 1.2.NC1a. So sánh thông tin về Sông Hương (lịch sử, văn hóa) từ các nguồn khác nhau (trang du lịch, bài nghiên cứu

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					học thuật, sách giáo khoa điện tử) để chọn lọc tư liệu tin cậy phục vụ cho việc phân tích nội dung cơ bản. 3.1.NC1b Tạo ra sản phẩm số (bài trình chiếu, infographic, video) để thể hiện sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình của tùy bút, và lý giải mục đích lồng ghép các yếu tố biểu cảm.
		Đọc: “Và tôi vẫn muốn mẹ...” (Trích Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em – Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích – Svetlana Alexievich)	70,71,72	24	1. Về kiến thức: Nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí, cụ thể: + Chú trọng ghi chép sự thực đời sống + Thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...) - Hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí. 2. Về năng lực: - Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập - Cụ thể: + Nắm được nội dung câu chuyện trong văn bản với những điểm nhấn quan trọng. + Phân tích và lí giải được những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật quan trọng theo cảm nhận cá nhân + Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học. 3. Về phẩm chất: - Đồng cảm với những nỗi đau, sự mất mát của con người do chiến tranh gây ra. - Trân trọng giá trị của tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm mẹ con.

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
10		Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng (tiếp theo)	73	25	- Hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường, vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.
11		Viết: Viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội	74,75,76	25,26	- Viết được bài thuyết minh về một hiện tượng xã hội đáng quan tâm, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. - Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hoá của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau. * Nội dung tích hợp: - Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống - Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ. - Cách thức thực hiện: Thông qua tiết viết văn bản giáo viên hướng dẫn hs: <i>Giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: Có thái độ cầu thị, tìm hiểu về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, học hỏi, tiếp thu các nền văn hóa trên thế giới.</i> * Năng lực số: 1.2.NC1a. Học sinh tìm kiếm thông tin về sự vật, hiện tượng thuyết minh, sau đó kiểm tra chéo thông tin cơ bản (khái niệm, lịch sử, cấu tạo/nguyên nhân) từ ít nhất 3 nguồn khác nhau để đảm bảo tính chính xác và khách quan của văn bản thuyết minh.

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					1.2.NC1b. Phân tích, lựa chọn các loại dữ liệu khác nhau (văn bản thuần túy, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh) để làm rõ bản chất và các biểu hiện cụ thể của sự vật/hiện tượng, đảm bảo tính trực quan và logic. 3.1.NC1a Học sinh sử dụng các công cụ xử lý văn bản (Word/Google Docs) để tổ chức bố cục bài thuyết minh và chèn/chỉnh sửa các đối tượng đa phương tiện (biểu đồ, bảng, ảnh) đã chọn lọc, đảm bảo văn bản rõ ràng, khoa học và chuyên nghiệp.
12		Nói và nghe: Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống	77	26	- Biết thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
13		Kiểm tra giữa kì II	78,79	26	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập. - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT.
14	Bài 8 Cấu trúc của văn bản thông tin (11 tiết)	Đọc: Nữ phóng viên đầu tiên (Trần Nhật Vy)	80,81,82	27,28	1. Về kiến thức: - Xác định được đề tài, chủ đề văn bản và quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. - Nắm được các ý chính, ý phụ, cách trình bày dữ liệu trong văn bản. 2. Về năng lực: Liên hệ được văn bản với bối cảnh xã hội ngoài văn bản, với đời sống đương đại, với những văn bản khác. 3. Về phẩm chất: Có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt.
15					
16					

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
		Đọc: Trí thông minh nhân tạo (Trích 50 ý tưởng về tương lai – Ri-sát Oát-xon – Richard Watson)	83,84	28	1. Về kiến thức - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, infographic - Xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản - Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản - Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác 2. Về năng lực - Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ cho học sinh: - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin. - Nêu được ý nghĩa của văn bản thông tin đối với bản thân. - Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm của người viết bản tin, sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong việc thể hiện thông tin. - Nhận biết và sử dụng được cách trích dẫn, chú thích trong văn bản; phân tích được vai trò của một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ, ... trong văn bản. - Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một văn bản thông tin. 3. Về phẩm chất - Trung thực: Trung thực trong thực hiện và báo cáo các sản phẩm của nhóm - Trách nhiệm: Trong thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm; Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					trách nhiệm với cộng đồng; Có thái độ trân trọng đối với những đóng góp lớn của các nhà khoa học, những nỗ lực không ngừng của con người trong việc phát triển trí tuệ nhân tạo. - Chăm chỉ: Có tinh thần tích cực trong việc tạo lập văn bản, chia sẻ những cảm nhận của mình về các văn bản thông tin. 4. Nội dung tích hợp * Năng lực số: 1.1.NC1b. Học sinh sử dụng các từ khóa chuyên ngành (ví dụ: <i>AI là gì, ứng dụng AI trong đời sống, rủi ro AI</i>) và tìm kiếm các Infographic, video minh họa để làm rõ các khái niệm, dữ liệu và cách trình bày trong văn bản. 4.2.NC1b Học sinh tìm hiểu về cách các hệ thống AI thu thập và sử dụng dữ liệu, từ đó nhận biết rủi ro và áp dụng các cách thức an toàn khi tương tác với các ứng dụng AI. 6.2.NC1b. Học sinh thực hành tương tác với một hệ thống AI (ví dụ: chatbot, công cụ dịch thuật) để điều chỉnh đầu vào (câu hỏi, lệnh) sao cho đầu ra phù hợp với nhu cầu
17		Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	85	29	- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
18		Viết: Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên	86,87,88	29,30	- Viết được bài thuyết minh về một vấn đề của xã hội đương đại có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. - Biết tiếp nhận thông tin đa chiều để xây dựng được tâm thế sống vững vàng, chủ động; coi trọng những giá trị văn hoá được xây đắp bền vững qua thời gian

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					Tích hợp: Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do. * Nội dung tích hợp: Nêu được trách nhiệm của thanh niên, HS trong việc PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. - Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện trách nhiệm công dân về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động PCTN, lãng phí, tiêu cực phù hợp với lứa tuổi Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ
19		Nói và nghe: Tranh biện về một vấn đề trong đời sống	89	30	- Biết tranh biện có hiệu quả và có văn hoá về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. Tích hợp: + Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội; kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng + Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá * Nội dung tích hợp: Nêu được trách nhiệm của thanh niên, HS trong việc PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính.

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					- Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện trách nhiệm công dân về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động PCTN, lãng phí, tiêu cực phù hợp với lứa tuổi Mức độ: Tích hợp bộ phận, liên hệ
20		Trả bài Kiểm tra giữa kì II	90	30	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.
21	Bài 9 Lựa chọn và hành động (11 tiết) + Kiểm tra cuối học kì II	Tri thức Ngữ văn Đọc: Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ)	91,92,93	31	1. Về kiến thức - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh... - Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngất ngưỡng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại. - Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc. 2. Về năng lực - <i>Về năng lực chung:</i> Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,.... - <i>Về năng lực đặc thù:</i> Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói
22					
23					

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					(có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng). 3. Về phẩm chất: Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người. 4. Nội dung tích hợp * Năng lực số: - 1.1.NC1b: Học sinh sử dụng các kỹ thuật tìm kiếm chuyên biệt để tìm kiếm các tư liệu về tác giả và thể loại. - 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá và phân biệt các nguồn thông tin để đối chiếu, so sánh - 2.2.NC1a: Học sinh sử dụng các công cụ số phù hợp (slide, tài liệu chia sẻ trực tuyến) để chia sẻ và trình bày kết quả phân tích về tín hiệu nghệ thuật, tư tưởng, và thông điệp một cách trực quan và có tổ chức với nhóm/lớp.
		Độc: Cộng đồng và cá thể (Trích Thế giới như tôi thấy - An-be Anh-xtanh - Albert Einstein)	94,95	32	1. Về kiến thức - Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời sự nghiệp , cống hiến của tác giả Albert Einstein - Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản. - Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng. - Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản. 2. Về năng lực - <i>Về năng lực chung:</i> Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ,... - <i>Về năng lực đặc thù:</i> Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề đặt ra trong văn bản. 3. Về phẩm chất: Sống có lí tưởng, xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng.

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
24		Thực hành tiếng Việt: Cách giải thích nghĩa của từ	96	32	1. Về kiến thức - Hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. - Hiểu rõ các thao tác giải thích của từ được thực hiện trong một số văn bản đã đọc và biết cách vận dụng chúng trong hoạt động thực hành hoặc giao tiếp nói chung. - Biết chọn cách giải thích nghĩa của từ phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể. 2. Về năng lực - <i>Về năng lực chung:</i> Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,.... - <i>Về năng lực đặc thù:</i> + Năng lực giải quyết những tình huống cụ thể đặt ra trong văn bản. + Sử dụng có hiệu quả từ ngữ trong quá trình giao tiếp 3. Về phẩm chất: Có thái độ trân trọng và giữ gìn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. 4. Nội dung tích hợp * Năng lực số: 1.1.NC1b. Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm và từ điển trực tuyến để tra cứu định nghĩa, từ nguyên (nếu có), và các ví dụ về cách sử dụng từ trong các ngữ cảnh khác nhau 1.2.NC1a. Học sinh so sánh và đánh giá các định nghĩa của một từ (đặc biệt là các từ mới hoặc từ chuyên ngành) từ các nguồn từ điển uy tín và các nguồn thông tin không chính thống để chọn lọc định nghĩa chính xác nhất và khoa học nhất. 3.1.NC1a. Học sinh sử dụng các công cụ soạn thảo số (ví dụ: bảng biểu, Slide) để tổ chức, tạo, và chỉnh sửa các hình

STT	CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC (1)	TIẾT/TUẦN (2)		YÊU CẦU CẦN ĐẠT (3)
					thức trình bày về cách giải thích nghĩa của từ.
25		Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật	97,98,99	33	- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội họa, điêu khắc,..), nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. - Biết tôn trọng con người cá nhân đồng thời luôn nuôi dưỡng ý thức đóng góp cho cộng đồng, biết thể hiện sự can đảm và sáng suốt ở những lựa chọn có tính bước ngoặt trong cuộc đời.
26		Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật (tiếp theo)	100	34	- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội họa,..).
27		Ôn tập cuối kì II	101,102	34	- Khái quát, hệ thống được kiến thức cơ bản đã học trong năm học, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
28		Kiểm tra cuối kì II	103,104	35	- Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong năm học, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập. - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT.
29		Trả bài kiểm tra CK II	105	35	- Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập. - Có tinh thần vươn lên trong học tập

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)		Tiết/ Tuần (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
1	Chuyên đề học tập 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam (10 tiết)	Phần 1. Tập nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam	1-2-3-4-5	1->5	– HS nắm được các khái niệm cơ bản của nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian. – HS hiểu rõ những yêu cầu cơ bản của nghiên cứu và một số thao tác nghiên cứu văn học dân gian cần vận dụng.
2		Phần 2. Viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam	6-7-8 -9-10	6->10	– HS xác định được đề tài nghiên cứu. – HS tạo ra được các sản phẩm nghiên cứu phù hợp với từng đề tài đã chọn.
3					
4					
5	Chuyên đề học tập 2: Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại (15 tiết)	Phần 1. Bản chất xã hội – văn hoá của ngôn ngữ	11-12-13- 14-15	11->15	– HS học các nội dung lí thuyết, tìm hiểu về bản chất XH của ngôn ngữ
6		Phần 2. Sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội	16-17-18- 19-20	16->20	– HS học các nội dung lí thuyết, tìm hiểu về sự phát triển của ngôn ngữ trong đời sống xã hội
7		Phần 3. Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp	21-22-23- 24-25	21->25	– HS hiểu được việc vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong giao tiếp – HS thực hiện các bài tập và trao đổi, thảo luận về một số vấn đề được đặt ra.
9	Chuyên đề học tập 3: Đọc, viết và giới thiệu một tác giả văn học (10 tiết)	Phần 1. Đọc về một tác giả văn học	26-27-28	26->28	– HS học các nội dung lí thuyết và luyện tập – HS viết bài giới thiệu về tác giả văn học và báo cáo sản phẩm đã hoàn thành – thời gian viết bài giới thiệu một phần được thực hiện ở nhà
10		Phần 2. Viết về một tác giả văn học	29-30-31- 32	29->32	
11		Phần 3. Thuyết trình về một tác giả văn học	33-34-35	33->35	

3. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa học kì 1	90 phút	Tuần 8,9	Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết theo phạm vi: - Đọc hiểu, Tiếng Việt: - Viết: - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện bài kiểm tra.	Tự luận
Cuối học kì 1	90 phút	Tuần 17	Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết của 5 bài học trong học kì 1. - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện bài kiểm tra.	Tự luận
Giữa học kì 2	90 phút	Tuần 26,27	Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết theo phạm vi: - Đọc hiểu, Tiếng Việt: - Viết: - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện bài kiểm tra.	Tự luận
Cuối học kì 2	90 phút	Tuần 35	Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết của 4 bài học trong học kì 2. - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện bài kiểm tra.	Tự luận

KHỐI 12**I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 05 lớp; **Số học sinh:** 190; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:** 12C1,3,4,5

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 03; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 ; Đại học: 2 ; Trên đại học: 1

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: 01; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Phương tiện, thiết bị dạy học:(Trình bày cụ thể các phương tiện, thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Phương tiện, thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Hệ thống VB đọc mở rộng về văn bản văn học (tiểu thuyết, truyện hiện đại, thơ). - Tranh ảnh, video liên quan nội dung VB văn học - Phiếu học tập. - Máy chiếu		Bài 1. Khả năng lớn lao của tiểu thuyết Bài 2. Những thế giới thơ Bài 4. Yếu tố kì ảo trong truyện kể Bài 6. Văn hóa soi đường cho quốc dân đi Bài 9. Văn học và cuộc đời	
2	- Hệ thống VB đọc mở rộng về VB nghị luận (nghị luận xã hội, nghị luận văn học). - Sơ đồ về mạch lập luận trong các VB nghị luận. - Phiếu học tập. - Máy chiếu		Bài 3. Lập luận trong văn nghị luận	
3	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là kịch bản văn học - Tranh, ảnh, video về các văn bản kịch. - Phiếu học tập. - Máy chiếu		Bài 5. Tiếng cười của hài kịch	
4	Thiết bị dạy học các bài với thể loại chính là kí bản văn học - Tranh, ảnh, video về các văn bản kí. - Phiếu học tập. - Máy chiếu		Bài 7. Sự thật trong tác phẩm kí	
5	- Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là nghị luận: - Phiếu học tập. - Máy chiếu		Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận Bài 6. Nguyễn Trãi – danh, còn để trợ dân này Bài 9. Hành trang cuộc sống	
6	Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản chính là văn bản thông tin: Hệ thống VB thông tin đọc mở rộng (VB thông tin về các vấn đề văn hoá, khoa học, nghệ thuật; Bản tin; VB nội quy		Bài 6. Dữ liệu của văn bản thông tin	

	hoặc hướng dẫn nơi công cộng). – Các loại phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, biểu đồ, infographic,...) – Phiếu học tập. – Máy chiếu			

II. Phân phối chương trình

1. Học kì 1: 18 tuần, 54 tiết

STT	BÀI HỌC (1)	TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
1	Bài 1 – Khả năng lớn lao của tiểu thuyết Tri thức Ngữ văn VB1: Xuân tóc đỏ cứu quốc(Trích số đỏ - Vũ Trọng Phụng)	1,2,3	1	1. Năng lực – Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: khả năng bao quát hiện thực đời sống; góc độ quan sát, nhân vật và hệ thống sự kiện; cách miêu tả nét đặc thù của ngôn ngữ nhân vật;... thể hiện qua đoạn trích Xuân Tóc Đỏ cứu quốc. – Nhận biết và phân tích được tính chất trào phúng, giá trị hiện thực của tiểu thuyết Số đỏ, một kiệt tác hoạt kê của Việt Nam trong thế kỉ XX, thể hiện qua đoạn trích. – Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản Xuân Tóc Đỏ cứu quốc để đọc hiểu những văn bản cùng thể loại và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1b Tìm kiếm và thu thập tài liệu, thông tin về tác giả Vũ Trọng Phụng, về tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> (bối cảnh xã hội, giá trị hiện thực, nghệ thuật trào phúng) và ý nghĩa nhan đề đoạn trích "Xuân Tóc Đỏ cứu quốc" để chuẩn bị bài. - 1.2.NC1a Sàng lọc và kiểm tra độ tin cậy của các nguồn thông tin về tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> (ví dụ: phân biệt giữa nguồn học thuật chính thống như sách giáo khoa, bài nghiên cứu của nhà phê bình với các nguồn thông tin trên mạng xã hội, các blog cá nhân). - 4.2.NC1a Học sinh ghi rõ nguồn tài liệu (tên sách, tên tác giả, đường link trang web) khi hoàn thành phiếu học tập hoặc slide trình chiếu; không chia sẻ mật khẩu

					khi dùng chung nền tảng học tập trực tuyến.
2		VB2: Mùa lá rụng trong vườn (Ma Văn Kháng)	4,5	2	1. Về năng lực - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Ma Văn Kháng. - Năng lực đọc – hiểu tác phẩm tiểu thuyết. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công nội dung, nghệ thuật của văn bản. - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong tiểu thuyết, các nhân vật có cùng đề tài với các tác giả khác. 2. Phẩm chất - Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam truyền thống và những giá trị tinh thần cao quý đã gắn kết các thành viên trong một gia đình Việt.
3		THTV: Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng.	6	2	1. Năng lực – Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng. – Biết vận dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong nói và viết nhằm đạt được những mục đích cụ thể đã xác định. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn. 2. Phẩm chất - Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.
4		Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	7,8,9	3	1. Năng lực – Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. – Chọn được đề tài phù hợp để viết bài. – Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau). 2. Phẩm chất

					- Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, căn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1a Sử dụng công cụ số để thu thập thông tin và tư liệu cần thiết (bài phân tích, phê bình, tài liệu về tác giả, bối cảnh lịch sử, xã hội...) nhằm phục vụ cho việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. - 1.1.NC1b Áp dụng các từ khóa, bộ lọc tìm kiếm nâng cao để lấy được dữ liệu/nội dung phân tích chuyên sâu, tiêu biểu, xác đáng về hai tác phẩm truyện. - 1.2.NC1a Phân biệt và đánh giá được độ tin cậy của các nguồn tư liệu số để chọn lọc dẫn chứng tiêu biểu và có giá trị học thuật cao, tránh sai sót trong quá trình đánh giá tác phẩm.
5		Nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	10	3	1. Năng lực – Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình. – Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng). – Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;... 2. Phẩm chất - Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.
6	Bài 2- Những thế giới	Tri thức Ngữ văn VB1: Cảm	11,12,13	4,5	1. Năng lực – Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ Cảm hoài.

	thơ	hoài(Nỗi lòng-Đặng Dung)			– Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng). – Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Cảm hoài để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại. 2. Phẩm chất - Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.
7		VB2: Tây Tiến (Quang Dũng)	14,15	5	1. Năng lực – Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ Tây Tiến. – Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng). – Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Tây Tiến, qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại. 2. Phẩm chất - Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập các định nghĩa chính xác về các biện pháp tu từ và các ví dụ minh họa cụ thể từ các bài thơ khác ngoài sách giáo khoa để củng cố kiến thức. - 1.1.NC1b Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm hiệu quả để lấy được các tài liệu, bài viết phân tích chuyên sâu về tác dụng tu từ của các biện pháp này trong ngữ cảnh thơ ca (tác dụng của ẩn dụ trong thơ trữ tình). - 1.1.NC1d Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm hiệu quả để lấy được các tài liệu, bài viết phân tích chuyên sâu về tác dụng tu từ của các biện pháp này trong ngữ cảnh thơ ca (tác dụng của ẩn dụ trong thơ trữ tình).
8		VB3: Đoàn Ghi ta của Lor-ca	16	6	1. Năng lực – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... được thể

		(Thanh Thảo)			hiện trong bài thơ Đàn ghi ta của Lor-ca. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bí tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca. – Rèn luyện kỹ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực. 2. Phẩm chất -Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.
9		THTV: Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ	17	6	1. Năng lực - Nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ. 2. Phẩm chất - Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập các định nghĩa chính xác về các biện pháp tu từ và các ví dụ minh họa cụ thể từ các bài thơ khác ngoài sách giáo khoa để củng cố kiến thức. - 1.1.NC1b Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm hiệu quả để lấy được các tài liệu, bài viết phân tích chuyên sâu về tác dụng tu từ của các biện pháp này trong ngữ cảnh thơ ca (tác dụng của ẩn dụ trong thơ trữ tình). - 1.1.NC1d Sử dụng kỹ thuật tìm kiếm hiệu quả để lấy được các tài liệu, bài viết phân tích chuyên sâu về tác dụng tu từ của các biện pháp này trong ngữ cảnh thơ ca (tác dụng của ẩn dụ trong thơ trữ tình).
10		Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	18,19,20	6,7	1. Năng lực – Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, lựa chọn được đề tài phù hợp để viết bài. – Chỉ ra, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. 2. Phẩm chất -Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản

					nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
11		Nói và nghe: Trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	21	7	1. Năng lực – Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần Viết để xây dựng nội dung bài thuyết trình. – Trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần Viết). – Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. 2. Phẩm chất - Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.
12	Bài 3 – Lập luận trong văn nghị luận + Ôn tập + Kiểm tra giữa kì	Tri thức Ngữ văn VB1: Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trích Trần Đình Hượu)	22,23	8	1. Năng lực – Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề Nhìn về vốn văn hoá dân tộc của văn bản. – Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc. – Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận. – Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận Nhìn về vốn văn hoá dân tộc để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống: - Giáo dục ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân

					tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. (tích hợp bộ phận) * Tích hợp năng lực số (NLS) - 1.1.NC1a Tìm kiếm, thu thập và đọc văn bản "Nhìn về vốn văn hoá dân tộc" để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu kiến thức về vốn văn hóa dân tộc, nét đặc thù của văn hóa Việt Nam theo mục tiêu bài học (mục 1. Về kiến thức). - 1.1.NC1b Sử dụng công cụ tìm kiếm số để tìm trọn vẹn đoạn trích, thông tin về tác giả Trần Đình Hượu, hoặc các tài liệu liên quan/bổ sung (ví dụ: các bài nghiên cứu về bản sắc văn hóa Việt Nam) để làm rõ các luận điểm trong bài. - 1.2.NC1a Tìm kiếm và so sánh với các nguồn tài liệu nghiên cứu khác (trên môi trường số) để đánh giá tính khách quan, độ tin cậy của các luận điểm tác giả đưa ra về văn hóa dân tộc (thông tin về uy tín học thuật của Trần Đình Hượu; so sánh quan điểm của ông với các nhà nghiên cứu khác về bản sắc văn hóa.)
13		VB2: Năng lực sáng tạo (Trích Phan Đình Diệu)	24	8	1. Năng lực – Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. – Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo. – Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản. 2. Phẩm chất -Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức.
14		Ôn tập giữa kì 1	25,26	9	1. Năng lực – Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong SGK Ngữ văn 12 giữa kì 1, tập một. – Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

					2. Phẩm chất -Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.
15		Kiểm tra giữa kì 1	27,28	9	1. Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; tiểu thuyết, thơ; VB nghị luận – Tiếng Việt: BPTT nói mĩ, nghịch ngữ; tác dụng của một số BPTT; lỗi lô gic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa – Viết: Viết bài Nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện và 02 tác phẩm thơ; Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ 2.Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo
16		VB3: Mấy ý nghĩ về thơ (Trích Nguyễn Đình Thi)	29	10	1. Năng lực – Nhận biết và phân biệt được văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học. – Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học Mấy ý nghĩ về thơ. – Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận Mấy ý nghĩ về thơ để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất -Yêu thích thơ ca, bồi dưỡng tâm hồn, có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.
17		THTV: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa	30	10	1. Năng lực – Nhận diện và hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ). – Biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh. 2. Phẩm chất Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.
18		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề	31,32	11	1. Năng lực – Xác định được các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

		liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)			– Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. 2. Phẩm chất – Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cân trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ). 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống - GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: - GD tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng (tích hợp bộ phận) * Tích hợp năng lực số (NLS) - 1.1.NC1a Xác định nhu cầu thông tin để phục vụ việc xây dựng luận điểm, lí lẽ, và bằng chứng cho bài văn nghị luận về hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ. - 1.1.NC1b Sử dụng hiệu quả các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để thu thập lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng phục vụ cho các thao tác chứng minh, bình luận trong bài viết. - 1.2.NC1a Kiểm tra độ tin cậy và sự phù hợp của các nguồn thông tin số để đảm bảo tính xác đáng của bằng chứng và lí lẽ sử dụng trong bài văn nghị luận.
19		Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ	33	11	1. Năng lực – Xác định được các bước để thuyết minh về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. – Trình bày được một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. – Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. – Vận dụng được kiên thức và kĩ năng đã học để thực hiện 1 nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.
20		Trả bài giữa kì I	34	12	1. Năng lực Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu

					của bài kiểm tra theo cấu trúc 2 phần đọc – hiểu và viết 2. Phẩm chất - Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.
21	Bài 4 – Yếu tố kì ảo trong truyện kể	Tri thức Ngữ văn VB1: Hải khẩu linh tử-Đền thiên cửa bể(Trích Đoàn Thị Điểm)	35,36,37	12	1. Năng lực – Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật...; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì Đền thiên cửa bể, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian. – Xác định được chủ đề, ý nghĩa của truyện truyền kì Đền thiên cửa bể. – Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Đền thiên cửa bể để đọc hiểu truyện truyền kì và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý lịch sử, văn hoá, văn học của dân tộc.
22		VB2: Muối của Rừng (Trích Nguyễn Huy Thiệp)	38,39,40	13,14	1. Năng lực - Chỉ ra, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản Muối của rừng. - Nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại qua văn bản Muối của rừng - Xác định được chủ đề, ý nghĩa của truyện Muối của rừng. - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học về văn bản Muối của rừng thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, có lối sống hoà hợp với thế giới tự nhiên.
23		THTV: Nghệ thuật sử dụng điện cổ trong tác phẩm văn học	41	14	1. Năng lực - Nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điện cổ trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại). - Nhận thức và lí giải được vấn đề: sử dụng điện cổ cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học. 2. Phẩm chất Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

					3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp - 2.6.NC1a HS cần tìm kiếm thông tin về nguồn gốc (tích truyện, sự kiện lịch sử) của điển cố (ví dụ: Xuân Thu, Tam Quốc, điển tích Kiều). sử dụng các danh tính số phù hợp với môi trường tìm kiếm: - 2.6.NC1b HS tham gia các nhóm, diễn đàn mở để trao đổi về cách hiểu và sáng tạo điển cố, chủ động bảo vệ danh tính khi tương tác và chia sẻ kiến thức - 2.6.NC1c HS tạo ra và sử dụng dữ liệu số để làm rõ vấn đề: - 3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau.
24		Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học	42,43	15	1. Năng lực – Nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài, bao gồm việc xác định người sáng tác đã tiếp nhận/ vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào, phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, cảm xúc,... của tác giả. – Biết thực hành viết bài văn nghị luận (về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học) theo các bước được hướng dẫn. – Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cân trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

25		Nói và nghe: Trình bày về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học	44	15	1. Năng lực - Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày vấn đề tiếp nhận, cách tân,... trong một tác phẩm văn học cụ thể. - Biết lựa chọn đề tài, trình bày, đánh giá được việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học cụ thể. - Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn. 2. Phẩm chất - Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.
26	Bài 5 – Tiếng cười của hài kịch + Ôn tập + Kiểm tra cuối kì	Tri thức Ngữ văn VB1: Nhân vật quan trọng (Trích Quan thanh tra-Ni-cô-lai Gô-gôn-Nikolai Gogol)	45,46	15,16	1. Năng lực - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản Nhân vật quan trọng. - Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội. - Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Nhân vật quan trọng để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.
27		VB2: Giấu của (Trích Quẩn-Lộng Chương)	47,48	16	1. Năng lực - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản Giấu của. - Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội. - Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Giấu của để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân

				thực, tự nhiên. 4. Nội dung tích hợp * Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống: - Giáo dục phòng chống tham nhũng, tiêu cực và giáo dục đạo đức liêm chính. (tích hợp bộ phận) * Tích hợp năng lực số (NLS) - 1.1.NC1a: Xác định nhu cầu thông tin chuyên biệt: Học sinh nhận diện chính xác loại thông tin cần thiết để phân tích tác phẩm hài kịch, đặc biệt là các yếu tố gây cười và tác động xã hội. - 1.1.NC1b: Tìm kiếm dữ liệu văn học và xã hội: Học sinh sử dụng các công cụ tìm kiếm để thu thập tài liệu, nhận định về tác phẩm, và các vấn đề xã hội liên quan (như tham nhũng, thói keo kiệt). - 1.2.NC1a: Kiểm tra độ tin cậy của thông tin phân tích: Học sinh kiểm tra tính chính xác của các nhận định về chủ đề, tư tưởng của hài kịch và ảnh hưởng của tác phẩm đối với xã hội. - 2.2.NC1a: Chia sẻ và hợp tác bằng công cụ số: Học sinh sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để phân phối thông tin đã tìm kiếm và tổng hợp, phục vụ cho quá trình thảo luận và phân tích chung.	
28		Ôn tập cuối kỳ 1	49	17	1. Năng lực – Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong SGK Ngữ văn 12, tập một. – Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp. 2. Phẩm chất Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.
29		Kiểm tra cuối kỳ 1	50,51	17	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; tiểu thuyết, thơ; VB nghị luận; kịch; truyện kể. – Tiếng Việt: BPTT nói mỉa, ngịch ngữ; tác dụng của một số BPTT; lỗi lô gic, lỗi

					câu mơ hồ và cách sửa; nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học. – Viết: Viết bài Nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện và 02 tác phẩm thơ; Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn- cải biến- sáng tạo trong tác phẩm văn học; Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. 2. Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo
30		Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội	52	18	1. Năng lực – Nhận biết được yêu cầu cần đạt của kiểu bài. – Thực hành viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo. – Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất - Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
31		Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.	53	18	1. Năng lực – Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. – Thuyết trình được kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. – Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn. 2. Phẩm chất - Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1b: Tìm kiếm và thu thập dữ liệu nghiên cứu: Học sinh sử dụng các kỹ thuật tìm kiếm chuyên sâu để thu thập các bằng chứng chính xác, đầy đủ (số liệu, nghiên cứu khoa học, thống kê) và các lí lẽ thuyết phục phục vụ cho bài báo cáo.

					- 1.2.NC1a: Đối chiếu, chọn lọc bằng chứng và số liệu: Học sinh kiểm tra tính chính xác, khách quan, và tính thời sự của các dữ liệu và bằng chứng thu thập được để đảm bảo hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí.
		Trả bài kiểm tra CKI	54	18	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

2. Học kì 2: 17 tuần, 51 tiết.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
32	Bài 6: Hồ Chí Minh – “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”	Tri thức Ngữ văn VB1: Tác gia Hồ Chí Minh	55,56	19	1. Năng lực – Chỉ ra được sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh, sự chi phối của quan niệm sáng tác đến các tác phẩm Người viết ra. – Lí giải được tính đa dạng của di sản văn học Hồ Chí Minh, những điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Người. – Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm các bài viết về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh. 2. Phẩm chất - Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người. 3. Nội dung tích hợp: * Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống. - GD truyền thống lịch sử dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc - GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					<i>lành mạnh</i> (tích hợp bộ phận) * Tích hợp năng lực số (NLS) - 1.1.NC1b: Tìm kiếm nâng cao: HS biết sử dụng các kỹ thuật tìm kiếm chuyên sâu để thu thập tài liệu, tác phẩm và tư liệu chính xác về Hồ Chí Minh. - 1.2.NC1a: Kiểm tra nguồn thông tin: HS biết phân tích, so sánh và đánh giá độ tin cậy, tính xác thực của các nguồn tài liệu số về cuộc đời và tác phẩm của Hồ Chí Minh. - 2.2.NC1a: Chia sẻ tài nguyên học tập: HS chia sẻ các tác phẩm, tư liệu đã tìm được về Hồ Chí Minh với bạn học, giáo viên một cách có hệ thống. - 2.4.NC1a: Phối hợp nhóm: HS đề xuất và sử dụng công cụ số để hợp tác phân tích, tổng hợp kiến thức về sự thống nhất giữa cuộc đời và tác phẩm của Hồ Chí Minh.
33		VB2: Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh)	57, 58	19,20	1. Năng lực – Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản Tuyên ngôn Độc lập. – Chỉ ra và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận qua tìm hiểu bản Tuyên ngôn Độc lập. – Nêu và phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của văn bản. – Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của Tuyên ngôn Độc lập. – Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn. 2. Phẩm chất -Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc.
34		-VB3: Mộ (Chiều tối - Hồ Chí Minh.	59,60	20	1. Năng lực – Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong

STT	BÀI HỌC (1)	TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
				cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người. – Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ). – Phân tích được một số nét đặc sắc trong trữ tình viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh. – Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh. 2. Phẩm chất -Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.
35	VB5: Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn Ái Quốc)	61, 62	21	1. Năng lực – Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu truyện ngắn của Người; chỉ ra và phân tích được quan điểm nghệ thuật của tác giả và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm. – Chỉ ra và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm. – Lí giải được một số nét đặc sắc của tác phẩm. – Đánh giá và trình bày được suy nghĩ của cá nhân về một truyện ngắn hiện đại. 2. Phẩm chất -Trân trọng những con người anh dũng, có công với đất nước.
36	THTV: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định,	63	21	1. Năng lực – Chỉ ra được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
		phủ định trong văn bản nghị luận			– Phân tích được hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận. – Vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết văn bản nghị luận. 2. Phẩm chất - Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.
37		Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án	64,65	22	1. Năng lực – Xác định được các bước trong quy trình viết báo cáo kết quả của bài tập dự án. – Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án đảm bảo tôn trọng những quy cách phổ biến của kiểu văn bản. – Đề xuất được hướng sử dụng hợp lý kết quả của bài tập dự án. – Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện bài tập dự án đối với bản thân (cá nhân hoặc nhóm thực hiện) và đối với việc thúc đẩy sự tìm hiểu, giải quyết các vấn đề có liên quan. 2. Phẩm chất -Chủ động, tích cực và cẩn trọng trong thực hiện bài tập dự án.
38		Nói và nghe: Trình bày kết quả của bài tập dự án	66	22	1. Năng lực – Sử dụng được bài báo cáo đã thực hiện theo yêu cầu của phần Viết để xây dựng bài thuyết trình về kết quả của bài tập dự án. – Thuyết trình được kết quả của bài tập dự án một cách thuyết phục, có sự tương tác tích cực với người nghe. – Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án. 2. Phẩm chất -Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
39	Bài 7: Sự thật trong tác phẩm kí	Tri thức Ngữ văn VB1: Nghệ thuật băm thịt gà (Trích Việc làng – Ngô Tất Tố)	67, 68, 69	23	1. Năng lực - Nhận biết được một số yếu tố của phóng sự qua đọc hiểu văn bản Nghệ thuật băm thịt gà: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;... - Phân tích được giá trị nội dung và những điểm đặc sắc về nghệ thuật của phóng sự Nghệ thuật băm thịt gà. - Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của bài phóng sự đối với sự tiếp nhận của người đọc và tiến bộ xã hội. 2. Phẩm chất - Có cái nhìn tinh táo về hiện thực, có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về bản chất của các hiện tượng đời sống diễn ra xung quanh. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): 1.1.NC1a Xác định từ khóa, khái niệm cần tìm kiếm (tính phi hư cấu, thủ pháp nghệ thuật, tài liệu phê bình) để hỗ trợ phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản. 1.1.NC1b Sử dụng công cụ tìm kiếm số (Google, thư viện số) để lấy được thông tin về tác giả Ngô Tất Tố, bối cảnh xã hội "Việc làng", và đặc điểm thể loại phóng sự. 2.2.NC1a Sử dụng nền tảng số để chia sẻ, lan tỏa sự phân tích và đánh giá về khả năng tác động của bài phóng sự đối với tiến bộ xã hội và xây dựng phẩm chất tinh táo về hiện thực.
40		VB2: Bước vào đời (Trích Nhớ nghĩ	70,71	24	1. Năng lực HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
		chiều hôm – Đào Duy Anh)			thể hiện trong văn bản Bước vào đời của tác giả Đào Duy Anh: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;... – HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; ý nghĩa của văn bản và bài học với người tiếp nhận;...). – HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề). 2. Phẩm chất - Biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.
41		THTV: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.	72	24	1. Năng lực – Chỉ ra được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các tình huống giao tiếp. – Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong các nhiệm vụ học tập và tình huống thực tiễn liên quan đến giao tiếp cá nhân. 2. Phẩm chất - Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật hiệu quả trong thực tiễn giao tiếp. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1a Xác định rõ khái niệm và quy tắc sử dụng ngôn ngữ trang trọng/thân mật trong các tình huống giao tiếp số (email, tin nhắn).

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					- 2.2.NC1a Lựa chọn công cụ số phù hợp (email, ứng dụng nhắn tin) để thực hành và chia sẻ các sản phẩm giao tiếp (đã điều chỉnh ngôn ngữ). - 3.2.NC1a Sử dụng công cụ chỉnh sửa văn bản số để tạo ra các phiên bản khác nhau của cùng một nội dung giao tiếp (thông tin mới), tinh chỉnh ngôn ngữ từ trang trọng sang thân mật (hoặc ngược lại), và tích hợp các quy tắc ngôn ngữ đã học (kiến thức hiện có).
42		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)	73,74,75	25	1. Năng lực – Xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội). – Trình bày được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; có ý thức rèn luyện các kĩ năng, thao tác cần thiết để viết bài và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân. – Viết được hoàn chỉnh bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội). 2. Phẩm chất - Biết cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện bản thân và xây dựng cộng đồng.
43		Nói và nghe: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)	76	26	1. Năng lực – Xác định được các bước để trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội). – Trình bày được quan điểm và cách ứng xử về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					– Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. – Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn. 2. Phẩm chất – Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện. – Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1b HS tìm kiếm, chọn lọc thông tin liên quan đến chủ đề cách ứng xử trong các mối quan hệ từ các nguồn số. - 2.1.NC1a Trình bày quan điểm một cách hiệu quả bằng cách sử dụng các công cụ/phương tiện công nghệ số (ví dụ: PowerPoint, Canva). - 3.1.NC1a Giao tiếp và ứng xử có văn hóa, tôn trọng và có trách nhiệm khi sử dụng các công cụ số để trình bày và đối thoại. - 4.2.NC1a Bảo vệ danh tính, thông tin cá nhân trong quá trình chuẩn bị và thực hiện bài nói/thảo luận trên nền tảng số. - 4.2.NC1b Đảm bảo tính xác thực, độ tin cậy và tránh tạo ra nội dung gây hại (rủi ro thông tin) khi trình bày quan điểm.
44	Bài 8: Dữ liệu trong văn bản thông tin + Ôn tập + Kiểm tra giữa kì II	Ôn tập giữa kì 2	77,78	26	1. Năng lực – Hệ thống hoá những kiến thức đã học trong SGK Ngữ văn 12 học kì 2 , tập hai. – Phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học và rèn luyện vào

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp. 2. Phẩm chất Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.
45		Kiểm tra giữa kì 2	79,80	27	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; thơ; kí; – Tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật – Viết: Viết báo cáo kết quả bài tập dự án; Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ(cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) 2.Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo
46		VB1: Pa-ra-na(Parana)(Trích nhiệt đới buồn-Cò-lốt Lê-vi-Xơ- Claude Lé -vi- Strauss)	81,82	27,28	1. Năng lực – Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản Pa-ra-na. – Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản Pa-ra-na. - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản Pa-ra-na. – Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					– Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã, tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>. 2. Phẩm chất -Trân trọng và có ứng xử bình đẳng với những nền văn hoá khác biệt.
47		VB2: Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục (Nguyễn Nam)	83,84	28	1. Năng lực – Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản <i>Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục</i>, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục. – Chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản. – Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản. – So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thể hiện quan điểm của bản thân về giáo dục khai phóng và đọc hiểu văn bản mới cùng thể loại. 2. Phẩm chất - Trân trọng đối với những di sản của quá khứ. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 1.1.NC1a Sử dụng các công cụ số để tìm kiếm, lọc các thông tin liên quan đến "<i>Giáo dục khai phóng</i>", "<i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i>" và tác giả Nguyễn Nam để hỗ trợ phân tích văn bản. - 1.2.NC1a Kiểm tra tính tin cậy của các nguồn dữ liệu đã

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					tìm được, phân biệt dữ liệu sơ cấp (nguồn gốc từ thời Đông Kinh Nghĩa Thực - nếu có) và dữ liệu thứ cấp (bài nghiên cứu của Nguyễn Nam và các nhà nghiên cứu khác) để xác định tính chính xác và độ mới mẻ của thông tin. - 2.2.NC1a Sử dụng công nghệ số để chia sẻ các tư liệu lịch sử, hình ảnh về Đông Kinh Nghĩa Thực, hoặc các bài viết phân tích về giáo dục khai phóng với nhóm học tập hoặc giáo viên.
48		VB3: Đòi muối (Trích Đòi muối: Lịch sử thế giới – Mác Kơ –len-xki-Mark Kurlansky)	85	29	1. Năng lực – Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã có từ việc đọc văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành phân tích được thông tin cơ bản của văn bản Đòi muối, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản. – Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản Đòi muối. – So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn liên quan đến nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và đọc hiểu một văn bản thông tin mới. 2. Phẩm chất -Có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về lịch sử.
49		Trả bài kiểm tra giữa kì 2	86	29	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
50		THTV: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	87	29	1. Năng lực – Trình bày được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin,... của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả và tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ quyền tác giả. – Vận dụng được các kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập. – Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nêu quan điểm của bản thân về vấn đề đạo văn và tìm hiểu về trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. 2. Phẩm chất Có ý thức tôn trọng quyền tác giả và bảo vệ quyền tác giả. 3. Nội dung tích hợp * Tích hợp năng lực số (NLS): - 4.1.NC1b Bảo vệ các tệp nội dung số (bài viết, đề tài nghiên cứu) của bản thân khỏi việc bị sao chép trái phép hoặc bị truy cập mà không được phép, đồng thời đảm bảo nội dung số của mình không xâm phạm quyền của người khác. - 4.1.NC1c Bảo vệ dữ liệu cá nhân (tên tuổi, thông tin liên hệ...) khi đăng tải các sản phẩm mang quyền sở hữu trí tuệ (bài viết, video) lên môi trường số, tránh bị lợi dụng hoặc giả mạo. - 4.2.NC1a Tuân thủ các quy tắc bản quyền khi sử dụng bất kỳ thông tin, hình ảnh, hoặc ý tưởng nào của người khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. - 4.2.NC1b Hiểu và áp dụng các điều khoản khi sử dụng các phần mềm, hình ảnh, hoặc âm nhạc có bản quyền trong sản phẩm của mình, phân biệt giữa nội dung miễn phí và nội dung có tính phí/giới hạn sử dụng.
51		Viết thư trao đổi về	88,89	30	1. Năng lực

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
		công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm			– Xác định được các bước trong quy trình viết một bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài. – Viết được một bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm sau khi lựa chọn được đề tài phù hợp. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm có sức hấp dẫn đối với người đọc. 2. Phẩm chất - Chủ động, tích cực và cẩn trọng trong khi viết bài.
52		Nói và nghe Viết: Tranh biện về một vấn đề đời sống	90	30	1. Năng lực – Tranh biện về một vấn đề trong đời sống thể hiện được những ý kiến trái chiều. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để tổ chức một cuộc tranh biện trong lớp về chủ đề đáng quan tâm. 2. Phẩm chất – Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi tranh biện. – Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.
53	Bài 9: Văn hóa và cuộc đời + Ôn tập + Kiểm tra cuối kì	Tri thức Ngữ văn VB1: Vội vàng (Xuân Diệu)	91,92,93	31	1. Năng lực – Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của bài thơ Vội vàng. – Chỉ ra được cách tân nghệ thuật đặc sắc của Xuân Diệu trong bài thơ Vội vàng. – Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản để viết một đoạn văn về vấn đề thời gian và tuổi trẻ. 2. Phẩm chất – Biết sống chủ động, tích cực, lạc quan, có niềm tin vào cuộc sống.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					– Phân biệt được lối sống chủ động, tích cực với lối sống gập không phù hợp với truyền thống dân tộc đang tồn tại trong giới trẻ hiện nay.
54		VB2: Trở về (Trích Ernest Hemingway)	94,95	32	1. Năng lực – Chỉ ra và đánh giá được thông điệp của văn bản, kết nối được thông điệp đó với chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm Ông già và biển cả. – Chỉ ra được những điểm đặc sắc nghệ thuật gắn liền với phong cách sáng tác của Hê-minh-uê thể hiện trong đoạn trích. – Vận dụng được những kĩ năng sau khi học văn bản để đọc hiểu một văn bản tự sự khác. 2. Phẩm chất - Có lòng can đảm, tự tin, dám nghĩ dám làm, tôn trọng bản thân và tôn trọng sự khác biệt.
55		VB3: Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Trích Lưu Quang Vũ)	96,97	32,33	1. Năng lực – Phân tích được các yếu tố đặc trưng của kịch trong tác phẩm như sự kiện và cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại,... qua văn bản Hồn Trương Ba, da hàng thịt. – Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được truyền tải trong văn bản Hồn Trương Ba, da hàng thịt. - Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh qua văn bản Hồn Trương Ba, da hàng thịt. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn thể hiện suy nghĩ của mình về lựa chọn của bản thân nếu là nhân vật Hồn Trương Ba. 2. Phẩm chất - Biết sống một cách tích cực, có trách nhiệm, trung thực với bản thân và với người khác.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					3. Nội dung tích hợp * Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống: - Giáo dục về quyền con người; giáo dục đạo đức liêm chính. * Tích hợp năng lực số (NLS) - 1.1.NC1b Học sinh sử dụng công cụ tìm kiếm (như Google, thư viện số, cơ sở dữ liệu học thuật) để tìm kiếm các tài liệu, thông tin và nội dung số liên quan trực tiếp đến tác phẩm - 1.2.NC1a Học sinh đối chiếu các quan điểm phê bình tìm được trên môi trường số về một khía cạnh của tác phẩm (ví dụ: cách hiểu về lựa chọn cuối cùng của Hồn Trương Ba) để xác định tính hợp lí, chính xác của thông tin. - 2.2.NC1a Học sinh sử dụng các công cụ hợp tác trực tuyến (như Google Docs/Slides) để cùng nhau xây dựng đề cương và hoàn thành sản phẩm phân tích (ví dụ: một bài thuyết trình) về giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.
56		Ôn tập cuối kì 2	98,99	33	1. Năng lực – Hệ thống hoá được những kiến thức đã hình thành trong học kì II. – củng cố được các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc nhìn lại nội dung những hoạt động đã triển khai. – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã có vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp. 2. Phẩm chất Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.
57		Kiểm tra cuối kì 2	100,101	34	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					– Đọc hiểu: truyện; thơ; kí; Văn bản thông tin; Kịch – Tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Giữ gìn và phát triển Tiếng Việt. – Viết: Viết báo cáo kết quả bài tập dự án; Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội); Viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm; Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. 2. Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo
58		THTV: Giữ gìn và phát triển Tiếng Việt	102	34	1. Năng lực – Trình bày được các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ: tuân thủ chuẩn tiếng Việt đồng thời biết sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của tiếng Việt. – Vận dụng được kiến thức về chuẩn ngôn ngữ và xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ để phân tích, đánh giá những cách dùng vi phạm chuẩn cũng như những cách nói, cách viết thể hiện tính sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ. 2. Phẩm chất - Có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
59		Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội	103	35	1. Năng lực – Xác định được yêu cầu và các bước trong quy trình viết một bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu. – Viết được bài văn nghị luận dưới hình thức một bài phát biểu.

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					- Chọn được đề tài phù hợp với bài phát biểu, thể hiện được khả năng thu hút sự quan tâm và thay đổi nhận thức, hành động của người đọc về một phong trào hoặc hoạt động xã hội, tức một vấn đề đời sống có ảnh hưởng rộng lớn. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào đáp ứng được các yêu cầu của kiểu bài. 2. Phẩm chất -Biết cách quan tâm đến các hoạt động xã hội có quy mô, ảnh hưởng rộng lớn.
60		Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước	104	35	1. Năng lực – Xác định được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. – Chọn được vấn đề thiết thực, có ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước hiện nay, thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những vấn đề lớn của xã hội. – Có hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và giải pháp được đề xuất trong bài thuyết trình. – Trình bày được bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. – Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện bài thuyết trình. 2. Phẩm chất - Có hiểu biết chín chắn, sâu sắc về các vấn đề liên quan đến cơ hội, thách thức đối với đất nước phù hợp với lứa tuổi. – Thể hiện được văn hoá tranh luận, chủ động hơn trong việc trao đổi về vấn đề được thuyết trình. 4. Nội dung tích hợp: * Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo

STT	BÀI HỌC (1)		TIẾT (2)	TUẦN (3)	YÊU CẦU CẦN ĐẠT (4)
					đức, lối sống - GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: Phê phán, lên án, đấu tranh với các âm mưu, hành động chống phá, xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia. (tích hợp bộ phận) * Tích hợp năng lực số (NLS) - 3.1.NC1a Tạo và chỉnh sửa nội dung số (slide, infographic, video clip, v.v.) để hỗ trợ cho bài thuyết trình về cơ hội và thách thức của đất nước. 3.2.NC1a Tích hợp thông tin, kiến thức và đa phương tiện (văn bản, hình ảnh, số liệu, video) từ nhiều nguồn khác nhau vào bài thuyết trình của mình để tăng tính thuyết phục. - 5.2.NC1b Chọn và sử dụng các công cụ công nghệ phù hợp để xây dựng, trình bày và hoàn thiện bài thuyết trình. - 6.2.NC1c Đánh giá và tinh chỉnh những nội dung (văn bản, ý tưởng, hình ảnh, cấu trúc) được gợi ý hoặc tạo ra từ các công cụ AI để đảm bảo tính chính xác, phù hợp với bối cảnh Việt Nam và thể hiện quan điểm cá nhân (phẩm chất).
61		Trả bài Kiểm tra cuối kì 2	105	35	– HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn. – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.

3. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

HK1 18 tiết (từ tiết 1 tiết 18): Chuyên đề 1 + ½ Chuyên đề 2

HK2 17 tiết (từ tiết 19 – tiết 35): ½ Chuyên đề 2 + Chuyên đề 3

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
1	Chuyên đề 1-	Tìm hiểu tri thức	1,2	1,2	1. Năng lực

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
	Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học hiện đại	tổng quát			– HS hiểu được khái niệm văn học hiện đại và nắm được các đặc trưng của văn học hiện đại. – HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể liên quan đến việc nghiên cứu văn học hiện đại. – Khuyến khích HS đọc rộng hơn, sâu hơn về văn học hiện đại. – HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp. – HS biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc trong nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân. – HS biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. – HS nắm được những kiến thức tổng quát về văn học hiện đại. 2. Phẩm chất – Trung thực trong việc lắng nghe, ghi chép tóm tắt nội dung trình bày của người khác và nội dung góp ý về sản phẩm của bạn; tích cực tham gia hoạt động trong tiết học;... – Chủ động, tự tin,...
		Phần 1: Tìm hiểu một số hướng nghiên cứu văn học hiện đại	3,4	3,4	1. Năng lực – HS hiểu được các hướng nghiên cứu khác nhau đối với văn học hiện đại. – HS nắm được cấu trúc chung của báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – HS biết các thao tác, quy trình khi nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – HS trau dồi năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,... – HS biết thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học hiện đại. – HS biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
					2. Phẩm chất – Hình thành phong thái chủ động, tự tin khi trình bày ý kiến, quan điểm của bản thân. – Tinh thần cộng sự, đoàn kết, hợp tác,...
		Phần 2: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại.	5,6	5,6	1. Năng lực – HS hiểu được cấu trúc chung của một báo cáo nghiên cứu về văn học hiện đại. – HS biết cách thuyết minh khái niệm, triển khai hệ thống luận điểm, sử dụng thao tác nghiên cứu phù hợp để làm sáng tỏ các luận điểm. – HS biết sử dụng các dẫn chứng, trích dẫn phù hợp; trình bày danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách. – HS biết sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ. – HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học thông qua việc thực hiện viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – HS thực hành viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. 2. Phẩm chất – Thật thà, trung thực trong quá trình thực hành nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học hiện đại. – Tích cực, chủ động, tự tin,...
		Phần 3: Thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu.	7,8,9,10	7,8,9, 10	1. Năng lực – HS chọn được vấn đề thuyết trình có ý nghĩa, nhiều người quan tâm. – HS xác định rõ mục tiêu của việc thuyết trình. – HS trình bày bài thuyết trình thuyết phục được người nghe bằng những dẫn chứng chọn lọc, được phân tích thấu đáo. – HS khơi gợi được những ý kiến thảo luận, tranh luận sôi nổi và bổ ích qua bài thuyết trình.

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
					– HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học thông qua việc thuyết trình về kết quả của báo cáo nghiên cứu. – HS phát huy năng lực nói, trình bày, bảo vệ quan điểm của bản thân trước mọi người, từ đó hình thành kỹ năng phản biện ngôn ngữ tốt. 2. Phẩm chất – Nghiêm túc, trách nhiệm với sản phẩm nghiên cứu của mình. – Tích cực, chủ động, tự tin,... – Tinh thần đối thoại văn minh, cầu thị, đoàn kết,...
2	Chuyên đề 2 - Tìm hiểu về một tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học (15 tiết)	Tìm hiểu Tri thức tổng quát	11,12,13	11,12,13	1. Năng lực – HS hiểu được thế nào là chuyển thể tác phẩm văn học. – HS tìm hiểu và nắm được các phương thức chuyển thể tác phẩm văn học. – HS hiểu được mối quan hệ giữa tác phẩm văn học và các loại hình nghệ thuật khác. – HS có năng lực khái quát và nhận diện các vấn đề lí luận liên quan đến văn học. – HS có năng lực thẩm mĩ và biết sử dụng ngôn ngữ trong quá trình chiêm lĩnh tri thức. 2. Phẩm chất -Biết trân trọng giá trị cá nhân, phát huy sự sáng tạo; tinh thần hợp tác, lắng nghe, chia sẻ trong tập thể,...
		Phần 1: Thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học	14,15,16,17	14,15,16,17	1. Năng lực – HS hiểu được mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật khác. – HS hiểu và phân tích được đặc trưng cơ bản của các loại hình nghệ thuật như hội họa, âm nhạc, điện ảnh. – HS biết cách thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học, bao gồm: giải mã các kí hiệu nghệ thuật, nhận xét và đánh giá được giá trị của các tác phẩm nghệ thuật.

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
					– HS biết cảm thụ nhiều loại hình nghệ thuật như âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh, sân khấu,... – HS phát triển năng lực nghiên cứu và năng lực sáng tạo, kĩ năng kết hợp làm việc độc lập và làm việc nhóm. 2. Phẩm chất -Biết trân trọng giá trị cá nhân, phát huy sự sáng tạo; tinh thần hợp tác, lắng nghe, chia sẻ trong tập thể,...
		Phần 2: Viết bài phân tích, giới thiệu và thuyết minh về một tác phẩm nghệ thuật được chuyển thể từ văn học	18,19,20,21	18,19,20,21	1. Năng lực – HS nêu được ấn tượng nổi bật về tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học trong sự so sánh hợp lí với tác phẩm gốc. – HS phân tích được cách chuyển thể tác phẩm văn học của tác giả. – HS đánh giá được vị thế tồn tại độc lập của tác phẩm nghệ thuật chuyển thể từ văn học. – HS biết trình bày các luận điểm một cách sáng rõ, mạch lạc, logic; chọn lọc và phân tích được các dẫn chứng phù hợp để làm sáng tỏ các luận điểm. – HS biết sử dụng một cách linh hoạt các phương tiện phi ngôn ngữ trong bài viết. – HS phát triển năng lực nghiên cứu và năng lực sáng tạo, kĩ năng kết hợp làm việc độc lập và làm việc nhóm. 2. Phẩm chất -Biết trân trọng giá trị cá nhân, phát huy sự sáng tạo; tinh thần hợp tác, lắng nghe, chia sẻ trong tập thể,...
		Phần 3: Thực hành chuyển thể tác phẩm văn học.	22,23,24,25	22,23,24,25	1. Năng lực – HS chọn được tác phẩm văn học phù hợp để chuyển thể (tác phẩm mà bản thân đã đọc kĩ, hiểu sâu, có tiềm năng được dịch chuyển một cách thuận lợi sang ngôn ngữ của loại hình nghệ thuật khác,...). – HS chọn được loại hình nghệ thuật thích hợp để chuyển thể tác

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
					phẩm văn học (loại hình nghệ thuật phù hợp với sở trường bản thân và có thể chuyển tải tốt nhất ý đồ nghệ thuật của người chuyển thể). – HS nêu được cách thức tiến hành chuyển thể tác phẩm văn học. – HS biết cách chuyển thể tác phẩm văn học sang tác phẩm thuộc các loại hình nghệ thuật khác theo thể mạnh, sở thích của bản thân. – HS phát triển năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, kỹ năng kết hợp làm việc độc lập và làm việc nhóm. 2. Phẩm chất -Biết trân trọng giá trị cá nhân, phát huy sự sáng tạo; tinh thần hợp tác, lắng nghe, chia sẻ trong tập thể,...
3	Chuyên đề 3- Tìm hiểu phong cách sáng tác của một trường phái văn học : Cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn. (10 tiết)	Tìm hiểu Tri thức tổng quát	26,27	26,27	1. Năng lực – HS nắm được các khái niệm, thuật ngữ quan trọng: trường phái văn học và phong cách sáng tác của một trường phái văn học. – HS nhận biết được đặc điểm cơ bản trong phong cách sáng tác của một số trường phái văn học tiêu biểu. – HS biết khái quát và nhận diện các vấn đề lí luận văn học liên quan đến trường phái văn học. – HS có năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình chiếm lĩnh tri thức văn học. – HS có kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác,... 2. Phẩm chất – Hình thành nhân sinh quan tổng thể, biết cách đánh giá, tổng hợp các vấn đề. – Biết trân trọng tinh hoa văn hoá nhân loại, kế thừa trong sự sáng tạo các giá trị,...
		Phần 1: Tìm hiểu cách nghiên cứu phong cách sáng	28,29,30	28,29, 30	1. Năng lực – HS hiểu được cách nghiên cứu tổng quan đặc điểm phong cách sáng tác của một trường phái văn học.

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
		tác của một trường phái văn học			– HS hiểu và vận dụng được cách nghiên cứu dấu ấn phong cách sáng tác của một trường phái văn học ở những tác phẩm cụ thể thuộc trường phái đó. – HS xây dựng được kế hoạch đọc, tìm hiểu những tài liệu cần thiết nhằm bổ sung kiến thức về phong cách sáng tác của các trường phái văn học có ảnh hưởng rộng rãi ở Việt Nam. – HS phát triển năng lực cảm thụ văn học; năng lực nghiên cứu các vấn đề lí luận văn học; kĩ năng kết hợp làm việc độc lập và làm việc nhóm. 2. Phẩm chất – Hình thành nhân sinh quan tổng thể, biết cách đánh giá, tổng hợp các vấn đề. – Biết trân trọng tinh hoa văn hoá nhân loại, kế thừa trong sự sáng tạo các giá trị,...
		Phần 2: Viết bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học được thể hiện qua những tác phẩm cụ thể	31,32,33	31,32,33	1. Năng lực – HS hiểu được những đòi hỏi riêng của kiểu bài giới thiệu về phong cách sáng tác của một trường phái văn học thể hiện qua các tác phẩm cụ thể. – HS kết hợp nhuần nhuyễn việc khái quát đặc điểm phong cách sáng tác của một trường phái văn học với việc phân tích tác phẩm cụ thể. – HS biết đánh giá thoả đáng những đóng góp độc đáo của các nhà văn, nhà thơ trong việc thực hành phong cách sáng tác của trường phái khi viết những tác phẩm cụ thể. – HS có năng lực tổng hợp, phân tích, sử dụng ngôn ngữ, thẩm mĩ,... 2. Phẩm chất – Hình thành nhân sinh quan tổng thể, biết cách đánh giá, tổng hợp các vấn đề. – Biết trân trọng tinh hoa văn hoá nhân loại, kế thừa trong sự

Stt	Chuyên đề (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
					sáng tạo các giá trị,...
		Phần 3: Thuyết trình về phong cách sáng tác của một trường phái văn học.	34,35	34,35	1. Năng lực – HS xác định được nội dung thuyết trình cụ thể để có hướng tổ chức bài thuyết trình và lựa chọn hình thức thuyết trình phù hợp. – HS huy động được vốn kiến thức tổng hợp về các trường phái văn học, bao gồm kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học và kiến thức về những tác phẩm cụ thể thuộc các trường phái đó. – HS biết sử dụng hiệu quả nội dung bài viết đã thực hiện theo yêu cầu của Phần 2 chuyên đề. – HS có năng lực cảm thụ văn học và thẩm mĩ, biết sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, phản biện,... 2. Phẩm chất – Hình thành nhân sinh quan tổng thể, biết cách đánh giá, tổng hợp các vấn đề. – Biết trân trọng tinh hoa văn hoá nhân loại, kế thừa trong sự sáng tạo các giá trị,...

4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kỳ 1	2 tiết (90 phút)	Tuần 8 Tiết 23,24	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; tiểu thuyết, thơ; VB nghị luận – Tiếng Việt: BPTT nói mĩ, nghịch ngữ; tác dụng của một số BPTT; lỗi lô gic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa – Viết: Viết bài Nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện và 02 tác phẩm thơ; Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ 2.Phẩm chất	Tự luận

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			- Trung thực, sáng tạo	
Cuối học kỳ 1	2 tiết (90 phút)	Tuần 17 Tiết 50,51	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; tiểu thuyết, thơ; VB nghị luận; kịch; truyện kể. – Tiếng Việt: BPTT nói mỉa, ngịch ngữ; tác dụng của một số BPTT; lỗi lô gic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa; nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học. – Viết: Viết bài Nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện và 02 tác phẩm thơ; Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn- cải biến- sáng tạo trong tác phẩm văn học; Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. 2.Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo	Tự luận
Giữa học kỳ 2	2 tiết (90 phút)	Tuần 27 Tiết 79,80	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: – Đọc hiểu: truyện; thơ; kí; – Tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật – Viết: Viết báo cáo kết quả bài tập dự án; Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ(cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) 2.Phẩm chất - Trung thực, sáng tạo	Tự luận
Cuối học kỳ 2	2 tiết (90 phút)	Tuần 34 Tiết 100,101	1.Năng lực Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:	Viết trên giấy

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			– Đọc hiểu: truyện; thơ; kí; Văn bản thông tin; Kịch – Tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận; Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Giữ gìn và phát triển Tiếng Việt. – Viết: Viết báo cáo kết quả bài tập dự án; Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ(cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội); Viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm; Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. 2. Phẩm chất: Trung thực, sáng tạo	

B. MÔN HỌC: LỊCH SỬ

KHỐI LỚP: 10

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 04 ; Số học sinh: 181; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 02 lớp 10: A1,3

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 Đại học: 01 ; Trên đại học: 02

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Phim tài liệu: Một số hiện vật tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng và văn minh Đại Việt	1	Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức	
2	- Các tranh, ảnh, sơ đồ liên quan đến bài học.	1	Tri thức lịch sử và cuộc sống.	
3	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	1	Vai trò của sử học	
4	- Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây. - Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Đông cổ- trung đại	1	Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông cổ- trung đại.	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
5	- Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Tây. - Lược đồ các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.	1	Một số nền văn minh phương Tây thời cổ- trung đại..	
6	- Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. - Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai.	1	Cách mạng công nghiệp thời cận đại.	
7	- Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba. - Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	1	Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.	
8	- Lược đồ các quốc gia Đông Nam Á cổ và phong kiến	1	Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ trung đại	
9	- Phim mô phỏng: Thành tựu của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	1	Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	
10	- Phim mô phỏng: Thành tựu của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	1	Văn minh Đại Việt.	
11	- Phim tư liệu về các dân tộc trên đất nước Việt Nam	1	Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	
12	- Phim tư liệu: Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - Video/clip: Di sản văn hóa ở Việt Nam	1	Khái quát về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	
13	- Phim tư liệu: - Video/clip: Chuyện kể, về khối đoàn kết dân tộc Việt Nam	1	Khối đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Lớp học	04	- Lớp học	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (26 tiết) Học kì 2: 17 tuần (26 tiết)

Căn cứ điều chỉnh chương trình: Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025. Đối với Lịch sử 10, kế hoạch này cập nhật yêu cầu cần đạt ở Chủ đề 6, Chủ đề 7 ; tổng thời lượng môn học 52 tiết.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC (3 TIẾT)					
1	Bài 1: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.	2 (1,2)	1. Kiến thức - Trình bày được khái niệm lịch sử; - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức. - Giải thích được khái niệm lịch sử. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ Sử học. - Trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày khái niệm lịch sử, đối tượng	- 1.1.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số để tìm kiếm, thu thập được dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử, lịch sử được con người nhận thức và Sử học. - 1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá được độ tin cậy, độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử, lịch sử được con người nhận thức và Sử học - 2.2.NC1a: Học sinh biết sử dụng các công cụ/nền tảng số (mạng xã hội học tập, LMS của nhà trường, Zalo/Facebook nhóm lớp,	- 10.C2.1: Kiến thức AI: xác định yêu cầu của một ứng dụng AI trước khi sử dụng và tùy chỉnh yêu cầu hệ thống để thực hiện nhiệm vụ cụ thể. - 10.C2.MR1: HS đặt yêu cầu cho AI hỗ trợ phân biệt “hiện thực lịch sử” và “lịch sử được con người nhận thức”; yêu cầu AI nêu căn cứ, sau đó đối chiếu từng nhận định với SGK và sử liệu.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			nghiên cứu cửa sử học, chức năng, nhiệm vụ của sử học... + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: bước đầu vận dụng được một số tình huống cơ bản phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử. 3. Phẩm chất - <i>Trung thực</i>: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm. - <i>Trách nhiệm</i>: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức	Padlet, Google Meet...) để trao đổi, chia sẻ thông tin, ý kiến và sản phẩm học tập (bài trình bày ngắn..., phản hồi nhận xét...) với giáo viên và bạn học một cách phù hợp, lịch sự.	
2	Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống.	1 (3)	1. Kiến thức - Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. - Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. - Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích see những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Quan tâm, yêu thích và tham gia	- 1.1.NC1b: HS sử dụng công nghệ số (thiết bị cá nhân, SGK điện tử, Internet, học liệu số GV cung cấp) để tìm kiếm và thu thập thông tin, sử liệu phục vụ việc học tập và khám phá lịch sử. - 1.2.NC1a: HS bước đầu đánh giá được độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số	- 10.C2.3: một số trường hợp AI hỗ trợ học tập và cách sử dụng ứng dụng AI trong học tập. - 10.C2.MR2: HS dùng AI để gợi ý cách sưu tầm, thu thập, xử lý sử liệu và liên hệ kiến thức lịch sử với vấn đề thực tiễn; kiểm tra tính đúng đắn trước khi sử

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới. 2. Năng lực - <i>Năng lực chung</i>: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới - <i>Năng lực đặc thù</i> + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để Nêu được những nguyên nhân dẫn đến sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. Nêu được cách thức sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin và sử liệu trong quá trình học tập, khám phá lịch sử Nêu được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để Rút ra được mối liên hệ giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: thông qua vận dụng kiến thức và bài học lịch sử để giải thích những vấn	(so sánh nguồn chính thống – báo điện tử, trang cơ quan nhà nước... với blog cá nhân, mạng xã hội; nhận biết dấu hiệu tin giả, thông tin sai lệch). - 2.2.NC1a: HS biết sử dụng một số công cụ, nền tảng số (Zalo nhóm lớp, Padlet, Google Docs/Slides, LMS của nhà trường...) để chia sẻ thông tin, sản phẩm học tập; trao đổi, thảo luận về các vấn đề lịch sử – thời sự.	dụng.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc - Yêu nước: Ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên		
CHỦ ĐỀ 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC (2 TIẾT)					
3	Bài 3. Vai trò của Sử học	2 (4,5)	1. Kiến thức - Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên. - Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá và di sản thiên nhiên ở địa phương. - Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch. - Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ	- 1.1.NC1b: HS sử dụng công nghệ số (Internet, thư viện số, video, hình ảnh trực tuyến...) để <i>tìm kiếm, sưu tầm dữ liệu</i> về di sản văn hoá, di sản thiên nhiên và các câu chuyện về truyền thống đoàn kết, ghi rõ nguồn trích dẫn. - 1.2.NC1a: HS <i>đánh giá được độ tin cậy</i> của các trang web, video, hình ảnh... khi khai thác thông tin về di sản, du lịch (ưu tiên nguồn chính thống: cơ quan nhà nước, UNESCO, bảo tàng, báo chí chính thống,...).	- 10.C2.3: Sử dụng AI hỗ trợ học tập. HS dùng AI hỗ trợ tìm hiểu mối quan hệ giữa Sử học với bảo tồn di sản và du lịch. - 10.C2.MR2: yêu cầu AI đề xuất ví dụ/giải pháp, sau đó đối chiếu với tư liệu chính thống và kiến thức bài học.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày khái niệm lịch sử, đối tượng nghiên cứu của sử học, chức năng, nhiệm vụ của sử học... + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: bước đầu vận dụng được một số tình huống cơ bản phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử. 3. Phẩm chất - <i>Trung thực</i>: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm. - <i>Trách nhiệm</i>: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức - Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử- văn hoá, chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử	- 2.2.NC1a: HS chia sẻ dữ liệu, thông tin và sản phẩm học tập qua công cụ số (slide PowerPoint, poster Canva, Padlet, Google Docs/Drive, LMS của trường...) khi thảo luận, thuyết trình về di sản và du lịch.	

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
4	Thực hành chủ đề 1,2	1 (6)	1. Kiến thức: - Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1 và 2. - Suu tầm một câu chuyện về truyền thống đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong lịch sử (Nêu rõ nguồn gốc của câu chuyện và cách thức sưu tầm) - Vận dụng kiến thức để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực đặc thù: + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử. + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm, thuyết trình 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.		- 10.C2.1: xác định yêu cầu đầu vào và đầu ra của ứng dụng AI. - 10.C2.MR1 HS xây dựng yêu cầu cho AI để hệ thống hóa kiến thức chủ đề 1–2 và hỗ trợ xử lý tình huống lịch sử; tự kiểm tra, sửa nội dung AI trước khi thuyết trình.
CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI (4 TIẾT)					
5	Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời	2 (7,8)	1. Kiến thức - Giải thích được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.	- 1.1.NC1b: Khai thác dữ liệu, thông tin số: Học sinh sử dụng công nghệ số (điện thoại, máy tính, máy	- 10.C2.3 AI hỗ trợ học tập. HS dùng AI tạo bảng hệ thống thành tựu Ai Cập, Trung

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
	cổ - trung đại		- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo. 2. Năng lực - <i>Năng lực chung</i>: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa, văn minh nhân loại - <i>Năng lực đặc thù</i> + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu để nêu được khái niệm văn minh; những thành tựu văn minh Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ cổ - trung đại + Năng lực nhận thức và tư duy	tính bảng...) để tìm kiếm và thu thập dữ liệu, thông tin, hình ảnh, video... về các khái niệm <i>văn hoá – văn minh</i> và về thành tựu của các nền văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa trong môi trường số (Internet, thư viện số, bản đồ số...). - 1.2.NC1a: Đánh giá thông tin số: Học sinh so sánh, đối chiếu và đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin số (trang web, video, bài báo, blog...) khi sưu tầm tư liệu về các nền văn minh phương Đông; biết nhận diện nguồn chính thống (bảo tàng, tổ chức khoa học, nhà xuất bản uy tín...) và nguồn thiếu tin cậy. - 3.1.NC1a – Tạo sản phẩm số: Học sinh tạo và chỉnh sửa nội dung số (slide, sơ đồ tư duy/infographic, poster điện tử, padlet, video	Hoa, Ấn Độ. - 10.C2.MR2: HS xác định cấu trúc bảng, tiêu chí phân loại, phạm vi nội dung và điều chỉnh yêu cầu/prompt để AI tạo bảng phù hợp với mục tiêu học tập. - 10.C3.3: nhận diện phần nội dung do AI tạo sinh và kiểm chứng bằng sử liệu.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để phân biệt được khái niệm văn minh và văn hóa; nêu được ý nghĩa cơ bản của văn minh Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ cổ - trung đại 3. Phẩm chất - Trách nhiệm : có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, văn minh thế giới - Chăm chỉ : tích cực trong học tập, lao động, từ đó trân trọng giá trị của lao động. - Biết trân trọng, giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn hoá nhân loại - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.	ngắn...) để trình bày khái niệm văn minh – văn hoá, giới thiệu thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của các nền văn minh Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa; hoặc đề xuất biện pháp bảo tồn di sản văn minh phương Đông	
6	Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại	2 (9,10)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.	- 1.1.NC1a: Tìm kiếm và thu thập thông tin số: Học sinh sử dụng thiết bị số (điện thoại, laptop...) để tìm kiếm tư liệu, hình ảnh, video về văn minh Hy Lạp – La Mã và văn minh Phục hưng trên Internet; truy cập bản đồ số, bảo tàng số, thư	- 10.C2.3: Kiến thức AI: đặt prompt phù hợp mục tiêu và thực hành, giải quyết nhiệm vụ học tập. - 10.C2.MR2: HS đặt prompt để AI hệ thống hóa thành tựu Hy Lạp – La Mã và Phục hưng

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học. 2. Năng lực - <i>Năng lực chung:</i> + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm - <i>Năng lực đặc thù</i> + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các tư liệu, hình ảnh để trình bày những thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được ý nghĩa của những thành tựu văn minh phương Tây cổ - trung đại. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: bước đầu vận dụng được một số tình huống cơ bản để liên hệ với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn minh nhân loại. 3. Phẩm chất - <i>Trung thực:</i> Báo cáo trung thực kết	viện số để khai thác nguồn sử liệu. - 1.2.NC1a: Đánh giá độ tin cậy nguồn số: Học sinh biết nhận diện trang web đáng tin cậy (bảo tàng quốc gia, UNESCO, website học thuật...), so sánh – chọn lọc tư liệu. - 3.1.NC1a: Tạo và chỉnh sửa sản phẩm số: Học sinh sử dụng PowerPoint/Canva/CapCut/Padlet để tạo sản phẩm dạng số (video, infographic, poster điện tử, sơ đồ tư duy số...) trình bày thành tựu của các nền văn minh phương Tây.	theo tiêu chí; - 10.C3.1–2: kiểm tra dữ kiện, tên nhân vật, công trình và niên đại.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			quả học tập của cá nhân hoặc nhóm. - <i>Trách nhiệm</i>: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức - Biết trân trọng, giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn hoá nhân loại - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
7	Thực hành lịch sử chủ đề 3	2 (11, 12)	1. Kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức nội dung chủ đề 3. - Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực đặc thù: + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử. + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm, thuyết trình 3. Phẩm chất: - Bồi dưỡng các phẩm chất như:	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, Google Classroom, Zoom/Meet) làm Phim tư liệu/Video ngắn về các nền văn minh (NL SỐ: Giải quyết vấn đề, Giao tiếp số)	10.C2.MR2: Sử dụng AI hỗ trợ học tập một cách phù hợp. 10.C3.2 – Kiến thức AI: Thực hành đặt prompt cho AI theo mục tiêu HS có thể dùng AI hỗ trợ tạo câu hỏi ôn tập hoặc gợi ý cách trình bày sản phẩm về văn minh; không sử dụng AI trực tiếp để thực hiện bài kiểm tra.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
8	Kiểm tra, đánh giá giữa kì I (45')	1 (13)	1. Kiến thức: Đánh giá được kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 1 đến bài 5. - Sử dụng kiến thức đã học tái hiện lại một số sự kiện lịch sử đã học. - Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh đã học. Kết quả kiểm tra giúp các em tự đánh giá mình trong việc học và tự điều chỉnh việc học của mình ngày càng tốt hơn. - Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch giáo dục theo CTGDPT 2018 của BGD&ĐT. - Đánh giá quá trình giảng dạy của giáo viên, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học nếu thấy cần thiết. 2. Năng lực		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi. + Sử dụng kiến thức đã học giải thích một số vấn đề lịch sử đã học. + Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: tái hiện kiến thức, trình bày vấn đề, phân tích, so sánh đối chiếu các vấn đề lịch sử... + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số câu hỏi so sánh các vấn đề lịch sử, đánh giá một số vấn đề lịch sử, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
CHỦ ĐỀ 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI (6 TIẾT)					
8	Bài 6. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại	3 (14,15,16)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. - Nêu được những thành tựu cơ bản và ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hoá 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ...nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần	- 1.1.NC1b: HS biết sử dụng Internet, thư viện số, công cụ tìm kiếm để thu thập tư liệu về Cách mạng công nghiệp 1.0 – 2.0: hình ảnh máy hơi nước, động cơ đốt trong, lò luyện kim, các phát minh về điện, hóa chất, liên lạc... - 1.2.NC1a: HS đánh giá tính xác thực của tư liệu số thông qua nguồn, năm xuất bản, tác giả, uy tín trang web (ví dụ: Britannica, History.com, UNESCO). - 3.1.NC1a: HS biết tạo poster số, ... để báo cáo về thành tựu, tác động của các cuộc CMCN.	10.C2.3: Ứng dụng AI trong học tập 10.C2.MR2 : Cấu trúc prompt gồm mục tiêu, phạm vi, tiêu chí và dạng đầu ra. 10.C3.1–2 : Đánh giá, đối chiếu, kiểm chứng thông tin từ AI HS yêu cầu AI hệ thống hóa thành tựu CMCN 1.0–2.0: theo bảng “thành tựu – lĩnh vực – tác động”; đối chiếu SGK/tư liệu.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội...thông qua ví dụ cụ thể. 3. Phẩm chất - <i>Nhân ái</i>: Trân trọng những sản phẩm, thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp cận đại để lại - <i>Trách nhiệm</i>: + Cảm phục sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của con người để sáng chế những phương tiện tiến bộ nhằm nâng cao năng suất lao động và đời sống con người. Từ đó, có ý thức, trách nhiệm trong việc học tập của mình + Sử dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp cận đại một cách có trách nhiệm. - Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
9	Thực hành lịch sử chủ đề 4	1 (17)	1. Kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức nội dung chủ đề 4 (Bài 6) - Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, Google Classroom, Zoom/Meet) để làm Phim tư liệu/Video ngắn	10.C2.MR2 : Thực hành đặt prompt để giải quyết nhiệm vụ học tập 10.C3.2 :Kiểm tra, đánh giá và xác thực thông tin từ AI. HS

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực đặc thù: + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử. + Năng lực thực hành bộ môn: sưu tầm, thuyết trình 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		dùng AI hỗ trợ lập dàn ý/phim tư liệu về CMCN cận đại; kiểm tra nội dung, hình ảnh và nguồn trước khi đưa vào sản phẩm.
11	Bài 7. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại	3 (18,19 20)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng nghiệp thời hiện đại. - Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hoá. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử.	- 1.1.NC1b – Tìm kiếm và thu thập dữ liệu trong môi trường số: Học sinh sử dụng điện thoại/máy tính có kết nối Internet để tìm kiếm, thu thập bài báo, hình ảnh, video, lược đồ... về các cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư; lưu trữ, chia sẻ tư liệu trên các nền tảng số (Drive, lớp học số,	10.C2.3: Ứng dụng AI trong học tập 10.C2.MR2: Phân biệt AI tạo sinh với AI phân loại/dự đoán 10.C3.3: Kiểm chứng đầu ra và đánh giá thông tin từ AI. HS dùng AI tạo bảng hệ thống thành tựu CMCN 3.0–4.0; phân tích tác động của AI

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ...để tìm hiểu về những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư	Padlet,...). - 1.2.NC1a – Đánh giá độ tin cậy thông tin số: Học sinh biết so sánh, đối chiếu thông tin từ nhiều nguồn trên Internet, nhận diện được nguồn tin chính thống (cơ quan báo chí, trang khoa học, SGK điện tử...), bước đầu đánh giá độ chính xác, thời điểm và mục đích của thông tin trước khi sử dụng vào bài học. - 3.1.NC1a – Tạo và chỉnh sửa sản phẩm số: Học sinh biết sử dụng một số công cụ số (PowerPoint, Canva, video editor đơn giản, Word/Docs...) để thiết kế slide, poster, phiếu học tập điện tử hoặc video ngắn trình bày thành tựu, tác động và ý nghĩa của CMCN lần thứ ba và lần thứ tư.	tạo sinh đối với thông tin và giao tiếp trên Internet, đồng thời kiểm chứng đầu ra.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			thông qua việc tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội... 3. Phẩm chất - <i>Trung thực</i>: Báo cáo trung thực kết quả học tập của cá nhân hoặc nhóm. - <i>Trách nhiệm</i>: Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các hoạt động do GV tổ chức - Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên internet, mạng xã hội - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, chăm chỉ, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
12	Thực hành lịch sử chủ đề 4	1 (21)	1. Kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức bài 7. - Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, Google Classroom, Zoom/Meet) để tổ chức các làm Phim tư liệu/Video ngắn	10.C2.MR2 : Sử dụng AI và đặt prompt phù hợp nhiệm vụ. 10.C3.2: Đánh giá, đối chiếu và xác thực thông tin từ AI. HS dùng AI hỗ trợ biên tập kịch bản/video về CMCN hiện đại; tự đánh giá, chỉnh sửa nội dung và không phụ

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ... để tìm hiểu về những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư. 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. - Bồi dưỡng các phẩm chất: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		thuộc hoàn toàn vào AI.
		CHỦ ĐỀ 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI (3 TIẾT)			

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
13	Bài 8. Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại	3 (22,23,24)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng. 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ...nêu được thành tựu tiêu biểu	- 1.1.NC1b: HS biết tìm kiếm, thu thập tư liệu hình ảnh, bản đồ, tài liệu số về văn minh Đông Nam Á thời cổ – trung đại từ Internet hoặc kho dữ liệu số. - 1.2.NC1a: HS biết đánh giá nguồn tư liệu trực tuyến: phân biệt nguồn chính thống – phi chính thống, kiểm tra thời gian, tác giả, mục đích của tài liệu. - 3.1.NC1a: HS tạo được sản phẩm số như: bảng biểu, poster điện tử, bài trình chiếu hoặc infographic về các thời kì văn minh ĐNA. - 1.1.NC1b: HS biết khai thác Internet hoặc kho tư liệu số để tìm kiếm hình ảnh, văn bản, video về tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc, điêu khắc Đông Nam Á. - 1.2.NC1a: HS biết đánh giá mức độ tin cậy của tư	10.C2.3: Ứng dụng AI trong học tập. 10.C2.MR2: Cấu trúc prompt gồm mục tiêu, phạm vi, tiêu chí. 10.C3.1–2: Đánh giá, đối chiếu và kiểm chứng thông tin từ AI. HS yêu cầu AI lập timeline các thời kì phát triển văn minh Đông Nam Á và hệ thống hóa thành tựu theo lĩnh vực; kiểm chứng dữ kiện.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			của văn minh Đông Nam Á - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian - Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng: Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng sự đa dạng, phong phú của văn minh Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam - Trách nhiệm: + Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm + Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đông Nam Á - Biết trân trọng giá trị và có những hành động cụ thể góp phần bảo tồn di sản văn minh ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng. - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực.	liệu số (nguồn chính thống, học thuật, bảo tàng, tổ chức văn hóa...). - 3.1.NC1a: HS tạo được sản phẩm số (slide, video, tạp chí điện tử, poster...) khi trình bày thành tựu văn minh Đông Nam Á.	
14	Thực hành lịch sử chủ đề 5	1 (25)	1. Về kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức chủ đề 5.	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, Google Classroom,	10.C2.MR2: Thực hành đặt prompt để giải quyết nhiệm vụ học

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ...để tìm hiểu về các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian + Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng: Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời	Zoom/Meet) để làm Phim tư liệu/Video ngắn	tập. 10.C3.2: Đánh giá, đối chiếu và xác thực thông tin từ AI. Kiến thức AI: xác định mục tiêu, yêu cầu đầu ra và kiểm tra kết quả AI trước khi công bố.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			cổ - trung đại. 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. - Bồi dưỡng các phẩm chất: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
15	Kiểm tra, đánh giá cuối kì I (45')	1 (26)	1. Kiến thức: - Đánh giá được kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 6 đến bài 8. - Sử dụng kiến thức đã học tái hiện lại một số sự kiện lịch sử đã học. - Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh đã học. Kết quả kiểm tra giúp các em tự đánh giá mình trong việc học và tự điều chỉnh việc học của mình ngày càng tốt hơn. - Kiểm tra việc thực hiện phân phối chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo.. - Đánh giá quá trình giảng dạy của giáo viên, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học nếu thấy cần thiết. 2. Năng lực - Năng lực chung:		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi + Sử dụng kiến thức đã học giải thích một số vấn đề lịch sử đã học. + Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: tái hiện kiến thức, trình bày vấn đề, phân tích, so sánh đối chiếu các vấn đề lịch sử... + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số câu hỏi so sánh các vấn đề lịch sử, đánh giá một số vấn đề lịch sử, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra,		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			đánh giá.		
CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858) (11 TIẾT)					
16	Bài 9. Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	6 (27,28 29,30,31, 32)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Chăm - pa. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Phù Nam. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời	- 1.1.NC1b: HS biết tìm kiếm, thu thập tư liệu hình ảnh, bản đồ, tài liệu số về văn minh cổ trên đất nước Việt Nam, về những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh cổ về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - 1.2.NC1a: HS biết đánh giá nguồn tư liệu trực tuyến: phân biệt nguồn chính thống – phi chính thống, kiểm tra thời gian, tác giả, mục đích của tài liệu. - 3.1.NC1a: HS tạo được sản phẩm số như: bảng biểu, poster điện tử, bài trình chiếu hoặc infographic về cơ sở hình thành các nền văn minh.	10.C2.3: Ứng dụng AI trong học tập. 10.C2.MR2: Cấu trúc prompt phù hợp (mục tiêu, phạm vi, tiêu chí). 10.C4.1: Nhận thức được chất lượng dữ liệu ảnh hưởng đến chất lượng AI HS dùng AI hỗ trợ lập bảng so sánh Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam; nhận diện dữ liệu/nguồn đầu vào khác nhau có thể làm thay đổi kết quả và kiểm chứng bằng sử liệu.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. - Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc. 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ...nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang, Âu Lạc; Chăm – pa, Phù Nam; những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang, Âu Lạc; Chăm – pa, Phù Nam + Năng lực nhận thức và tư duy lịch		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được ý nghĩa của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam; so sánh được những điểm giống và khác nhau giữa các nền văn minh cổ đại trên đất nước Việt Nam. + Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng: Chỉ ra được một số giá trị của văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Chăm – pa, Phù Nam còn tồn tại đến ngày nay; Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Chăm – pa, Phù Nam. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng giá trị của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam, tự hào về truyền thống dân tộc - Trách nhiệm: + Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm + Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Văn Lang – Âu Lạc; Chăm – pa, Phù Nam. - Biết trân trọng giá trị văn minh mà ông cha đã gây dựng từ thời xa xưa. - Có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
17	Bài 10. Văn minh Đại Việt	5 (33,34 35,36,37)	1. Kiến thức - Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, đấu tranh giữ gìn văn hóa, bản sắc dân tộc trong thời kì Bắc thuộc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật - Phân tích được ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam - Đề xuất được các giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy giá trị của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858) trong cuộc sống hiện nay. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá	- 1.1.NC1b: HS biết khai thác Internet hoặc kho tư liệu số để tìm kiếm hình ảnh, văn bản, video về những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt. - 1.2.NC1a: HS biết đánh giá mức độ tin cậy của tư liệu số (nguồn chính thống, học thuật, bảo tàng, tổ chức văn hóa...) - 3.1.NC1a: HS tạo được sản phẩm số (slide, video, tạp chí điện tử, poster...) khi trình bày thành tựu văn minh Đại Việt.	10.C2.3: Ứng dụng AI để hỗ trợ học tập; 10.C2.MR2: Đặt prompt theo mục tiêu học tập; 10.C3.1–2: Kiểm chứng, đánh giá và điều chỉnh thông tin do AI tạo ra. HS yêu cầu AI hệ thống hóa cơ sở hình thành, quá trình phát triển và thành tựu văn minh Đại Việt thành timeline/bảng; kiểm tra và chỉnh sửa theo SGK.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực lịch sử + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ...nêu được khái niệm văn minh Đại Việt, cơ sở hình thành văn minh Đại Việt; nêu được thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên đường thời gian; thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh nêu được những ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt; ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng giá trị của văn		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			minh Đại Việt, tự hào về truyền thống dân tộc - Trách nhiệm: + Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm + Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đại Việt - Tự hào và trân trọng giá trị của văn minh Đại Việt, bồi đắp lòng yêu nước. - Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy giá trị và quảng bá văn minh Đại Việt.		
18	Thực hành chủ đề 6	2 (38, 39)	1. Kiến thức - củng cố, khắc sâu kiến thức chủ đề 6. - Tạo hứng thú trong học tập. - củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS, Google Classroom, Zoom/Meet) để làm Phim tư liệu/Video ngắn	10.C2.MR2: Sử dụng AI hỗ trợ học tập theo mục tiêu ; 10.C4.MR1: Nhận thức về dữ liệu đầu vào của AI. HS thực hành đối chiếu nhiều nguồn/tư liệu về văn minh Việt Nam, xác định dữ liệu phù hợp trước khi yêu cầu AI tổng hợp.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ...để tìm hiểu về những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư. + Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. - Bồi dưỡng các phẩm chất: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
19	Kiểm tra đánh giá giữa học kì II (45')	1 (40)	1. Kiến thức: - Đánh giá được kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 9 đến bài 11. - Sử dụng kiến thức đã học tái hiện lại		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			một số sự kiện lịch sử đã học. - Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh đã học. Kết quả kiểm tra giúp các em tự đánh giá mình trong việc học và tự điều chỉnh việc học của mình ngày càng tốt hơn. - Kiểm tra việc thực hiện phân phối chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo.. - Đánh giá quá trình giảng dạy của giáo viên, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học nếu thấy cần thiết. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi. + Sử dụng kiến thức đã học giải thích một số vấn đề lịch sử đã học. + Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: tái hiện kiến thức, trình bày vấn đề, phân tích, so sánh đối chiếu các vấn đề lịch sử...		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			+ Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số câu hỏi so sánh các vấn đề lịch sử, đánh giá một số vấn đề lịch sử, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.		
CHỦ ĐỀ 7: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM (9 TIẾT)					
19	Bài 11. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	3 (41,42,43)	1. Kiến thức - Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. - Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ. 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù	- 1.1.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số để tìm kiếm, thu thập được dữ liệu, thông tin và nội dung số - 1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá được độ tin cậy, độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về thành phần dân tộc - 2.2.NC1a: Học sinh biết sử dụng các công cụ/nền tảng số (mạng xã	10.C2.3: Ứng dụng AI hỗ trợ học tập; 10.C2.MR2: Xây dựng và điều chỉnh yêu cầu/prompt cho AI; 10.C4.MR1: Nhận thức về dữ liệu đầu vào và chất lượng đầu ra AI. HS dùng AI hỗ trợ hệ thống hóa thành phần dân tộc theo dân số và ngữ hệ; kiểm tra cách AI xử lý dữ liệu và đối

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ...nêu được thành phần dân tộc theo dân số; trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được nhận xét về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có ý thức đoàn kết giữa các dân tộc. - Trách nhiệm: + Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm + Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy sự đa dạng trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất khách quan, trung thực, có ý thức gìn giữ, phát triển sự bình đẳng và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc.	hội học tập, LMS của nhà trường, Zalo/Facebook nhóm lớp, Padlet, Google Meet...) để trao đổi, chia sẻ thông tin, ý kiến và sản phẩm học tập (bài trình bày ngắn, phiếu học tập trực tuyến, phản hồi nhận xét...) với giáo viên và bạn học một cách phù hợp, lịch sự.	chiều nguồn thống kê chính thống.
20	Bài 12. Khái quát về đời sống vật	4 (44,45,46,	1. Kiến thức - Trình bày được nét chính về đời	- 1.1.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số để tìm	10.C2.3: Ứng dụng AI trong học tập;

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
	chất tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.	47)	sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 2. Năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tranh ảnh...nêu nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; trình bày được nét chính về hoạt động kinh tế, đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua khai thác thông tin, tư liệu, quan sát hình ảnh rút ra được nhận xét về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng giá trị vật chất	kiểm, thu thập được dữ liệu, thông tin và nội dung số. - 1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá được độ tin cậy, độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về những nội dung của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - 2.2.NC1a: Học sinh biết sử dụng các công cụ/nền tảng số (mạng xã hội học tập, LMS của nhà trường, Zalo/Facebook nhóm lớp, Padlet, Google Meet...) để trao đổi, chia sẻ thông tin, ý kiến và sản phẩm học tập (bài trình bày ngắn, phiếu học tập trực tuyến, phản hồi nhận xét...) với giáo viên và bạn học một cách phù hợp, lịch sự.	10.C2.MR2: Đặt prompt rõ mục tiêu và tiêu chí; 10.C3.1–2: Kiểm tra, đánh giá và nhận diện sai lệch của AI. HS dùng AI hỗ trợ phân loại tư liệu về đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc; kiểm tra nguy cơ khái quát hóa hoặc gán nhãn sai.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có ý thức đoàn kết giữa các dân tộc. - Trách nhiệm: + Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm + Có trách nhiệm bảo tồn và phát huy sự đa dạng trong đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Có ý thức trân trọng, giữ gìn những bản sắc trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.		
21	Bài 13. Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	2 (48,49)	1. Kiến thức - Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay - Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.	- 1.1.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số để tìm kiếm, thu thập được dữ liệu, thông tin và nội dung số. - 1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá được độ tin cậy, độ chính xác của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về những nội dung của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - 2.2.NC1a: Học sinh biết sử dụng các công	10.C2.3: Sử dụng AI hỗ trợ học tập; 10.C2.MR2: Đặt prompt có mục tiêu và yêu cầu kiểm chứng; 10.C3.1–2:Kiểm chứng và đánh giá đầu ra AI. HS dùng AI hỗ trợ hệ thống hóa vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc và chính sách dân tộc; đối chiếu với văn bản chính thống, không để AI thay thế chứng cứ lịch sử/pháp lí.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			- Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh. - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> ++ Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. ++ Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. ++ Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	cụ/nền tảng số (mạng xã hội học tập, LMS của nhà trường, Zalo/Facebook nhóm lớp, Padlet, Google Meet...) để trao đổi, chia sẻ thông tin, ý kiến và sản phẩm học tập (bài trình bày ngắn, phiếu học tập trực tuyến, phản hồi nhận xét...) với giáo viên và bạn học một cách phù hợp, lịch sự.	

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			++ Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc + <i>Nhận thức và tư duy lịch sử</i>: Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. + <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: Chỉ ra được những hành động cụ thể của bản thân góp phần vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc. 3. Phẩm chất - <i>Yêu nước</i> + Tự hào về truyền thống đại đoàn kết của dân tộc + Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc - <i>Trách nhiệm</i>: Hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm - Bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất khách quan, trung thực, có ý thức giữ gìn sự bình đẳng giữa các dân tộc; có hành động cụ thể góp phần giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.		
22	Thực hành lịch sử chủ đề 7	2 (50,51)	1. Kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức chủ đề	Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (LMS,	10.C2.MR2: Đặt prompt theo mục tiêu

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			7. - Tạo hứng thú trong học tập. Tạo hứng thú trong học tập- Cùng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử - Tạo hứng thú trong học tập 2. Năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu, hợp tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù + Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, khai thác và sử dụng được tư liệu, tranh ảnh, lược đồ...để tìm hiểu về những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ 4 đối với sự phát triển kinh tế. + Năng lực vận dụng kiến thức lịch sử: Vận dụng những hiểu biết về tác động hai mặt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư.	Google Classroom, Zoom/Meet) để làm Phim tư liệu/Video ngắn	học tập; 10.C3.2: Kiểm tra, phát hiện và sửa lỗi đầu ra AI; 10.C4.1: Nhận thức ảnh hưởng của chất lượng dữ liệu HS dùng AI hỗ trợ hệ thống hóa kiến thức chủ đề 7, phát hiện điểm thiếu/sai và chỉnh sửa dựa trên SGK, tư liệu đã học.

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			+ Góp phần hình thành và phát triển các năng lực: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. 3. Phẩm chất: - Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. - Bồi dưỡng các phẩm chất: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
23	Kiểm tra, đánh giá cuối học kì II (45')	1 (52)	1. Kiến thức - Củng cố, khắc sâu kiến thức nội dung đã học từ bài 10 đến bài 13 đã học. - Sử dụng kiến thức đã học tái hiện lại một số sự kiện lịch sử đã học. - Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh đã học. Kết quả kiểm tra giúp các em tự đánh giá mình trong việc học và tự điều chỉnh việc học của mình ngày càng tốt hơn. - Kiểm tra việc thực hiện phân phối chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo.. - Đánh giá quá trình giảng dạy của giáo viên, từ đó có thể điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học nếu		

STT	Nội dung dạy học (Tên bài/ chủ đề)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Nội dung dạy học AI
			thấy cần thiết. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, thể hiện sự sáng tạo - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi. + Sử dụng kiến thức đã học giải thích một số vấn đề lịch sử đã học. + Rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: tái hiện kiến thức, trình bày vấn đề, phân tích, so sánh đối chiếu các vấn đề lịch sử... + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số câu hỏi so sánh các vấn đề lịch sử, đánh giá một số vấn đề lịch sử, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.		

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (18 tiết); Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
CHUYÊN ĐỀ 1. CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC (10 TIẾT)					
1	I. Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực	-4- (1,2, 3,4)	1. Về kiến thức: - Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử. - Nêu được khái quát về các lĩnh vực của sử học - Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực - Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới - Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. - Trình bày được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian. - Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. 2. Về năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng đặc thù: + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm, khai thác tư liệu số phục vụ nhiệm vụ học tập. - 1.2.NC1a: Kiểm tra, đối chiếu và đánh giá độ tin cậy của nguồn tư liệu. - 2.4.NC1a: Sử dụng công cụ số để trao đổi, chia sẻ và trình bày sản phẩm. - 3.1.NC1a: Tạo timeline/sơ đồ số hệ thống hóa tư liệu. - 3.2.NC1a: Chỉnh sửa, sắp xếp và hoàn thiện sản phẩm số. - 3.3.NC1a: Trình bày sản phẩm số có trích dẫn nguồn.	- 10.C2.1: Xác định nhiệm vụ phù hợp để ứng dụng AI hỗ trợ học tập. - 10.C2.MR1: Xác định yêu cầu khi ứng dụng AI cho nhiệm vụ cụ thể. - 10.C3.1: Xác định yêu cầu của prompt phù hợp mục tiêu. - 10.C3.2: Xây dựng, điều chỉnh prompt; yêu cầu AI tạo bảng/timeline, kiểm tra nguồn và chỉnh sửa kết quả trước khi tạo sản phẩm số.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới. + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học. 3. Về phẩm chất: - Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.		
2	II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	-6- (5,6,7, 8,9,10)	1. Về kiến thức: - Trình bày được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian. - Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội. - Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. - Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế VN. - Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian. 2. Về năng lực: - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.	- 1.1.NC1b: Khai thác, thu thập dữ liệu số về lịch sử kinh tế, xã hội, tư tưởng. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, kiểm tra và đánh giá độ tin cậy của dữ liệu số. - 3.1.NC1a: Lập bảng/biểu đồ/sơ đồ số để tổ chức và thể hiện dữ liệu. - 5.3.NC1a: Phân tích và trình bày kết quả dựa trên dữ liệu số.	- 10.C2.3: HS sử dụng AI để hỗ trợ đối chiếu, hệ thống hóa dữ liệu về lịch sử tư tưởng, xã hội và kinh tế Việt Nam. - 10.C2.MR2: HS sử dụng công cụ AI được GV cho phép để hỗ trợ nhiệm vụ học tập; kiểm tra kết quả AI trước khi sử dụng. - 10.C4.1: HS nhận biết chất lượng và

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			- Năng đặc thù: + Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới. + Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học. 3. Về phẩm chất: - Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử		dạng dữ liệu đầu vào có thể ảnh hưởng đến kết quả AI; lựa chọn dữ liệu phù hợp để thực hiện nhiệm vụ. - 10.C4.MR1: HS xem xét, lựa chọn và sử dụng dữ liệu phù hợp cho nhiệm vụ AI; đối chiếu kết quả AI với dữ liệu/nguồn ban đầu trước khi trình bày.
CHUYÊN ĐỀ 2. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM (15 TIẾT)					
3	I. Di sản văn hóa	-4- (11,12, 13,14)	1. Về kiến thức - Trình bày được khái niệm di sản văn hoá. - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng đặc thù:	- 1.1.NC1b: HS tìm kiếm, khai thác và thu thập tư liệu số về các di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa ở địa phương. - 1.2.NC1a: HS kiểm tra, đối chiếu và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của tư liệu số về di sản văn hóa trước khi sử dụng. - 2.4.NC1a: HS sử dụng	- 10.C2.3: HS sử dụng AI để hỗ trợ lập hồ sơ số về di sản văn hóa. - 10.C2.MR2: HS sử dụng công cụ AI được GV cho phép để hỗ trợ nhiệm vụ học tập và kiểm tra thông tin do AI tổng hợp trước khi sử

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			+ Biết cách sưu tầm, sử dụng tài liệu để tìm hiểu về di sản văn hoá, đặc biệt là di sản văn hoá ở địa phương; + Biết vận dụng các kiến thức đã học để lấy được một số ví dụ về lợi ích của công tác bảo tồn di sản văn hoá. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp, vận động người khác tham gia vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản ở địa phương và đất nước.	công cụ số phù hợp để chia sẻ, trao đổi và trình bày thông tin về di sản văn hóa. - 3.1.NC1a: HS sử dụng công cụ số để tạo hồ sơ số về di sản văn hóa, có thể sử dụng hình ảnh/video và thông tin thu thập được. - 3.2.NC1a: HS chỉnh sửa, sắp xếp và hoàn thiện nội dung hồ sơ số về di sản văn hóa. - 3.3.NC1a: HS hoàn thiện và trình bày sản phẩm số, bảo đảm thông tin rõ ràng và có trích dẫn nguồn. - 4.2.NC1a: HS tôn trọng bản quyền và quyền riêng tư khi khai thác, sử dụng hình ảnh, video và các tư liệu số về di sản văn hóa.	dụng. - 10.C4.1: HS nhận biết chất lượng của dữ liệu đầu vào có thể ảnh hưởng đến kết quả AI; sử dụng tư liệu có nguồn rõ ràng làm cơ sở cho nhiệm vụ.
4	II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	-5- (15,16, 17,18,19)	1. Về kiến thức – Trình bày được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. – Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất	- 1.3.NC1a: HS sử dụng công cụ số phù hợp để thiết kế và thực hiện khảo sát về thực trạng bảo tồn di sản văn hóa. - 3.1.NC1a: HS sử dụng	- 10.C2.1: HS xác định được nhiệm vụ phù hợp để ứng dụng AI hỗ trợ phân tích hiện trạng, nguyên nhân

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... 2. Về năng lực Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. Năng lực đặc thù: - Biết cách sưu tầm, sử dụng tài liệu để tìm hiểu về di sản văn hoá, đặc biệt là di sản văn hoá ở địa phương; - Biết vận dụng các kiến thức đã học để lấy được một số ví dụ về lợi ích của công tác bảo tồn di sản văn hoá. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp, vận động người khác tham gia vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản ở địa phương và đất nước.	công cụ số để thu thập, tổ chức và xử lý dữ liệu thu được từ khảo sát. 5.2.NC1a: HS sử dụng công cụ số để phân tích dữ liệu khảo sát, xác định hiện trạng và những vấn đề cần giải quyết trong bảo tồn di sản. 5.3.NC1a: HS sử dụng dữ liệu đã phân tích để lập biểu đồ và trình bày đề xuất giải pháp bảo tồn bằng sản phẩm số.	và đề xuất giải pháp bảo tồn di sản. 10.C2.MR1: HS xác định các yêu cầu cần có khi sử dụng AI cho nhiệm vụ cụ thể, như dữ liệu đầu vào, phạm vi phân tích, tiêu chí đánh giá và dạng kết quả mong muốn. 10.C3.1: HS xác định được các yêu cầu của prompt phù hợp với mục tiêu phân tích hiện trạng, nguyên nhân và đề xuất giải pháp bảo tồn di sản. 10.C3.2: HS xây dựng và điều chỉnh prompt để AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp; kiểm tra, sửa kết quả trước khi sử dụng..
5	III. Một số di sản văn hóa tiêu biểu ở	-6- (20,21,22,	1. Về kiến thức Phân tích được mục đích, ý nghĩa của	- 1.1.NC1b: HS khai thác, tìm kiếm và thu thập	- 10.C2.3: HS sử dụng AI để hỗ trợ lập

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	Việt Nam	23,24,25)	việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá; mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. - Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng đặc thù: + Biết cách sưu tầm, sử dụng tài liệu để tìm hiểu về di sản văn hoá, đặc biệt là di sản văn hoá ở địa phương; + Biết vận dụng các kiến thức đã học để lấy được một số ví dụ về lợi ích của công tác bảo tồn di sản văn hoá. 3. Về phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp, vận động người khác tham gia vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản ở địa phương và đất nước.	thông tin từ bản đồ số về vị trí các di sản văn hóa. - 1.2.NC1a: HS đối chiếu, kiểm tra và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của thông tin về vị trí, tên gọi và đặc điểm di sản từ các nguồn số. - 2.4.NC1a: HS sử dụng công cụ số để chia sẻ, trình bày thông tin và hồ sơ thuyết minh về di sản. - 3.1.NC1a: HS sử dụng công cụ số để xây dựng bản đồ/hồ sơ thuyết minh số hoặc mã QR giới thiệu một di sản. - 3.2.NC1a: HS chỉnh sửa, sắp xếp và hoàn thiện nội dung bản đồ/hồ sơ thuyết minh số theo yêu cầu. - 3.3.NC1a: HS hoàn thiện sản phẩm số và ghi rõ nguồn tư liệu được sử dụng.	hồ sơ/bản đồ thuyết minh số về một di sản. - 10.C2.MR2: HS sử dụng công cụ AI được GV cho phép để hỗ trợ nhiệm vụ học tập và kiểm tra kết quả AI trước khi sử dụng. - 10.C4.MR1: HS lựa chọn, kiểm tra và đối chiếu dữ liệu hình ảnh, văn bản, bản đồ phù hợp; nhận biết dữ liệu đầu vào có thể ảnh hưởng đến kết quả AI.
CHUYÊN ĐỀ 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (10 TIẾT)					
6	I. Nhà nước và pháp	-3-	1. Về kiến thức	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm,	- 10.C2.3: Sử dụng

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	(26,27,28)	- Nêu và phân tích được đặc điểm mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. Phân tích được những nét chính của bộ Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. - Nêu và phân tích được bối cảnh ra đời, ý nghĩa, đặc điểm, tính chất, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được điểm chung và phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay. - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946, 1992 và điểm mới của Hiến pháp năm 2013. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực đặc thù: + Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác tư liệu trong việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Năng lực phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, chính xác. + Năng lực nhận thức những quy luật,	thu thập tư liệu số về các mô hình nhà nước và pháp luật. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các nguồn tư liệu số. - 3.1.NC1a: Tạo sơ đồ/bảng so sánh số về các mô hình nhà nước và pháp luật, có trích dẫn nguồn. - 3.2.NC1a: Chính sửa, hoàn thiện và trình bày sản phẩm số phù hợp với nhiệm vụ học tập.	AI hỗ trợ so sánh các mô hình nhà nước và pháp luật theo tiêu chí. - 10.C2.MR2: Sử dụng công cụ AI được phép và kiểm chứng kết quả với tư liệu/văn bản chính thống. - 10.C3.1: Xác định yêu cầu và cấu trúc prompt phù hợp với nhiệm vụ. - 10.C3.2: Xây dựng, điều chỉnh prompt và đánh giá kết quả AI.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn; hình thành, phát triển tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu; nhận thức và trình bày lịch sử trong lò-gích lịch đại và đương đại, kết nối quá khứ với hiện tại 3. Về phẩm chất - Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.		
7	II. Nhà nước Việt Nam từ 1945 đến nay	-3- (29,30,31)	1. Về kiến thức - Nêu và phân tích được bối cảnh ra đời, ý nghĩa, đặc điểm, tính chất, vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng đặc thù: + Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác tư liệu trong việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Năng lực phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, chính xác. + Năng lực nhận thức những quy luật,	- 1.1.NC1b: Khai thác, thu thập tư liệu số từ nguồn chính thống. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của tư liệu số. - 2.4.NC1a: Sử dụng công cụ số để chia sẻ/trình bày thông tin học tập. - 3.1.NC1a: Tạo timeline số về Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đến nay.	- 10.C2.3: Sử dụng AI hỗ trợ xây dựng timeline và hệ thống hóa thông tin. - 10.C2.MR2: Sử dụng công cụ AI được phép và kiểm chứng kết quả bằng nguồn chính thống. - 10.C3.1: Xác định yêu cầu và cấu trúc prompt phù hợp với nhiệm vụ. - 10.C3.2: Xây dựng, điều chỉnh prompt và kiểm tra kết quả AI. .

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn; hình thành, phát triển tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kĩ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu; nhận thức và trình bày lịch sử trong lò-gích lịch đại và đương đại, kết nối quá khứ với hiện tại 3. Về phẩm chất - Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.		
8	III. Một số bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay	-4- (32,33, 34,35)	1. Kiến thức Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay - Nêu được bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013 và năm 2025) (năm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. - Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước,... Hiến pháp năm 1946 – bản hiến pháp	- 1.1.NC1b: Khai thác văn bản Hiến pháp và văn bản sửa đổi, bổ sung từ nguồn chính thống. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, kiểm chứng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của thông tin. - 3.1.NC1a: Lập bảng so sánh số giữa các bản Hiến pháp. - 6.2.NC1a: Trích dẫn điều khoản, ghi nguồn từ văn bản chính thức. - 6.3.NC1a: Kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, nguồn gốc của	- 10.C2.3: Dùng AI hỗ trợ tóm tắt, hệ thống hóa và so sánh các bản Hiến pháp. - 10.C2.MR2: Sử dụng AI được phép và kiểm chứng đầu ra bằng văn bản chính thức. - 10.C3.1: Xác định yêu cầu và cấu trúc prompt phù hợp. - 10.C3.2: Xây dựng, điều chỉnh prompt và đánh giá kết quả AI. - 10.C4.1: Nhận biết chất lượng dữ liệu

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			<i>đầu tiên của Việt Nam</i> - Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. <i>Hiến pháp của thời kì đổi mới: Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013</i> - Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị - pháp lí quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,... - Phân tích được điểm mới của Hiến pháp năm 2013: sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kĩ thuật lập hiến,... - Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật. Bổ sung nội dung: Hiến pháp năm 2025 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013): Hiến pháp đưa đất nước bước vào kỉ nguyên vươn mình	sản phẩm số.	đầu vào ảnh hưởng đến đầu ra AI và sử dụng dữ liệu/văn bản chính thức để kiểm chứng.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			Bổ sung yêu cầu cần đạt: Nêu được một số nét chính của Hiến pháp 2025 (nội dung sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp năm 2013), là cơ sở quan trọng thực hiện cuộc cách mạng trong sắp xếp cơ cấu Nhà nước để thực hiện để thực hiện công cuộc Đổi mới, đưa đất nước bước vào kỉ nguyên vươn mình. Giải thích được ý nghĩa những nội dung sửa đổi bổ sung năm 2013 đối với công cuộc đổi mới, đưa đất nước bước vào kỉ nguyên vươn mình. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng đặc thù: + Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác tư liệu ương việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. + Năng lực phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, chính xác. + Năng lực nhận thức những quy luật, bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn; hình thành, phát triển tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kĩ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu; nhận thức và trình bày lịch sử trong lò-gích lịch đại và đóng đại, kết		

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			nổi quá khứ với hiện tại 3. Về phẩm chất - Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.		

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

a) Cơ sở điểm

LỚP	HỌC KÌ I			HỌC KÌ II		
	ĐDGTx	ĐDGGk	ĐDGck	ĐDGTx	ĐDGGk	ĐDGck
Các lớp học CĐ lựa chọn	3	1	1	4	1	1
Các lớp không học chuyên đề lựa chọn	3	1	1	3	1	1

b) Các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 1 đến bài 5 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). - Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học, khắc sâu kiến thức cơ bản. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. 2. Năng lực Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn	Kiểm tra viết trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30%; Lựa chọn đúng sai 40%; Tự luận 30%. Tỉ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng

			3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 6 đến bài 8. 2. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.	Kiểm tra viết trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30%; Lựa chọn đúng sai 40%; Tự luận 30%. Tỷ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 25	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 9 đến bài 10 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi	Kiểm tra viết trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30%; Lựa chọn đúng sai 40%; Tự luận 30%. Tỷ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng

			nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 11 đến bài 13, theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giúp HS hình thành thế giới quan khoa học khi nhìn nhận các vấn đề lịch sử. - Giáo dục học sinh ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.	Kiểm tra viết trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn 30%; Lựa chọn đúng sai 40%; Tự luận 30%. Tỷ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng

III. Các nội dung khác

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi
2. Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn

KHỐI LỚP: 11

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình học sinh

Số lớp: 05; Số học sinh: 203; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): không

2. Tình hình đội ngũ

Số giáo viên: 03;

Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 Đại học: 01; Trên đại học: 02

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên : Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học

(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Các hình ảnh, tư liệu khác về các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.	02	Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	P. Máy chiếu
2	- Các tranh, ảnh, sơ đồ liên quan đến bài học.	02	Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.	P. Máy chiếu
3	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	02	Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.	P. Máy chiếu
4	- Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, tư liệu về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	02	Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	P. Máy chiếu
5	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	02	Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	P. Máy chiếu
6	- Phim tư liệu: quá trình hình thành và phát triển của 1 số quốc gia ở Đông Nam Á	02	Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.	P. Máy chiếu
7	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	02	Bài 7. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.	P. Máy chiếu
8	- Phim tư liệu: Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu từ thế kỉ III TCN đến cuối TK XIX: KN Hai Bà Trưng, Lý Bí, khởi nghĩa Lam Sơn...	02	Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử VN (từ TK III TCN đến cuối TK XIX).	P. Máy chiếu
9	- Phim tư liệu: Thành nhà Hồ	02	Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và	P. Máy chiếu

			triều Hồ (cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV)	
10	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	02	Bài 10. Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	P. Máy chiếu
11	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học.	02	Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)	P. Máy chiếu
12	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học. - Phim tư liệu: - Video/clip: Về vai trò của biển Đông	02	Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của biển Đông	P. Máy chiếu
13	- Các tranh, ảnh liên quan đến bài học	02	Bài 13. Việt Nam và biển Đông	P. Máy chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Số phòng học cơ bản	05	Học chính khóa, ôn HSG..	

II. Kế hoạch dạy học

1. Xây dựng phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (26 tiết) Học kì 2: 17 tuần (26 tiết)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
HỌC KÌ I					
CHỦ ĐỀ 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN					
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về các mạng tư	3 (1,2,3)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được tiền đề của các cuộc cách	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ hệ thống hóa tiền đề

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
	sản		mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng. - Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. - Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> nhận diện được các loại tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...) biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về cách mạng tư sản. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> giải thích khái niệm cách mạng tư sản, phân tích được mục tiêu nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo và động lực của các cuộc cách mạng tư sản.	số để sưu tầm tư liệu về tiền đề, kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.	kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng; - 11.C3.1-MR1 so sánh mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. HS ràng buộc đầu ra và đối chiếu với nguồn lịch sử tin cậy. - 11.A1.1. Tạo bảng tóm tắt các cuộc cách mạng tư sản và hướng dẫn khai thác bằng AI.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			- <i>Năng lực vận dụng kiến thức:</i> vận dụng kiến thức đã học giải thích được ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản. 3. Phẩm chất - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi và khám phá lịch sử.		
2	Bài 2: Sự xác lập và phát triển chủ nghĩa tư bản	3 (4,5,6)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. - Nêu được khái niệm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, tiềm năng, thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử của chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay. 2. Năng lực <i>Năng lực chung:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên	- 1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu số khi tìm hiểu về sự xác lập, phát triển và khái niệm CNTB hiện đại.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ so sánh sự xác lập, phát triển CNTB, mở rộng xâm lược thuộc địa và CNTB hiện đại; - 11.C3.1-MR1 yêu cầu bảng/timeline theo tiêu chí, sau đó kiểm chứng dữ kiện trước khi sử dụng.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: nhận diện được các loại tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...) biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: giải thích khái niệm như tự do cạnh tranh, độc quyền, chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhận diện được tiềm năng, hạn chế và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức</i>: vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay. 3. Phẩm chất - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi và khám phá lịch sử. - Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, kiên định với con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.		
3	Thực hành lịch sử	1 (7)	- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 3.1.NCa: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung (slide, video) để thuyết trình về các cuộc cách mạng tư sản.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ biên tập câu hỏi/tranh biện hoặc sản phẩm thực hành; - 11.B2.1 kiểm tra nguồn, nhận diện rủi ro thông tin sai lệch và quyền sử dụng dữ liệu trước khi công bố.
CHỦ ĐỀ 2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY					
4	Bài 3: Sự hình thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết	2 (8,9)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin về sự ra đời và ý nghĩa lịch sử của việc hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - 3.1.NCb: Học sinh biết sử dụng công cụ số để tạo ra sản phẩm học tập.	- 11.C3.2: Sử dụng chatbot/AI hỗ trợ lập timeline quá trình hình thành Liên bang CHXHCN Xô viết. - 11.C3.MR2: Tìm hiểu cách chatbot/AI xử lý câu hỏi và tạo câu trả lời. HS đối chiếu mốc thời gian, sự kiện và nội dung do AI cung cấp với SGK, tư liệu lịch sử trước khi sử

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: hiểu rõ về sự hình thành, ý nghĩa của việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học giải thích về ý nghĩa của sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. 3. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng giá trị và ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		dụng.
5	Bài 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ	3 (10,11,12)	1. Kiến thức Sau bài học này, HS sẽ: - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa	- 1.2.NC1a : Học sinh đánh giá độ tin cậy của nguồn tư liệu khi	- 11.C3.MR3 : HS sử dụng công cụ AI có nguồn tham chiếu để

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
	sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay		xã hội ở Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô. -Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay và những thành tựu, ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> biết cách sưu	ngiên cứu các nguyên nhân sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô và Đông Âu.	hỗ trợ tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân khủng hoảng/sụp đổ và thành tựu cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. - 11.C3.MR4: HS tìm hiểu ở mức khái niệm về cách AI sử dụng nguồn tham chiếu/RAG, đồng thời kiểm tra, đối chiếu nguồn thông tin được AI sử dụng. - HS đối chiếu thông tin do AI cung cấp với SGK, tư liệu lịch sử và các nguồn chính thống. Đánh giá độ tin cậy của nguồn trước khi sử dụng. Không sử dụng nguyên kết quả AI khi chưa kiểm chứng.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu lịch sử về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: nhận thức được sự mở rộng chủ nghĩa xã hội; giải thích được nguyên nhân sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô; nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay, về thành tựu, ý nghĩa của công cuộc mở cửa ở Trung Quốc. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học giải thích về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. 3. Phẩm chất - Bồi dưỡng ý thức trân trọng giá trị, ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội và những thành quả của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
6	Thực hành lịch sử	1 (13)	- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 2.3.NC1b : Học sinh sử dụng công nghệ số thích hợp để tự trang bị kiến thức và tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng CNXH	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ biên tập câu hỏi/tranh biện về sự phát triển của CNXH; - 11.B2.1 - nhận diện

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
				ở Việt Nam.	thông tin thiếu nguồn/sai lệch và kiểm tra lại bằng SGK, tài liệu chính thống.
7	Kiểm tra giữa kỳ I	1 (14)	- Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học từ Bài 1 đến Bài 4 để làm bài kiểm tra với 3 năng lực lịch sử và 4 cấp độ tư duy - Hình thức kiểm tra: Tự luận (3 điểm) - Trắc nghiệm (7 điểm). - Thời gian: 45 phút		
CHỦ ĐỀ 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á					
8	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.	2 (15,16)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa. - Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. 2. Năng lực Năng lực chung: <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm tư liệu số (bản đồ, văn bản) để nghiên cứu quá trình xâm lược và cai trị của thực dân ở Đông Nam Á. - 1.2.NC1a: Tìm kiếm, khai thác, đánh giá độ tin cậy của tư liệu số về quá trình khai thác thuộc địa.	- 11.C3.1: HS đặt prompt có ràng buộc rõ về thời gian, không gian, đối tượng và dạng đầu ra để AI thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu về quá trình xâm lược, cai trị và cải cách ở Xiêm. - 11.C3.MR1: HS yêu cầu AI hệ thống hóa quá trình xâm lược, cai trị và cải cách ở Xiêm thành bảng theo các tiêu chí

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: hiểu rõ về quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học giải thích một số vấn đề về quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa. 3. Phẩm chất		đã xác định.kiểm tra đủ kiện.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			-Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. - Cảm thông với nhân dân các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đô hộ. - Có thái độ phê phán, lên án CN thực dân.		
9	Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	3 (17,18)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> -Tóm tắt được những nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa. - Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. - Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Tóm tắt được những nét chính về quá trình tái thiết và phát triển Đông Nam Á sau khi giành được độc lập. - Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của các nguồn tư liệu số khi tóm tắt về cuộc đấu tranh giành độc lập.	- 11.C2.MR1 HS sử dụng AI tạo timeline so sánh các phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á; - 11.C3.1 - chia nhỏ nhiệm vụ, yêu cầu định dạng đầu ra và đánh giá sản phẩm AI.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			và các bạn khác trong lớp. - Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về hành trình đi đến độc lập dân tộc, quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: hiểu rõ những nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh chống xâm lược và giành độc lập dân tộc, quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học giải thích được một số vấn đề về cuộc đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập dân tộc và phát triển ở Đông Nam Á, kết hợp với thực tiễn hiện nay. 3. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giành độc lập dân tộc và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á. - Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
10	Thực hành lịch sử	1 (19)	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 2.3.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số thích hợp để tự trang bị kiến thức về ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các nước thuộc địa. Liên hệ với Việt Nam.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ biên tập triển lãm số về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á; - 11.B2.1 kiểm tra nguồn văn bản/hình ảnh, nhận diện rủi ro và quyền sử dụng dữ liệu.
CHỦ ĐỀ 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)					
11	Bài 7: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	4 (20,21, 22,23)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Nêu được vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Trình bày được nội chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu và các cuộc kháng chiến chống xâm lược. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên	- 1.1.NC1b: HS sử dụng công nghệ số (Internet, thư viện số, video, hình ảnh trực tuyến...) để duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số. - 1.2.NCa: HS đánh giá được độ tin cậy của các trang web, video, hình ảnh... khi khai thác thông tin - 3.1.NC1b: Học sinh	- 11.A1.2 - HS phân tích việc dùng AI khi khai thác tư liệu về các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; - 11.B2.1 - nhận thức AI hỗ trợ con người nhưng không thay thế kiểm soát của người học; - 11.A3.1 - nhận diện rủi ro và quyền dữ liệu.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: thông qua việc giải thích được nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng</i>: rút ra những bài học lịch sử từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập. 3. Phẩm chất - <i>Yêu nước</i>: có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam. - <i>Chăm chỉ, trách nhiệm</i>: thông qua việc	biết sử dụng công cụ số để tạo ra sản phẩm học tập. - 2.2.NC1a: HS <i>chia sẻ dữ liệu, thông tin và sản phẩm học tập</i> qua công cụ số (slide PowerPoint, poster Canva, Padlet, Google Docs/Drive, LMS của trường...) khi thảo luận, thuyết trình về nội dung học tập.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập; tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương, sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.		
12	Thực hành lịch sử	2 (24,25)	- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 2.3.NC1b: Học sinh sử dụng công nghệ số thích hợp để tự trang bị kiến thức về tác động của vị trí địa chiến lược đến chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ lựa chọn công cụ, trực quan hóa tư liệu và chuẩn bị sản phẩm; - 11.C3.MR1 - vận dụng prompt nâng cao - 11.B2.1 kiểm tra nguồn, nhận diện rủi ro và điều chỉnh sản phẩm.
13	Kiểm tra cuối kỳ I	1 (26)	- Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học từ Bài 5 đến Bài 7 để làm bài kiểm tra với 3 năng lực lịch sử và 4 cấp độ tư duy - Hình thức kiểm tra: Tự luận (3 điểm) - Trắc nghiệm (7 điểm) - Thời gian: 45 phút		
HỌC KỲ II					
14	Bài 8: Một số cuộc khởi nghĩa	5 (27,28,29)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i>	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ lập

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
	và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)	30,31)	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc và nêu được ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó. - Nêu được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn, phong trào Tây Sơn. -Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử thông qua việc trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc; diễn biến chính và ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn; bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của	kiểm để thu thập tư liệu về bối cảnh, diễn biến, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa.	timeline/bản đồ diễn biến các cuộc khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng tiêu biểu; - 11.C3.1 prompt chia nhỏ nhiệm vụ, tùy chỉnh bằng hướng dẫn/dữ liệu; - 11.C3.MR3 kiểm chứng mốc và địa danh.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			phong trào Tây Sơn; nêu được bối cảnh lịch sử, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa trong thời kì Bắc thuộc, ý nghĩa của phong trào Tây Sơn. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: thông qua việc rút ra được những bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng</i>: nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 3. Phẩm chất - <i>Yêu nước</i>: thông qua việc có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. - <i>Chăm chỉ, trách nhiệm</i>: thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập; sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.		
15	Thực hành lịch sử	1 (32)	- Biết hệ thống hóa kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề - Vận dụng được kiến thức để giải thích các vấn đề lịch sử qua bài tập tình huống. - Vận dụng được kiến thức lịch sử giải quyết tình huống trong thực tiễn: đóng vai một nhà sử học, một hướng dẫn viên du lịch, một nhà báo ...	- 3.1.NC1a: Sáng tạo Sản phẩm Số Đa phương tiện: HS tạo triển lãm ảo bằng cách sử dụng công cụ như ArtSteps hoặc Padlet để trưng bày tranh ảnh/mô hình số về các cuộc kháng chiến.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI tạo học liệu đa phương tiện phục vụ đóng vai nhà sử học/ hướng dẫn viên/ nhà báo; - 11.A3.1 người học kiểm soát, chỉnh sửa và chịu trách nhiệm

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
					về sản phẩm.
CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)					
16	Bài 9: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV)	2 (33,34)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly và Triều Hồ. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung cuộc cải cách của nhà Hồ. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> thông qua việc trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:</i> giải	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm tư liệu (tranh ảnh, tư liệu) để nghiên cứu về cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI tạo bảng 4 bước “bối cảnh - nội dung - kết quả - ý nghĩa” của cải cách Hồ Quý Ly; - 11.C3.1 - vận dụng prompt có cấu trúc và đối chiếu nội dung AI với SGK.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			quyết các nhiệm vụ học tập. 3. Phẩm chất - <i>Chăm chỉ, trách nhiệm</i>: thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập. - Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ. .		
17	Bài 10: Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV	2 (35,36)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng. 2. Năng lực <i>Năng lực chung:</i> - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. <i>Năng lực riêng:</i> - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung cuộc cải cách Minh Mạng.	- 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm tư liệu số (tranh ảnh, tư liệu) để nghiên cứu về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI tổng hợp cải cách Lê Thánh Tông thành sơ đồ/ infographic; - 11.C3.MR1 ràng buộc định dạng, chia nhỏ nhiệm vụ và biên tập học liệu; kiểm tra độ chính xác.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			- <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: thông qua việc trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng</i>: giải quyết các nhiệm vụ học tập. 3. Phẩm chất - <i>Chăm chỉ, trách nhiệm</i>: thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập. - Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách của Minh Mạng.		
18	Thực hành lịch sử	1 (37)	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kĩ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo nội dung ở định dạng đa phương tiện (video, sơ đồ tư duy) để thuyết trình về nhân vật Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông.	- 11.C2.MR1 – HS dùng AI hỗ trợ so sánh ba cuộc cải cách theo cùng tiêu chí; - 11.B2.1 đánh giá rủi ro khi kết quả thiếu nguồn và kiểm chứng trước khi trình bày.
19	Kiểm tra giữa kì II	1 (38)	- Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học từ Bài 8 đến Bài 10 để làm bài kiểm tra với 3 năng lực lịch sử và 4 cấp độ tư duy - Hình thức kiểm tra: Tự luận (3 điểm) - Trắc nghiệm (7 điểm) - Thời gian: 45 phút		
20	Bài 11: Cuộc cải cách của	2 (39,40)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i>	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ lập

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
	Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX		- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung cuộc cải cách Minh Mạng. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> thông qua việc trình bày được kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng:</i> giải quyết các nhiệm vụ học tập. 3. Phẩm chất - <i>Chăm chỉ, trách nhiệm:</i> thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập. - Có ý thức trân trọng giá trị cuộc cải cách	các nguồn dữ liệu khi nghiên cứu các cuộc cải cách của Vua Minh Mạng để rút ra bài học lịch sử.	bảng so sánh cải cách Minh Mạng với Hồ Quý Ly và Lê Thánh Tông; - 11.C3.MR1 - tùy chỉnh prompt, chia nhỏ nhiệm vụ, yêu cầu tiêu chí so sánh và đối chiếu tư liệu.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			của Minh Mạng.		
21	Thực hành lịch sử	1 (41)	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo nội dung ở định dạng đa phương tiện (video, sơ đồ tư duy) để thuyết trình về nhân vật Minh Mạng.	- 11.C2.MR1 HS sử dụng AI để thiết kế triển lãm số về các cuộc cải cách; - 11.A3.1 – thực hiện quy trình sử dụng AI an toàn, kiểm soát nội dung, dữ liệu và quyền của người dùng.
CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG					
22	Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	3 (42,43,44)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ. Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển. - Xác định được vị trí các đảo, quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay	- 1.1.NC1a: Ứng dụng Số vào Học tập Thực tế: HS sử dụng thông tin và bản đồ số để tìm hiểu về vị trí, tầm quan trọng của Biển Đông và xác định vị trí Hoàng Sa, Trường Sa. - 1.2.NCa: HS đánh giá được độ tin cậy của các trang web, video, hình ảnh... khi khai thác thông tin	- 11.A2.1 – HS liên hệ việc sử dụng AI trong nghiên cứu bản đồ, tư liệu Biển Đông; - 11.A2.2 nhận diện ứng dụng AI có lợi ích xã hội, đánh giá tính bền vững, công bằng và quyền dữ liệu; - 11.A3.1 kiểm chứng nguồn.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: Tìm hiểu được tư liệu lịch sử về vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông; Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ; Xác định được vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển; Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng</i>: Đánh giá được vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông; Rút ra bài học lịch sử cho công cuộc bảo vệ biển, đảo Tổ quốc hiện nay. 3. Phẩm chất - <i>Yêu nước</i>: trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh, bảo vệ, xây dựng đất		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			nước của dân tộc. - Trách nhiệm: ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ biển đảo Tổ quốc hiện nay.		
23	Bài 13: Việt Nam và Biển Đông	4 (45,46 47,48)	1. Kiến thức <i>Sau bài học này, HS sẽ:</i> - Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - Giải thích được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Nêu được chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình của Việt Nam. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của các nguồn tư liệu lịch sử và pháp lý về việc Việt Nam xác lập chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa. - 2.5.NC1a: Học sinh áp dụng các chuẩn mực hành vi khi tương tác trong môi trường số (thảo luận/chia sẻ thông tin về Biển Đông). - 3.1.NC1b: Học sinh biết sử dụng công cụ số để tạo ra sản phẩm học tập.	- 11.A3.1 - HS kiểm tra đầu ra AI về Biển Đông bằng nguồn chính thống; - 11.B2.1 - nhận diện rủi ro và quyền dữ liệu; - 11.C3.MR4 - tìm hiểu vai trò RAG và nguồn tham chiếu trong giảm sai lệch; không dùng AI thay thế chứng cứ lịch sử.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
			GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới. 3. Phẩm chất - Yêu nước, trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.		
24	Thực hành lịch sử	2 (49,50)	- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.	- 3.1.NC1a : Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung (tư liệu số, slide, poster) cho hoạt động ngoại khóa về chủ quyền biển đảo.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ xây dựng triển lãm số và phản biện; - 11.B2.1 kiểm soát nội dung, quyền dữ liệu, nhận diện rủi ro và trách nhiệm khi chia sẻ sản phẩm.
25	Ôn tập	1 (51)	- Học sinh hệ thống được kiến thức - Vận dụng giải quyết được các vấn đề		- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ hệ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS (4)	Tích hợp AI (5)
					thống hóa kiến thức theo chủ đề; - 11.C3.1 - prompt chia nhỏ nhiệm vụ, ràng buộc định dạng; - 11.A1.2 tự kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh kết quả.
26	Kiểm tra cuối kì II	1 (52)	- Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học từ Bài 11 đến Bài 13 để làm bài kiểm tra với 3 năng lực lịch sử và 4 cấp độ tư duy - Hình thức kiểm tra: Tự luận (3 điểm) - Trắc nghiệm (7 điểm) - Thời gian: 45 phút		

2. Chuyên đề lựa chọn

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (18 tiết); Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
CHUYÊN ĐỀ 1. LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (15 tiết)					
1	Nghệ thuật thời Lý - Trần	5 (1-5)	1. Kiến thức - Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu số về nghệ thuật Lý–Trần bằng từ khóa phù hợp. - 1.2.NC1a: Kiểm tra, đối chiếu nguồn tư liệu. - 3.1.NC1a: Tạo slide giới thiệu hiện vật.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ nhận diện/mô tả hình ảnh kiến trúc, điêu khắc thời Lý - Trần và lập bảng “công trình/hiện vật - đặc

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học</i>: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Tìm hiểu lịch sử</i>: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...); biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu liên quan đến lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam trong học tập. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử</i>: phân tích được những điểm mới về nghệ thuật qua các thời kì (như phân tích được điểm khác biệt trong nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc thời Nguyễn, thời Lê trung hưng với các triều đại trước đó). - <i>Vận dụng kiến thức</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu được		điểm - niên đại - giá trị”; - 11.C3.2 đối chiếu hình ảnh, tên công trình, niên đại với SGK/tư liệu, không coi AI là chứng cứ.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyền thống qua các thời kì với bạn bè; tăng cường kết nối quá khứ với hiện tại; vận dụng kiến thức lịch sử để nhận biết về xu hướng bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống Việt Nam. 3. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng các thành tựu, giá trị và tinh hoa của nghệ thuật truyền thống Việt Nam. - Biết ơn và tự hào về sự tài hoa của những nghệ nhân đã đóng góp phần sáng tạo ra các thành tựu của nghệ thuật truyền thống Việt Nam		
2	Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc	5 (6-10)	1. Kiến thức - Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. - Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm, lựa chọn tư liệu về nghệ thuật Lê sơ–Mạc - 1.2.NC1a: Đối chiếu độ tin cậy của nguồn. - 3.1.NC1a: Thiết kế infographic so sánh.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ phân loại hình ảnh nghệ thuật thời Lê sơ và Mạc, chỉ ra điểm giống/khác; - 11.B2.1 kiểm chứng tên công trình, niên đại và nhận diện nguy cơ AI nhận dạng sai.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Tìm hiểu lịch sử</i>: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...); biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu liên quan đến lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam trong học tập. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử</i>: phân tích được những điểm mới về nghệ thuật qua các thời kì (như phân tích được điểm khác biệt trong nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc thời Nguyễn, thời Lê trung hưng với các triều đại trước đó). - <i>Vận dụng kiến thức</i>: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyền thống qua các thời kì với bạn bè; tăng cường kết nối quá khứ với hiện tại; vận dụng kiến thức lịch sử để nhận biết về xu hướng bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống Việt Nam. 3. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng các thành tựu, giá trị và tinh hoa của nghệ thuật truyền thống Việt Nam.		

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			- Biết ơn và tự hào về sự tài hoa của những nghệ nhân đã đóng góp phần sáng tạo ra các thành tựu của nghệ thuật truyền thống Việt Nam		
3	Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn	5 (11-15)	1. Kiến thức - Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng. - Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn. 2. Năng lực Năng lực chung: - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> biết phối	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu đa phương tiện. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, đánh giá nguồn. - 3.1.NC1a: Tạo album/timeline số. - 3.3.NC1a: Ghi nguồn, bản quyền.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ so sánh nghệ thuật Lê trung hưng và Nguyễn theo kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc; - 11.C3.2 - yêu cầu bảng “đặc điểm - điểm mới - ví dụ”; - 11.C3.1-MR1 kiểm tra tư liệu.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề. Năng lực riêng: - <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...); biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu liên quan đến lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam trong học tập. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử:</i> phân tích được những điểm mới về nghệ thuật qua các thời kì (như phân tích được điểm khác biệt trong nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc thời Nguyễn, thời Lê trung hưng với các triều đại trước đó). - <i>Vận dụng kiến thức:</i> thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyền thống qua các thời kì với bạn bè; tăng cường kết nối quá khứ với hiện tại; vận dụng kiến thức lịch sử để nhận biết về xu hướng bảo tồn, phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống Việt Nam. 3. Phẩm chất - Có ý thức trân trọng các thành tựu, giá trị và tinh hoa của nghệ thuật truyền thống Việt Nam. - Biết ơn và tự hào về sự tài hoa của những nghệ nhân đã đóng góp phần sáng tạo ra các thành tựu của nghệ thuật truyền thống Việt Nam		

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
CHUYÊN ĐỀ 2. CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX (10 tiết)					
4	Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX	5 (16-20)	1. Kiến thức - Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. - Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. - Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,... - Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô. 2. Năng lực - Góp phần hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận diện được các loại tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu các cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới. - Góp phần hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giải thích được cơ sở, nguồn gốc của hai cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh lạnh, khát vọng hòa	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu về chiến tranh và hòa bình. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, kiểm chứng nguồn. - 2.4.NC1a: Phối hợp xây dựng sản phẩm số. - 3.1.NC1a: Tạo timeline/ infographic.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI lập bảng nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của hai cuộc chiến tranh thế giới và hệ thống hóa các nỗ lực xây dựng hòa bình; - 11.B2.1 kiểm chứng niên đại, sự kiện và hậu quả bằng nguồn lịch sử.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới, phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. - Góp phần hình thành và phát triển được năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng thông qua vận dụng kiến thức đã học hiểu biết về nguồn gốc chiến tranh, vận dụng vào việc ngăn ngừa chiến tranh, nhận thức rõ về hòa bình để góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, hiểu được bản chất cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam là chính nghĩa. 3. Phẩm chất - Yêu hòa bình, trân trọng giá trị của hòa bình, từ đó có ý thức phản đối chiến tranh, tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo vệ hòa bình. - Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hi sinh để giành độc lập dân tộc và bảo vệ tổ quốc.		
5	Chiến tranh và hòa bình từ sau năm 1945 đến nay	5 (21-25)	1. Kiến thức - Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. - Đánh giá được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. - Phân tích được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu về Chiến tranh lạnh. - 1.2.NC1a: Kiểm chứng thông tin qua nhiều nguồn. - 3.1.NC1a: Tạo timeline/sơ đồ số. - 6.3.NC1a: Kiểm chứng đầu ra AI.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI có nguồn tham chiếu để hệ thống hóa nguyên nhân, đặc điểm, hậu quả và nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh; - 11.C3.MR3-

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,... - Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính. - Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới. 2. Năng lực - Góp phần hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận diện được các loại tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu các cuộc đấu tranh vì hòa		MR4 - phân tích tác động đối với thế giới và Việt Nam; - 11.B2.1 kiểm tra nguồn và hiểu vai trò RAG.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			bình của nhân dân thế giới. - Góp phần hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giải thích được cơ sở, nguồn gốc của hai cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh lạnh, khát vọng hòa bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới, phong trào quốc tế ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam. - Góp phần hình thành và phát triển được năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng thông qua vận dụng kiến thức đã học hiểu biết về nguồn gốc chiến tranh, vận dụng vào việc ngăn ngừa chiến tranh, nhận thức rõ về hòa bình để góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, hiểu được bản chất cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Việt Nam là chính nghĩa. 3. Phẩm chất - Yêu hòa bình, trân trọng giá trị của hòa bình, từ đó có ý thức phản đối chiến tranh, tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo vệ hòa bình. - Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu hi sinh để giành độc lập dân tộc và bảo vệ tổ quốc.		
CHUYÊN ĐỀ 3. DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (10 tiết)					

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
6	Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc	2 (26,27)	1. Kiến thức - Giải thích được khái niệm danh nhân. - Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc. 2. Năng lực - Góp phần hình thành và bồi dưỡng năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện và sưu tầm tư liệu lịch sử về danh nhân trong lịch sử VN. - Năng lực nhận thức, tư duy lịch sử: giải thích được khái niệm danh nhân, vai trò của danh nhân trong lịch sử. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng: vận dụng kiến thức đã học giải thích đóng góp của danh nhân trong lịch sử VN. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS - Biết trân trọng giá trị đóng góp của danh nhân trong lịch sử VN. - Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu số. - 1.2.NC1a: Đối chiếu, kiểm chứng nguồn. - 2.2.NC1a: Chia sẻ tư liệu trong nhóm. - 3.1.NC1a: Tạo timeline/ hồ sơ số.	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI lập hồ sơ số về một danh nhân; - 11.C3.1-MR1 prompt tách “thông tin tư liệu” và “nhận định đánh giá”; - 11.B2.1 kiểm chứng tiểu sử, không dùng nội dung AI thay cho chứng cứ.
7	Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Gợi ý lựa chọn)	8 (28-35)	1. Kiến thức - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của các	- 1.1.NC1b: Tìm kiếm tư liệu số. - 1.2.NC1a: Kiểm tra nguồn. - 3.1.NC1a: Tạo infographic/video/podcast. - 3.3.NC1a: Ghi nguồn, tôn trọng bản quyền. - 6.3.NC1a: Kiểm chứng	- 11.C2.MR1 - HS dùng AI hỗ trợ sưu tầm, phân loại và hệ thống hóa tư liệu về một nhà chính trị tiêu biểu; - 11.C3.1-MR1 - yêu cầu AI tổng hợp theo “thân thế - sự

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. - Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo trong lịch sử dân tộc. 2. Năng lực - Góp phần hình thành và bồi dưỡng năng lực	thông tin do AI cung cấp.	nghiệp - đóng góp - đánh giá”; - 11.A3.1 - kiểm chứng tư liệu và quyền sử dụng dữ liệu.

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			tìm hiểu lịch sử: nhận diện và sưu tầm tư liệu lịch sử về danh nhân trong lịch sử VN. - Năng lực nhận thức, tư duy lịch sử: giải thích được khái niệm danh nhân, vai trò của danh nhân trong lịch sử. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng: vận dụng kiến thức đã học giải thích đóng góp của danh nhân trong lịch sử VN. 3. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS - Biết trân trọng giá trị đóng góp của danh nhân trong lịch sử VN. - Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử		

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

3.1. Cơ sở điểm

LỚP	HỌC KÌ I			HỌC KÌ II		
	ĐDGTx	ĐDGGk	ĐDGck	ĐDGTx	ĐDGGk	ĐDGck
Các lớp học chuyên đề lựa chọn	3	1	1	4	1	1
Các lớp không học chuyên đề lựa chọn	3	1	1	3	1	1

3.2. Các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	45p	Tuần 7	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 1 đến	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			bài 4 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). - Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học, khắc sâu kiến thức cơ bản. 2. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. - Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất - Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập.	nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%) Tỉ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng
Cuối Học kỳ I	45p	Tuần 18	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học trong học kì I, lớp 11. 2. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%) Tỉ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng
Giữa Học kỳ II	45p	Tuần 24	1. Kiến thức	Kiểm tra viết trên giấy

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
			- Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học từ bài 8 đến bài 10 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kĩ năng làm bài kiểm tra, kĩ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%) Tỷ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng
Cuối Học kỳ II	45p	Tuần 35	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học trong học kì II, lớp 11 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kĩ năng làm bài kiểm tra, kĩ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%) Tỷ lệ nhận thức: 40 biết, 30 hiểu, 30 vận dụng

III. Các nội dung khác

- Bồi dưỡng học sinh giỏi: Lớp 11 cấp tỉnh
- Sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn

KHỐI LỚP: 12

I. Đặc điểm tình hình

- Số lớp: 05 ; Số học sinh: 190 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 3 Lớp: 12C1,3,5**
- Tình hình đội ngũ: Số giáo viên 03; Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học 02
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: ...; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Máy tính, máy chiếu - Bản đồ thế giới. - Các hình ảnh, tư liệu về sự thành lập và phát triển của Liên hợp quốc	1	Liên hợp quốc	
2	- Máy tính, máy chiếu - Bản đồ thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh. - Các hình ảnh, các tư liệu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta	1	Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh	
3	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, các tư liệu về Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	1	Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	
4	- Máy tính, máy chiếu - Bản đồ Đông Nam Á ngày nay. - Các hình ảnh, các tư liệu về sự hình thành và phát triển của ASEAN.	1	Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	
5	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, các tư liệu về Cộng đồng ASEAN	1	Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	
6	- Máy tính, máy chiếu - Lược đồ diễn biến Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Lược đồ diễn biến về Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám:	1	Cách mạng tháng Tám năm 1945	
7	- Máy tính, máy chiếu - Các lược đồ: chiến dịch Việt Bắc 1947, chiến dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 - Các hình ảnh, tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 –1954).	1	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)	
8	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, các tư liệu về kháng chiến chống Mỹ	1	Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)	
9	- Máy tính, máy chiếu	1	Đấu tranh bảo vệ tổ quốc từ sau	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	- Các hình ảnh, các tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay		tháng 4/1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay	
10	- Máy tính, máy chiếu - Tư liệu lịch sử: hình ảnh, tư liệu trích từ <i>Văn kiện Đảng</i>	1	Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay	
11	- Máy tính, máy chiếu - Tư liệu về các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và hội nhập quốc tế	1	Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	
12	- Máy tính, máy chiếu - Bản đồ thế giới - Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về hoạt động đối ngoại của các cá nhân, các tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.	1	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)	
13	- Máy tính, máy chiếu - Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).	1	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Pháp (1954-1975)	
14	- Máy tính, máy chiếu - Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1975 đến nay	1	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay	
15	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, các tư liệu về Hồ Chí Minh	1	Khái quát về cuộc đời và hoạt động của Hồ Chí Minh	
16	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh như <i>Hồ Chí Minh: chân dung một con người</i> , <i>Nguyễn Ái Quốc – ẩn số từ nước Pháp</i> , <i>Ngọn đuốc thế kỉ</i> , <i>Hồ Chí Minh – bài ca tự do</i> ,...	1	Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
17	- Máy tính, máy chiếu - Các hình ảnh, tư liệu về Hồ Chí Minh - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam và thế giới.	1	Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Lớp học	05	- Lớp học	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (52 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (35 tiết) Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
CHỦ ĐỀ 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH (6 tiết + 1 tiết thực hành)					
1	Bài 1. Liên hợp quốc		1. Kiến thức - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. - Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. - Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin (hình ảnh, tư liệu) về bối cảnh, quá trình hình thành, mục tiêu và vai trò của Liên hợp	-12.C2.1: HS lựa chọn cách sử dụng AI hỗ trợ tìm kiếm, tổng hợp tư liệu về Liên hợp quốc; kiểm tra, đối chiếu kết quả với nguồn tin cậy.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
		-2- (1,2)	đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về Liên hợp quốc. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử và quá trình thành lập của Liên hợp quốc; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc; vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân cũng như đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội. + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải thích về vai trò của Liên hợp quốc.	quốc.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			3. Về phẩm chất - Có ý thức trân trọng vai trò của Liên hợp quốc đối với hoà bình, an ninh, phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.		
2	Bài 2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh	-2- (3, 4)	1. Về kiến thức - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh.	-1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số khi tìm hiểu về quá trình hình thành, tồn tại và sự sụp đổ của Trật tự I-an-ta.	-12.B1.MR1: HS phân tích nguyên nhân dẫn đến sai lệch trong kết quả AI khi hỗ trợ tìm hiểu lịch sử; đối chiếu thông tin AI với nguồn sử liệu.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh; nêu được nguyên nhân và phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về Trật tự thế giới I-an-ta. 3. Về phẩm chất Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.		
3	Bài 3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	-2- (5,6)	1. Về kiến thức - Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. - Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS. - Năng lực đặc thù môn lịch sử:	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin (hình ảnh, tư liệu) về các xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh.	-12.C2.1: HS sử dụng AI hỗ trợ tìm kiếm, hệ thống hóa thông tin về các xu thế thế giới; kiểm tra thông tin trước khi sử dụng.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, trình bày được khái niệm đa cực và xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua kiến thức đã học: vận dụng những hiểu biết về thế giới để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay. 3. Về phẩm chất - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá những vấn đề về quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.		
4	Thực hành chủ đề 1	-1- (7)	- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 1,2,3.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (slide, video) để thuyết trình. - 2.2.NC1a: Học sinh chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua công cụ số (slide, tài liệu).	- 12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu cho công cụ AI để hỗ trợ xây dựng nội dung thuyết trình; khai báo việc sử dụng AI và kiểm tra sản phẩm.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
CHỦ ĐỀ 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ (4 tiết + 1 tiết thực hành)					
5	Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	-2- (8,9)	1. Về kiến thức - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. - Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay). 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu về ASEAN. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN; quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10; nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin về quá trình hình thành, mục đích và các giai đoạn phát triển của ASEAN.	-12.C2.1: HS lựa chọn cách sử dụng AI hỗ trợ thu thập, hệ thống hóa tư liệu về ASEAN; kiểm chứng thông tin với nguồn chính thống.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			3. Về phẩm chất Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại.		
6	Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	-2- (10,11)	1. Về kiến thức - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. 2. Về năng lực - Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS. - Năng lực đặc thù môn lịch sử: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để rút ra được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. 3. Về phẩm chất	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin về quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng ASEAN.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			- Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN. - Khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại.		
7	Thực hành chủ đề 2	-1- (12)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 4,5.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu hệ thống AI để hỗ trợ xây dựng sản phẩm thuyết trình nhóm; kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm.
8	Kiểm tra giữa kì I	-1- (13)	- Nội dung: Bài 1 đến bài 5 - Hình thức kiểm tra: tự luận và trắc nghiệm.		
CHỦ ĐỀ 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY) (9 tiết + 2 tiết thực hành + 1 tiết ôn tập + 02 tiết kiểm tra đánh giá)					
9	Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945	-2- (14,15)	1. Về kiến thức - Trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng	-1.2.NC1a: Học sinh thực hiện đánh giá độ tin cậy của các	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			tháng Tám năm 1945. - Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám năm 1945. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được bối cảnh, diễn biến chính; nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và phân tích được ý nghĩa, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945. + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để rút ra ý nghĩa và bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập. 3. Về phẩm chất - Yêu nước thông qua việc có ý thức trân trọng, tự	nguồn tư liệu (lược đồ, văn bản) khi phân tích ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam. - Chăm chỉ thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập. - Trách nhiệm thể hiện trong việc tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.		
10	Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)	-2- (16,17)	1. Về kiến thức - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, tìm hiểu và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu (lược đồ, hình ảnh) về bối cảnh, diễn biến chính của cuộc kháng chiến.	-12.C2.1: HS sử dụng AI hỗ trợ hệ thống hóa tư liệu về cuộc kháng chiến; kiểm chứng thông tin với nguồn sử liệu đáng tin cậy.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954); nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Pháp. - Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.		
11	Thực hành chủ đề 3	-1- (18)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 6.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ tạo sản phẩm số; kiểm tra nội dung lịch sử, chỉnh sửa và khai báo việc sử dụng AI.
12	Bài 8. Cuộc		1. Về kiến thức	-1.2.NC1b: Học	-12.C2.1: HS sử

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)	-3- (19,20, 21)	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. 3. Về phẩm chất	sinh tiến hành đánh giá dữ liệu (từ phim tài liệu, tài nguyên Intenet) để phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	dụng AI hỗ trợ hệ thống hóa tư liệu về cuộc kháng chiến; kiểm chứng thông tin với nguồn sử liệu đáng tin cậy.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			- Yêu nước: có ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; - Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.		
13	Thực hành chủ đề 3	-1- (22)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 7, 8.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI hỗ trợ xây dựng sản phẩm đa phương tiện; kiểm chứng nội dung và chịu trách nhiệm về sản phẩm.
14	Bài 9. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng	-2- (23,24)	1. Về kiến thức - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. - Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay		- Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay; nêu được ý nghĩa lịch sử và những bài học cơ bản của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 /1975 đến nay. + Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			1945 đến nay. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.		
15	Ôn tập	-1- (25)	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.		-12.C2.1: HS lựa chọn cách sử dụng AI phù hợp để hỗ trợ hệ thống hóa kiến thức; tự kiểm tra và điều chỉnh kết quả.
16	Kiểm tra cuối HKI	-1- (26)	- Nội dung kiểm tra: Từ bài 6 đến bài 9 - Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm.		
CHỦ ĐỀ 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY (5 tiết + 2 tiết thực hành)					
17	Bài 10. Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	-2- (27,28)	1. Về kiến thức - Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải	-1.2.NC1b: Học sinh tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số để trình bày nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước.	-12.C2.1: HS sử dụng AI hỗ trợ tổng hợp dữ liệu về các giai đoạn Đổi mới; kiểm tra, đối chiếu với nguồn chính thống.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.		
18	Thực hành chủ đề 4	-1- (29)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 10.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ xây dựng sản phẩm đa phương tiện về công cuộc Đổi mới; kiểm chứng và chỉnh sửa sản phẩm.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
19	Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	-3- (30,31, 32)	1. Về kiến thức - Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế. - Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu được một số bài học kinh nghiệm về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. 3. Về phẩm chất		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			- Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. - Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.		
20	Thực hành chủ đề 4	-1- (33)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 11.	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI hỗ trợ tạo sản phẩm số; kiểm chứng thông tin, chỉnh sửa và khai báo việc sử dụng AI.
CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI (6 tiết + 2 tiết thực hành + 1 tiết kiểm tra)					
21	Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu		1. Về kiến thức - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu về các hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, tổ chức cách mạng.	-12.C2.1: HS sử dụng AI hỗ trợ tìm kiếm, hệ thống hóa tư liệu đối ngoại; kiểm chứng với nguồn sử liệu chính thống.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)	-2- (34,35)	vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945). 3. Về phẩm chất - Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử. - Yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc.		
22	Thực hành chủ đề 5	-1- (36)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 12	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI hỗ trợ xây dựng sản phẩm thuyết trình; kiểm chứng nội dung và khai báo sử dụng AI.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
				trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	
23	Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)	-2- (37, 38)	1. Về kiến thức - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). + Năng lực vận dụng kĩ năng, kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). 3. Về phẩm chất - Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử. - Yêu nước: Lòng yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).		
24	Bài 14: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay	-2- (39,40)	1. Về kiến thức - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985. - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ 1975 đến nay.		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			+ Năng lực vận dụng kiến thức đã học để lí giải về yêu cầu, cơ sở, sự phát triển của các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành từ năm 1975 đến nay; từ đó có những việc làm góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. 3. Về phẩm chất - Trung thực: học tập, cầu thị, cầu tiến bộ. - Trách nhiệm: Có khát khao tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, nhất là lịch sử các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay. - Yêu nước: Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, từ đó hình thành ý thức quảng bá hình ảnh đất nước ra khu vực, thế giới.		
25	Thực hành chủ đề 5	-1- (41)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học, nội dung bài 13,14	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI hỗ trợ tạo sản phẩm; kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung trước khi trình bày.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
26	Kiểm tra giữa kì HKII	-1- (42)	- Nội dung kiểm tra: toàn bộ kiến thức từ bài 10 đến bài 14 - Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm.		
CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (6 tiết+2 tiết thực hành+1 tiết kiểm tra)					
27	Bài 15. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh	-2- (43,44)	1. Về kiến thức - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự	-1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu (video, phim tài liệu) về tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.	-12.C2.1: HS lựa chọn cách sử dụng AI hỗ trợ hệ thống hóa tư liệu về Hồ Chí Minh; kiểm chứng thông tin với tư liệu lịch sử chính thống.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. 3. Về phẩm chất - Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.		
28	Bài 16. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc	-2- (45,46)	1. Về kiến thức - Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. - Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1969). 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ; nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh; nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước; trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh. 3. Về phẩm chất - Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.		
29	Bài 17. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân		1. Về kiến thức - Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.		

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
	dân thế giới và Việt Nam	-2- (47,48)	- Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam. 2. Về năng lực - Năng lực chung: + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập. + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng. - Năng lực đặc thù: + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu nguyên nhân nhân dân thế giới và Việt Nam đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam. 3. Về phẩm chất - Bồi dưỡng ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh		
30	Ôn tập	-1-	Hệ thống hóa các kiến thức đã học.		-12.C2.1: HS lựa

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
		(49)			chọn cách sử dụng AI hỗ trợ hệ thống hóa kiến thức; tự kiểm tra và điều chỉnh kết quả.
31	Kiểm tra cuối học kì II	-1- (50)	- Nội dung kiểm tra: Từ bài 15 đến bài 17 - Hình thức: Tự luận và trắc nghiệm.		
32	Thực hành chủ đề 6	-2- (51,52)	- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... - Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học nội dung bài 16,17	- 3.1.NC1a: Học sinh áp dụng cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng đa phương tiện để thuyết trình. - 2.4.NC1a: Học sinh đề xuất các công cụ và công nghệ số cho quá trình hợp tác nhóm để thực hiện bài thuyết trình.	- 12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ xây dựng sản phẩm thuyết trình; kiểm chứng, chỉnh sửa và khai báo việc sử dụng AI.

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

Căn cứ tích hợp: Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT (Khung NLS cho người học); Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT (Khung NLS cho giáo viên).
Kí hiệu GV [TT18: x.x], HS [TT02: x.x]. GDQP&AN tích hợp theo nội dung bài.

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (18 tiết); Học kì 2: 17 tuần (17 tiết)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
1	CHUYÊN ĐỀ 1 – Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	15 (1-15)	1. Về kiến thức - Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. - Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam và chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng (như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Quốc Tổ Hùng Vương, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc,...) thông qua hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế ở địa phương. - Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam. – Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, tham quan chùa ở địa phương. - Nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo (gồm Công giáo, Tin Lành) và Đạo giáo trong đời sống văn hoá – xã hội. Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác (như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Hồi giáo,...). 2. Về năng lực - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,..), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu liên quan đến lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam trong học tập. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: phân	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu khi nghiên cứu các tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam. - 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu về tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ tra cứu, phân loại và hệ thống hóa tư liệu về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; yêu cầu AI lập bảng so sánh khái niệm, đặc điểm và biểu hiện của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, Quốc Tổ Hùng Vương, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng, thờ anh hùng dân tộc; Nho giáo, Phật giáo, Cơ Đốc giáo, Đạo giáo và một số tôn giáo khác. HS đối chiếu từng thông tin do AI cung cấp với SGK, tư liệu lịch sử, tư liệu chính thống và tư liệu địa phương trước khi sử dụng.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			tích được những biểu hiện, ý nghĩa hoặc đóng góp của các tín ngưỡng và tôn giáo trong lịch sử Việt Nam. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để có cách thức thực hành tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc cũng như quy định của pháp luật Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng. 3. Về phẩm chất - Có ý thức tôn trọng và vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam. - Biết trân trọng giá trị, ý nghĩa của những phong tục, tập quán, các tín ngưỡng, tôn giáo trong lịch sử dân tộc.		
2	CHUYÊN ĐỀ 2 – Nhật Bản: hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay	10 (16-25)	1. Về kiến thức - Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội. - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. - Phân tích được những nét chính về tình hình chính trị – xã hội Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973. - Giải thích được nguyên nhân của sự phát	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu khi nghiên cứu sự phát triển kinh tế, xã hội Nhật Bản. - 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu về kinh tế, chính trị Nhật Bản.	-12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ hệ thống hóa tiến trình lịch sử Nhật Bản từ năm 1945 đến nay; lập timeline và bảng so sánh các giai đoạn: thời kì bị chiếm đóng, giai đoạn phát triển “thần kì” (1952–1973), giai đoạn phát triển không ổn định (1973–2000) và quá trình cải cách,

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000. - Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản trong những năm 1973 - 2000. - Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. - Phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI: mặt tích cực, mặt tiêu cực. - Nêu được nhận xét về những bài học thành công từ lịch sử của Nhật Bản. 2. Về năng lực - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: hiểu rõ những chuyển biến về chính trị, kinh tế, xã hội của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng; những biểu hiện của sự phát triển “thần kì” và nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản; nắm vững những chuyển biến về tình hình chính trị – xã hội Nhật Bản qua các giai đoạn 1973 – 2000 và những năm đầu thế kỉ XXI; giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 2000 và những yếu tố tác động đến sự		phục hồi kinh tế đầu thế kỉ XXI. HS yêu cầu AI phân nhóm các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội và giải thích quan hệ nguyên nhân – kết quả; sau đó kiểm chứng bằng SGK và nguồn dữ liệu tin cậy.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng: vận dụng kiến thức đã học giải thích về con đường phát triển của Nhật Bản sau năm 1952; bài học kinh nghiệm từ sự phát triển của Nhật Bản. 3. Về phẩm chất - Biết trân trọng và có ý thức học hỏi những phẩm chất cần cù, kỉ luật, coi trọng bản sắc văn hoá dân tộc của người Nhật Bản. - Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, sáng tạo, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.		
3	CHUYÊN ĐỀ 3 – Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	10 (26-35)	1. Về kiến thức - Giải thích được khái niệm toàn cầu hoá; biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về toàn cầu hoá. - Phân tích được những biểu hiện, tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế. Nêu được các lĩnh vực hội nhập quốc tế: kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hoá, giáo dục,... thông qua ví dụ cụ thể. - Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm	- 1.2.NC1a: Học sinh đánh giá độ tin cậy của các nguồn dữ liệu khi nghiên cứu quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. - 1.1.NC1b: Học sinh áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để thu thập tư liệu về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN.	- 12.C2.MR1: HS tùy chỉnh yêu cầu AI để hỗ trợ hệ thống hóa khái niệm toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực hội nhập của Việt Nam; lập bảng so sánh tác động tích cực – tiêu cực của toàn cầu hóa, hệ thống hóa quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới, vai trò và đóng góp của Việt Nam trong ASEAN, Liên

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			hiểu quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. - Phân tích được vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN (trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội,...). Nêu được những nét chính về quá trình Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức khác). 2. Về năng lực - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giải thích được những vấn đề về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam như: yêu cầu phải hội nhập quốc tế, các lĩnh vực hội nhập quốc tế, đóng góp của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế,... - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để phân tích, lí giải về các bước phát triển trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, những thách thức, khó khăn của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, từ đó đánh giá được những thành tựu mà Việt Nam đạt được. - Năng lực sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. 3. Về phẩm chất - Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử. - Biết trân trọng và có ý thức đóng góp vào		hợp quốc và một số tổ chức quốc tế. HS kiểm chứng các mốc thời gian, số liệu, sự kiện và nhận định của AI bằng nguồn chính thống trước khi sử dụng.

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp NLS	Tích hợp AI
			những thành tựu hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam. - Bồi dưỡng lòng yêu nước và lòng tự hào về các thành tựu mà Việt Nam đạt được trong quá trình hội nhập quốc tế; từ đó, có ý thức đóng góp và thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.		

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

a) Cơ sở điểm

LỚP	HỌC KÌ I			HỌC KÌ II		
	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck
Các lớp học CD lựa chọn	3	1	1	4	1	1
Các lớp không học CD lựa chọn	3	1	1	3	1	1

b) Các bài kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	45 phút	Tuần 7	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học đến hết tuần 8 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). - Học sinh hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã học, khắc sâu kiến thức cơ bản. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. 2. Năng lực - Kỹ năng phân tích đề. Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn 3. Phẩm chất - Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%)
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần 18	1. Kiến thức - Nắm được phần kiến thức lịch sử đã học trong học kì I. 2. Năng lực - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%)

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
II Giữa Học kỳ	45 phút	Tuần 24	1. Kiến thức - Hiểu được phần kiến thức lịch sử đã học đến hết tuần 25 theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%)
II Cuối Học kỳ	45 phút	Tuần 33	1. Kiến thức - Hiểu được phần kiến thức lịch sử đã học trong học kỳ II, theo 4 cấp độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao). 2. Năng lực - Rèn luyện cho HS kỹ năng làm bài kiểm tra, kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện, liên hệ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Giáo dục cho HS có thái độ nghiêm túc, tự giác trong việc học và làm bài kiểm tra.	Kiểm tra viết trên giấy Tự luận (30%); Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (30%), Dạng câu hỏi đúng sai (40%)

III. Các nội dung khác (nếu có):

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi: 12 cấp tỉnh
2. Sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn

C. MÔN TIẾNG ANH**KHỐI LỚP 10****I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 4 ; **Số học sinh:** 181; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 03; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: 02; Khá: 01; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
2	Máy tính	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
3	Loa	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
4	Audio CDs	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	LAB	01	Kỹ năng nghe	

II. MÔ TẢ SƠ LƯỢC CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC:**1. Tổng số tiết của môn học/ năm học là:**

- Cả năm: 35 tuần x 3 tiết/tuần = 105 tiết. Trong đó:
- Học kỳ I: 18 tuần x 3 tiết/tuần = 54 tiết.
- Học kỳ II: 17 tuần x 3 tiết/tuần = 51 tiết.

2. Số điểm kiểm tra, đánh giá trong mỗi học kỳ:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: có 04 ĐĐG thường xuyên
- Kiểm tra, đánh giá định kỳ: có 01 ĐĐG giữa kỳ và 01 ĐĐG cuối kỳ

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT:

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
1	Giới thiệu nội dung chương trình SGK, phương pháp học tập ...		1		
2-10	UNIT 1: FAMILY LIFE	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: - pronounce the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/ correctly in isolation and in sentences; understand and use words and phrases related to family life. - use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking. - read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children. - explain why children should or shouldn't do housework. - listen for specific information in a talk show about family life.	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, từ vựng về gia đình).
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số khác nhau để tạo ra kiến thức (tra từ điển online/app phát âm).
		Reading	1 tiết		1.1NC1b: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin (bài đọc về công việc nhà).
		Speaking	1 tiết		2.1NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, thảo luận nhóm online).
		Listening	1 tiết		1.2NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của các nguồn dữ liệu (thông tin trong bài nghe).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (soạn thảo văn bản).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• write about family routines.	2.5NC1a: Áp dụng được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khác nhau khi giao tiếp văn hóa.
		Looking back & Project	1 tiết	• express opinions. • understand family values in the UK. • do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.	2.4NC1a: Đề xuất được các công cụ số cho quá trình hợp tác nhóm. 3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua nội dung số.
11-19	UNIT 2: HUMAN AND THE ENVIRON MENT	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/ correctly in isolation and in sentences; understand and use words and phrases related to human activities and the environment.	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin về môi trường.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học tập ngữ pháp/phát âm.
		Reading	1 tiết	• use will and be going to to talk about the future; use the passive voice.	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin về lối sống xanh.
		Speaking	1 tiết	• read for main ideas and specific information in a text about green living.	2.2NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ (thảo luận giải pháp xanh).
		Listening	1 tiết	• talk about ways to live green.	1.1NC1d: Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm thông tin bổ sung

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				• listen for specific information in an announcement about a green event. • write about ways to improve the environment. • ask for and give advice. • understand what a carbon footprint is. • plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.	cho chủ đề sự kiện xanh.
		Writing	1 tiết		3.3NC1a: Áp dụng được các quy định khác nhau về bản quyền (khi trích dẫn số liệu môi trường).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.5NC1b: Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường số (chủ đề Carbon footprint).
		Looking back & Project	1 tiết		3.2NC1a: Làm việc với các mục nội dung mới, sửa đổi và tích hợp (tạo kế hoạch sự kiện).
20-24	UNIT 3: MUSIC	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with correct stress; understand and use words and phrases related to music. • use conjunctions to make compound sentences; use to-infinitives and bare infinitives after some verbs. • read for specific information in a text about a famous TV music show. • talk about a TV music show.	1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập những dữ liệu âm nhạc số.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ để luyện tập cấu trúc câu.
		Reading	1 tiết		1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin về chương trình âm nhạc.
		Speaking	1 tiết		2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
25-26	REVIEW 1	Language	1 tiết	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (tự đánh giá).
		Skills	1 tiết		1.3NC1a: Thao tác được thông tin, dữ liệu để tổ chức, lưu trữ kiến thức ôn tập. 3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.
27	MID-TERM TEST		1 tiết	Testing the language, knowledge and skills Ss have learnt in Units 1 to 3.	4.2NC1a: Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong kiểm tra).
28-31	UNIT 3: MUSIC	Listening	1 tiết	listen for gist and specific information in an interview about a music festival.	1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài phỏng vấn trên môi trường số.
		Writing	1 tiết	write a blog about an experiencesat a music event.	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa nội dung blog cá nhân trên nền tảng số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	make and respond to suggestions; identify Chau Van singing.	2.6NC1a: Tạo và quản lý được danh tính số (profile âm nhạc/ngệ thuật).
		Looking back & Project	1 tiết	do research on a form of traditional music in Viet Nam or another country and give a group presentation about it.	5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề sáng tạo.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
32	Feedback and correction		1 tiết	Give feedbacks to help Ss improve their skills.	5.4NC1c: Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
33-41	UNIT 4: GENDER EQUALIT Y	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with the same spelling with correct stress; understand and use words and phrases related to community development; adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less.	1.1NC1a: Tìm kiếm được dữ liệu về các hoạt động cộng đồng.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số học từ vựng (flashcards online).
		Reading	1 tiết	• use the past simple and past continuous with when and while.	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn tin về hoạt động tình nguyện.
		Speaking	1 tiết	• read for main ideas and specific information in a text about a volunteer club.	2.3NC1a: Đề xuất được các dịch vụ số khác nhau để tham gia vào xã hội (nền tảng từ thiện).
		Listening	1 tiết	• talk about the benefits of volunteering activities.	1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được từ thông báo.
		Writing	1 tiết	• listen for specific information in an announcement for volunteers.	3.1NC1a: Tạo văn bản đơn xin tình nguyện (dịnh dạng email/file word).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• write an application letter for volunteer	2.3NC1b: Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia xã hội.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Looking back & Project	1 tiết	work. • express feelings; identify factual information about the Save the Children organisation and its activities to help Viet Nam. • do research on a volunteer project in their community and give a group presentation about it.	2.4NC1a: Hợp tác thông qua công cụ số để lên kế hoạch dự án cộng đồng.
42-46	UNIT 5: INVENTIONS	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce common three-syllable nouns with correct stress; understand and use words and phrases related to inventions.	6.1NC1a: Phân tích được cách AI/công nghệ hoạt động trong các ứng dụng cụ thể.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
		Reading	1 tiết	• use the present perfect, gerunds, and to-infinitives correctly.	1.1NC1b: Tìm kiếm thông tin chi tiết về các phát minh.
		Speaking	1 tiết	• read for main ideas and specific information in a text about an invention; • talk about inventions and their uses.	6.1NC1b: So sánh được các hệ thống AI/công nghệ khác nhau (trong thảo luận về công dụng).
47-48	REVIEW 2	Language	1 tiết	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ người khác phát triển NLS.
		Skills	1 tiết		1.3NC1b: Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập. 3.1NC1a: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung số qua các bài tập.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
49	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực và kiến thức cần cải thiện.
50	END-TERM TEST		1 tiết	This test is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1b: Áp dụng được các cách thức đặc thù để chia sẻ dữ liệu cá nhân (quy chế thi).
51-54	UNIT 5: INVENTIONS	Listening	1 tiết	• listen to instructions on how to use an invention for specific information.	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá thông tin hướng dẫn sử dụng thiết bị.
		Writing	1 tiết	• write about the benefits of an invention.	3.1NC1a: Soạn thảo bài viết về lợi ích phát minh trên thiết bị số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• make and respond to requests; understand computer hardware.	6.2NC1a: Phát triển được các ứng dụng AI tùy chỉnh/hiểu về ứng dụng thực tế.
		Looking back & Project	1 tiết	• collect information about an existing invention for the classroom or creat a new	5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức cá nhân để thiết kế phát minh mới.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				one and give a group presentation about it.	
HỌC KỲ II					
55-62	UNIT 6: GENDER EQUALIT Y	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce three-syllable adjectives and verbs with correct stress; understand and use words and phrases related to gender equality. • use the passive voice with modals. • read for specific information in a text about gender equality. • talk about career choices; • listen for specific information in a talk about the first woman in space. • write about jobs for men and women. • express agreement and disagreement; learn about women's football. • do a survey on students' future jobs and report survey results.	2.5NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác (về giới).
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số tra cứu thông tin ngôn ngữ.
		Reading	1 tiết		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của thông tin bình đẳng giới trên mạng.
		Speaking	1 tiết		2.5NC1b: Áp dụng các chiến lược giao tiếp tôn trọng trong môi trường số.
		Listening	1 tiết		1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin từ bài nghe về nhân vật lịch sử.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo nội dung văn bản nghị luận xã hội số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin về bóng đá nữ qua công nghệ phù hợp.
		Looking back & Project	1 tiết		3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền khi sử dụng số liệu khảo sát.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
63-71	UNIT 7: VIET NAM AND INTERNA- TIONAL ORGANIS- ATIONS	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: - pronounce words with more than three syllables with correct stress; understand and use words and phrases related to international organisations. - use comparative and superlative adjectives. - read for specific information in a text about UNICEF's support for Viet Nam's education. - talk about programmes for communities. - listen for specific information in a conversation about Viet Nam's participation in international organisations. - write about Viet Nam's participation in international organisations. - make and respond to invitations; learn about FAO and its activities to support	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các tổ chức quốc tế.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ học thuật ngữ chuyên ngành.
		Reading	1 tiết		1.2NC1b: Đánh giá, so sánh thông tin từ các nguồn quốc tế (UNICEF).
		Speaking	1 tiết		2.1NC1a: Tương tác thông qua công nghệ số (mô phỏng diễn đàn).
		Listening	1 tiết		1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu liên quan để hỗ trợ bài nghe.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa văn bản giới thiệu Việt Nam.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ để xây dựng hồ sơ công dân toàn cầu.
		Looking back &	1 tiết		5.3NC1b: Sử dụng các công cụ

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Project		Viet Nam. • do research on an international organisation and give a group presentation about it.	số để tạo ra kiến thức mới (bài thuyết trình về tổ chức).
72-75	UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify and use sentence stress appropriately;	5.2NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân về học tập số.
		Language	1 tiết	• understand and use words and phrases related to different ways of learning.	4.1NC1a: Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ thiết bị và nội dung số.
		Reading	1 tiết	• understand and use defining and non-defining relative clauses with “who, that, which, and whose”. • read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning;	1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm tài liệu học tập online vs offline.
76-77	REVIEW 3	Language	1 tiết	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss’ answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện qua bài ôn tập.
		Skills	1 tiết		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu ôn tập hiệu quả. 3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.
78	MID-TERM TEST		1 tiết	• Testing the language and skills Ss have learnt in Units 6-8.	4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
79-83	UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN	Speaking	1 tiết	talk about the advantages and disadvantages of online learning.	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất (lớp học ảo).
		Listening	1 tiết	listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information.	5.2NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ (Blended learning).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo nội dung số về lợi ích của học tập trực tuyến.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	- write about the benefits of blended learning. - give instructions; learn about modern schools.	5.2NC1c: Sử dụng được các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (Modern schools).
		Looking back & Project		do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report survey results in a group presentation.	5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để đổi mới quy trình học tập.
84	Feedback and correction		1 tiết	Give feedbacks to help Ss improve their skills.	5.4NC1c: Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
85-93	UNIT 9: PROTECTI ON THE ENVIRONM ENT	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; understand and use words and phrases related to the environment and ways to protect it.	4.4NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ luyện tập câu tường thuật.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Reading	1 tiết	• use reported speech.	1.2NC1b: Đánh giá tính xác thực của thông tin vấn đề môi trường.
		Speaking	1 tiết	• read for main ideas and specific information in a text about environmental problems.	2.2NC1a: Chia sẻ thông tin giải pháp môi trường qua công nghệ số phù hợp.
		Listening	1 tiết	• talk about environmental solutions.	1.1NC1a: Tìm kiếm và lọc dữ liệu từ bài nghe bảo vệ động vật.
		Writing	1 tiết	• listen for specific information in a conversation about ways to protect endangered animals. • write about a wildlife organisation. • make and respond to apologies; learn about Earth Hour. • do research on a local or an international environmental organisation and give a group presentation about it.	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số giới thiệu tổ chức bảo vệ động vật.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.3NC1a: Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ số (chiến dịch Giờ Trái Đất online).
		Looking back & Project	1 tiết		3.2NC1a: Tích hợp thông tin, tạo sản phẩm truyền thông môi trường.
94-96	UNIT 10 ECOTOUR I-SM	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • identify intonation patterns and use appropriate intonation (i.e. rising or falling tone); understand and use words and phrases related to ecotourism.	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm tour du lịch sinh thái.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng app học tập ngữ pháp (câu điều kiện).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Reading	1 tiết	• use conditional sentences Type 1 and Type 2 correctly. • read for specific information in a brochure about ecotours.	1.2NC1a: Đánh giá các thông tin trong brochure du lịch số.
97-98	REVIEW 4	Language	1 tiết	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Đánh giá sự tiến bộ NLS cuối kỳ.
		Skills	1 tiết		1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu tổng hợp. 3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua sản phẩm cuối khóa.
99	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa cách hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
100	END-TERM TEST		1 tiết	The test is aimed at testing the language and skills Ss have learnt in Units 1-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kỳ thi.
101-105	UNIT 10: ECOTOUR-ISM	Speaking	1 tiết	• talk about how to become an ecotourist.	2.5NC1a: Nhận thức chuẩn mực hành vi khi đi du lịch (chia sẻ trên mạng).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Listening	1 tiết	- listen for specific information in a tour guide speech welcoming ecotourists in the Mekong Delta. - write a website advertisement for an ecotour. - ask for and give advice; understand the differences between types of tourism and their impact on the environment. - design an ecotour to a local attraction and give a group presentation about it.	1.1NC1c: Truy cập dữ liệu về địa điểm du lịch qua nghe hiểu.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Viết quảng cáo tour/blog du lịch (kỹ năng tạo web content).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		4.4NC1a: Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường du lịch.
		Looking back & Project	1 tiết		5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm quảng bá du lịch (video/poster số).

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60'	Tuần 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2,3 theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL
Cuối Học kỳ 1	60'	Tuần 17	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề học kỳ I theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL
Giữa Học kỳ 2	60'	Tuần 26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề 6,7 theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL
Cuối Học kỳ 2	60'	Tuần 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề học kỳ II theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL

KHỐI LỚP 11**I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 5 ; Số học sinh: 198; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ²: Tốt: 02; Khá: 01; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
2	Máy tính	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
3	Loa	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
4	Audio CDs	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	LAB	01	Kỹ năng nghe	

II. MÔ TẢ SƠ LƯỢC CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC:**1. Tổng số tiết của môn học/ năm học là:**

- Cả năm: 35 tuần x 3 tiết/tuần = 105 tiết. Trong đó:

- Học kỳ I: 18 tuần x 3 tiết/tuần = 54 tiết.

- Học kỳ II: 17 tuần x 3 tiết/tuần = 51 tiết.

2. Số điểm kiểm tra, đánh giá trong mỗi học kỳ:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: có 04 ĐĐG thường xuyên

- Kiểm tra, đánh giá định kỳ: có 01 ĐĐG giữa kỳ và 01 ĐĐG cuối kỳ

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT:

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
	UNIT 1:	Getting started	1 tiết	• identify and pronounce strong and weak forms of auxiliary verbs.	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm từ vựng, hình

² Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
1-9	A LONG AND HEALTHY LIFE				ảnh về sức khỏe).
		Language	2 tiết	- understand and use words and phrases related to health and fitness; use the past simple and the present perfect correctly. - read for main ideas and specific information in an article about living a long and healthy life.	5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức (app từ điển, phát âm).
		Reading	1 tiết	give instructions for an exercise routine.	1.2NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của nguồn tin (khi nghe thông tin sức khỏe).
		Speaking	1 tiết		2.1NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, video call luyện tập).
		Listening	1 tiết	listen for main ideas and specific information in a TV chat show about food and health.	1.3NC1a: Thao tác thông tin, dữ liệu để tổ chức, lưu trữ (ghi chú bài nghe).
		Writing	1 tiết	- write a short message in response to an invitation. - offer help and respond to offers; identify the main differences between bacteria and viruses.	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa được nội dung số (thiết kế Poster điện tử).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân để giải quyết các vấn đề (phân biệt vi khuẩn/virus qua mô phỏng số).
		Looking back & Project	1 tiết	design a poster about a healthy habit and give a poster presentation about it.	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa được nội dung số (thiết kế Poster điện tử). 2.4NC1a: Sử dụng công cụ số để

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
					hợp tác nhóm.
10-18	UNIT 2: THE GENERATION GAP	Getting started	1 tiết	identify and pronounce contracted forms correctly in sentences.	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về sự khác biệt thế hệ.
		Language	2 tiết	understand and use words and phrases related to generational differences; use modal verbs: must, have to, and should.	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp.
		Reading	1 tiết	read for main ideas and specific information in an article about different generations.	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá, so sánh thông tin các thế hệ từ nhiều nguồn.
		Speaking	1 tiết	talk about the different generations of a family; start a conversation and discussion.	2.5NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thế hệ khác (giao tiếp số tôn trọng người lớn tuổi).
		Listening	1 tiết	listen for specific information in a conversation about family conflicts.	1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được trên thiết bị số.
		Writing	1 tiết	write an opinion essay about limiting teenagers' screen time.	4.3NC1a: Tránh được rủi ro đến sức khỏe thể chất/tinh thần (chủ đề Screen time - thời gian sử dụng thiết bị).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	understand the generation gap in Asian American families.	2.6NC1a: Tạo và quản lý danh tính số phù hợp văn hóa gia đình Á Đông.
		Looking back & Project	1 tiết	carry out a survey to find out generational differences in families and give a group presentation about them.	1.3NC1b: Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu (kết quả khảo sát Online).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
					3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua bài trình chiếu số.
19-24 UNIT 3: CITIES OF THE FUTURE	Getting started	1 tiết	- pronounce the contracted form correctly. - understand and use words and phrases related to the topic; use modal verbs must, have to and should. - read for main ideas and specific information in a text about different generations. - talk about different generations. - listen for specific information in an announcement about family conflicts; listen for main ideas and specific information in an interview about the disadvantages of living in a smart city.	6.1NC1a: Hiểu được cách AI/công nghệ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Smart City).	
	Language	2 tiết		5.3NC1a: Sử dụng app luyện phát âm nói âm.	
	Reading	1 tiết		6.1NC1b: Hiểu vai trò của AI/IoT trong các thành phố thông minh qua bài đọc.	
	Speaking	1 tiết		2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.	
	Listening	1 tiết		4.2NC1a: Nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (rủi ro trong Smart City).	
25-26	REVIEW 1	Language	1 tiết	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss’ answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá).
		Skills	1 tiết		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
27	MID-TERM TEST		1 tiết	Testing the language and skills Ss have learnt in Units 1-3.	4.2NC1b: Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
28-30	UNIT 3: CITIES OF THE FUTURE	Writing	1 tiết	write an opinion essay about limiting teenagers' screen time.	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	- asking for and giving permission; - understand the generations gap in Asian American families.	6.2NC1a: Phát triển/đề xuất ý tưởng ứng dụng công nghệ thực tế.
		Looking back & Project	1 tiết	do a research by asking three people from different generations to complete the survey.	5.3NC1b: Sử dụng công cụ số sáng tạo Poster thành phố tương lai. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh.
31	Feedback and correction		1 tiết	Give feedbacks to help Ss improve their skills.	4.2NC1b: Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
32-40	UNIT 4: ASEAN AND VIET NAM	Getting started	1 tiết	identify and pronounce words with elision of vowels in isolation and in sentences.	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các quốc gia ASEAN.
		Language	2 tiết	understand and use words and phrases related to ASEAN; use gerunds as subjects and objects.	5.3NC1a: Tra cứu thông tin ngôn ngữ online.
		Reading	1 tiết	read for main ideas and specific information in news items about	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các bản tin online.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Speaking	1 tiết	ASEAN countries. • discuss the skills and experience needed for the ASEAN Youth Programme, and ask for and give opinions. • listen for main ideas and specific information in a conversation about an ASEAN school tour programme. • write a proposal for a welcome event. • give compliments and respond; understand when and how people celebrate the New Year in ASEAN. • do research about an ASEAN member and give a presentation about it.	2.3NC1a: Đề xuất được các dịch vụ số để tham gia vào xã hội (Chương trình thanh niên ASEAN).
		Listening	1 tiết		1.1NC1c: Truy cập dữ liệu về chương trình học bổng/du lịch.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa bản đề xuất (Proposal) trên máy tính.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.5NC1a: Nhận thức chuẩn mực hành vi văn hóa các nước (Netiquette).
		Looking back & Project	1 tiết		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin nghiên cứu. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
41-45	UNIT 5: GLOBAL WARMING	Getting started	1 tiết	• use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm. • understand and use words and phrases related to global warming; use present participle and past participle clauses correctly; • read for main ideas and specific information in an article about the UN Climate Change Conference.	4.4NC1a: Nhận thức được tác động của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường.
		Language	2 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ học ngữ điệu.
		Reading	1 tiết		1.2NC1b: Kiểm chứng thông tin khoa học về khí hậu trên mạng.
		Speaking	1 tiết		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin môi

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				• talk about human activities and global warming, and present ideas clearly in a discussion;	trường thông qua công nghệ số phù hợp.
46-47	REVIEW 2	Language	1 tiết	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
		Skills	1 tiết		1.3NC1a: Tổ chức dữ liệu kiến thức tổng hợp. 3.1NC1a: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung.
48-49	REVISION	Revision for end-of term test	2 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá và lên kế hoạch ôn tập số.
50	END-TERM TEST		1 tiết	This test is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units -1 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1a: Bảo vệ thông tin cá nhân trong kỳ thi.
51-54	UNIT 5:	Listening	1 tiết	• listen for main ideas and specific information in a talk about black carbon	1.1NC1a: Lọc dữ liệu nghe được.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
	GLOBAL WARMING	Writing	1 tiết	and global temperature. • write a leaflet to persuade people to reduce black carbon emissions.	3.1NC1a: Thiết kế tờ rơi (Leaflet) điện tử.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• give warnings and respond; understand the environmental impact of farming and how to reduce it.	5.2NC1b: Áp dụng giải pháp công nghệ trong nông nghiệp (Smart farming ideas).
		Looking back & Project	1 tiết	• carry out a survey to find out how local people try to limit global warming and present the survey results to the class.	1.3NC1b: Phân tích và trực quan hóa dữ liệu khảo sát (Biểu đồ số). 2.4NC1a: Hợp tác nhóm online.
55-62	UNIT 6: PRESERVING OUR HERITAGE	Getting started	1 tiết	• use falling and level-rising intonation in statements, commands, and lists.	1.1NC1a: Tìm kiếm thông tin, hình ảnh di sản văn hóa.
		Language	1 tiết	• understand and use words and phrases related to preserving heritage; use to-infinitive clauses to express purpose and modify nouns or noun phrases.	5.3NC1a: Sử dụng từ điển số/app học tập.
		Reading	1 tiết	• read for main ideas and specific information in an article about an ideas competition.	1.2NC1a: Đánh giá tính xác thực của thông tin cuộc thi online.
		Speaking	1 tiết	• discuss ways to preserve cultural heritage and keep a conversation going by showing interest and encouragement. • listen for main ideas and specific information in a tour guide's talk about Trang An Scenic Landscape Complex.	2.2NC1b: Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian chia sẻ di sản (Social media sharing).
		Listening	1 tiết		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ (Tour ảo/Virtual tour).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Writing	1 tiết	• write a leaflet to inform people about ways to preserve Trang An Scenic Landscape Complex;	3.1NC1a: Tạo nội dung số (tờ rơi/bài viết) quảng bá di sản.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• ask for and give directions; learn about initiatives to preserve heritage around the world.	2.1NC1a: Tương tác với các sáng kiến bảo tồn toàn cầu qua web.
		Looking back & Project	1 tiết	• propose ways to preserve a type of heritage, and give a group presentation about it.	3.3NC1a: Áp dụng quy định về bản quyền hình ảnh di sản. 5.3NC1b: Sáng tạo giải pháp bảo tồn bằng công nghệ.
63-71	UNIT 7: EDUCATION OPTIONS FOR SCHOOL-LEAVERS	Getting started	1 tiết	• use rising and falling intonation in Wh- and Yes/No questions.	1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin khóa học/trường học.
		Language	2 tiết	• understand and use words and phrases related to education after leaving school; use perfect gerunds and perfect participle clauses correctly.	5.3NC1a: Công cụ hỗ trợ ngữ pháp/từ vựng.
		Reading	1 tiết	• read for main ideas and specific information in an article about different study options after leaving school.	1.2NC1b: So sánh và đánh giá thông tin các lựa chọn học tập online.
		Speaking	1 tiết	• discuss the benefits of vocational training and academic study, and end a conversation or discussion.	2.1NC1b: Chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp để tư vấn/thảo luận.
		Listening	1 tiết	• listen for main ideas and specific information in a conversation about courses provided at a vocational school. • write a request letter to ask for	1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thêm thông tin khóa học.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
		Writing	1 tiết	information about vocational school courses.	2.5NC1b: Áp dụng chiến lược giao tiếp trong email trang trọng (hỏi thông tin).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• make an appointment; understand the UK education after secondary school.	1.2NC1a: Tìm hiểu hệ thống giáo dục quốc tế qua nguồn chính thống.
		Looking back & Project	1 tiết	• do research on an educational institution and present the information to the class.	1.3NC1b: Tổ chức thông tin nghiên cứu. 3.1NC1b: Thể hiện kết quả nghiên cứu qua Slide/Video.
72-75	UNIT 8: BECOMING INDEPENDENT	Getting started	1 tiết	• use fall-rise intonation in invitations, suggestions, and polite requests.	5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu cá nhân về kỹ năng sống (qua trắc nghiệm số/app).
		Language	2 tiết	• understand and use words and phrases related to teen independence; use cleft sentences with <i>It is/was ... that/who ...</i> correctly;	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để tự học.
		Reading	1 tiết	• read for main ideas and specific information in an article about how teens can become independent.	1.1NC1b: Tìm kiếm hướng dẫn kỹ năng sống online.
76-77	REVIEW 3	Language	1 tiết	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
		Skills	1 tiết		1.3NC1a: Tổ chức dữ liệu kiến

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	thức tổng hợp. 3.1NC1a: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung.
78	MID-TERM TEST		1 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1b: Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
79-83	UNIT 8: BECOMING INDEPENDENT	Speaking	1 tiết	give detailed instructions on learning basic life skills and use sequencing words and phrases when giving instructions.	3.4NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn (Tutorials/How-to videos).
		Listening	1 tiết	- listen for main ideas and specific information in a conversation about becoming independent learners. - write an article about the pros and cons of self-study. - express best wishes and respond; understand how American teenagers become independent. - create a detailed plan to develop a life skill and present it to the class.	5.2NC1c: Sử dụng các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (để tự học hiệu quả).
		Writing	1 tiết		3.2NC1a: Tổng hợp thông tin, viết bài về tự học (Self-study).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.5NC1c: Hiểu sự khác biệt văn hóa về sự tự lập.
		Looking back & Project			5.3NC1b: Tạo kế hoạch phát triển bản thân bằng công cụ số (Lịch/Planner app).
84	Feedback and correction		1 tiết	Give the feedbacks to help Ss	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				improve their skills.	triển bản thân từ kết quả thi.
85-93	UNIT 9: SOCIAL ISSUES	Getting started	1 tiết	• use rising and falling intonation in choice questions.	2.5NC1a: Nhận thức các chuẩn mực hành vi trên mạng (Cyberbullying awareness).
		Language	2 tiết	• understand and use words and phrases related to social issues; use linking words and phrases to connect ideas, clauses, or sentences.	5.3NC1a: Sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
		Reading	1 tiết	• read for main ideas and specific information in an article about peer pressure.	1.2NC1a: Đánh giá thông tin về áp lực đồng trang lứa trên MXH.
		Speaking	1 tiết	• talk about experiences of peer pressure and respond to peer pressure situations.	4.3NC1b: Áp dụng các cách thức khác nhau để bảo vệ bản thân (trước áp lực mạng).
		Listening	1 tiết	• listen for specific information in a conversation about types of bullying.	4.3NC1a: Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe tinh thần (Bắt nạt trực tuyến).
		Writing	1 tiết	• write a proposal for a school campaign against cyberbullying.	3.1NC1a: Soạn thảo đề xuất chiến dịch chống bắt nạt qua mạng.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• express disappointment and sympathy; • understand some of the social problems facing teens in the US today.	2.3NC1b: Sử dụng công nghệ số thích hợp để tham gia giải quyết vấn đề xã hội.
		Looking back & Project	1 tiết	• plan activities for a campaign to raise people's awareness about a social issue and give a group presentation about it.	2.2NC1c: Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian (tuyên truyền viên).

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
					2.4NC1a: Hợp tác số trong chiến dịch.
94-96	UNIT 10 THE ECOSYST EM	Getting started	1 tiết	• use rising and falling intonation in question tags.	4.4NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
		Language	1 tiết	• understand and use words and phrases related to ecosystems; understand and use compound nouns.	5.3NC1a: Tra cứu thuật ngữ sinh học online.
		Reading	1 tiết	• read for main ideas and specific information in an article about a national park.	1.1NC1b: Tìm kiếm dữ liệu về hệ sinh thái/vườn quốc gia.
97-98	REVIEW 4	Language	1 tiết	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực cuối kỳ.
		Skills	1 tiết		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu tổng hợp. 3.1NC1b: Thể hiện năng lực qua bài tập tổng hợp.
99	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa cách ôn tập cùng bạn bè qua mạng.
100	END-TERM TEST		1 tiết	The test is aimed at testing the language and skills Ss have learnt in Units 1-10. Introduce the review by asking Ss if they	4.2NC1b: Tuân thủ quy tắc bảo mật dữ liệu thi cử.

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và yêu cầu cần đạt
				remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	
101-105	UNIT 10 THE ECOSYSTEM	Speaking	1 tiết	talk about ways to protect local biodiversity and respond to situations that may harm the environment.	2.2NC1a: Chia sẻ ý tưởng bảo vệ môi trường qua công cụ số.
		Listening	1 tiết	listen for specific information in a talk about the human impact on ecosystems, and make predictions.	1.2NC1b: Đánh giá thông tin về tác động của con người.
		Writing		write an opinion essay about spending money on restoring local ecosystems.	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản nghị luận số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	express likes and dislikes; understand how ecosystems around the world are protected and restored.	6.1NC1a: Hiểu ứng dụng công nghệ trong bảo tồn hệ sinh thái.
		Looking back & Project	1 tiết	design a poster about a local ecosystem and how to restore/protect it, and present it to the class.	3.1NC1a: Thiết kế Poster điện tử. 3.3NC1a: Tuân thủ bản quyền hình ảnh thiên nhiên.

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60'	Tuần 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề 1,2,3 theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL
Cuối Học kỳ 1	60'	Tuần 17	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề học	Kiểm tra viết 60': TN và TL

			kỳ I theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	
Giữa Học kỳ 2	60'	Tuần 26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề 6,7 theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL
Cuối Học kỳ 2	60'	Tuần 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề học kỳ II theo ma trận được thống nhất, phê duyệt.	Kiểm tra viết 60': TN và TL

KHỐI 12

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 5; Số học sinh: 190; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02; Khá: 01.; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
2	Máy tính	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
3	Loa	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	
4	Audio CDs	03	GV sử dụng với các nội dung cần thiết.	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	LAB	01	Kỹ năng nghe	

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • gain an overview about the topic <i>Life stories we</i>	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, tư

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
1-9	UNIT1: LIFE STORIES WE ADMIRE	Language	2 tiết	<i>admire</i> ; Understand and use words and phrases related to the topic. - recognise and practise diphthongs /eɪ/ and /əʊ/; - use the past simple to talk about something that started and finished in the past, and present perfect to talk about something that started in the past, and is still happening now. - read for general ideas and for specific information in an article about Steve Job's life and achievements. - talking about the lives of a famous hero and heroes in Viet Nam. - listen for main ideas and specific information in a talk about Walt Disney.	liệu về nhân vật nổi tiếng). 5.3NC1a: Sử dụng các công cụ số (từ điển online, app phát âm) để tra cứu phiên âm và nghĩa từ vựng. 1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu bổ sung về tiểu sử nhân vật (Steve Jobs). 2.2NC1b: Hướng dẫn người khác đóng vai trò trung gian để chia sẻ câu chuyện về nhân vật lịch sử qua công cụ số. 1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của nguồn tin khi nghe về tiểu sử Walt Disney. 3.3NC1a: Áp dụng các quy định về bản quyền khi tổng hợp thông tin viết tiểu sử. 2.5NC1c: Áp dụng các khía cạnh đa dạng về
		Reading	1 tiết		
		Speaking	1 tiết		
		Listening	1 tiết		
		Writing	1 tiết		
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		
		Looking back	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		& Project		• write a biography about the life of Walt Disney. • expand vocabulary with the topic of the unit; gain knowledge about some famous queens of the world; review expressions for expressing pleasure and happiness and responding; review the vocabulary and grammar of Unit 1. • apply what they have learnt (vocabulary and grammar) into practice through a project.	văn hóa và thể hệ khác (khi tìm hiểu về các nữ hoàng thế giới). 3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra nội dung số (Thiết kế câu chuyện trực quan - Visual Story).
10-17	UNIT 2 MULTICULTURAL WORLD	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • gain an overview about the topic <i>A multicultural world</i>; understand and use words and phrases related to the topic;	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về sự đa dạng văn hóa. 5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp (mạo từ). 2.5NC1b: Nhận thức các chuẩn mực hành vi khi tiếp cận thông tin về toàn cầu hóa trên mạng. 2.4NC1a: Đề xuất công cụ số để hợp tác
		Language	1 tiết	understand and use words vocabulary to talk about international cultural festival.	
		Reading	1 tiết	• get to know the language aspects: the article; use the lexical items related to the topic <i>Cultural diversity</i>; recognise and practise diphthongs /ɔɪ/, /aɪ/, and /aʊ/; review and extend the use of articles.	
		Speaking	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Listening	1 tiết	• read for main ideas and for specific information about globalisation and cultural identity.	lên kế hoạch cho Ngày hội đa dạng văn hóa. 1.2NC1b: Đánh giá quan điểm/thái độ từ các nguồn dữ liệu nghe (về lễ hội Halloween). 3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số (bài luận) về tác động của lễ hội. 2.5NC1a: Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi tương tác đa văn hóa (Culture shock). 1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin văn hóa các nước. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình nhóm.
		Writing	1 tiết		
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• gain an overview about how to plan a culture day; memorise vocabulary to talk about plans for a culture day.	
		Looking back & Project	1 tiết	• gain an overview about Halloween and how it is celebrated in Vietnam; memorise vocabulary to talk about Halloween. • write an opinion essay about limiting teenagers' screen time. • understand the generation gap in Asian American families. • carry out a survey to find out generational differences in families and give a group presentation about them.	

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
18- 23	UNIT 3: GREEN LIVING	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the linking final consonant to initial vowels; understand and use words and phrases related to the topic. • use stative verbs in the continuous form and linking verbs. • read for main ideas and specific information in emails about going green with plastics. • discuss ways to reduce, reuse, and recycle paper and expressing opinions. • listen for main ideas, specific information and instructions in a conversation about creating a compost pile.	4.4NC1a: Nhận thức tác động của công nghệ số và sử dụng công nghệ số đối với môi trường (Green living). 5.3NC1a: Sử dụng ứng dụng học tập để luyện phát âm. 1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin về môi trường từ email/bài đọc. 2.1NC1a: Tương tác thông qua các công nghệ số để thảo luận giải pháp xanh. 1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu hướng dẫn (làm phân hữu cơ).
		Language	2 tiết		
		Reading	1 tiết		
		Speaking	1 tiết		
		Listening	1 tiết		
24- 26	REVIEW 1	Language	1 tiết	• Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Skills (1)	1 tiết	review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	nhật ở đâu (Tự đánh giá qua ôn tập). 1.3NC1b: Triển khai việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính/đám mây.
		Revision for the mid-term tests	1 tiết		
27	MID-TERM TEST		1 tiết	• Test the language and skills Ss have learnt in Units 1-3.	4.1NC1c: Bảo vệ thiết bị và nội dung số, hiểu rõ rủi ro trong môi trường thi cử số hóa (nếu thi máy).
28-30	UNIT 3 GREEN LIVING	Writing	1 tiết	• write an article about the advantages and disadvantages of living in a smart city.	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa báo cáo giải pháp trên phần mềm soạn thảo. 5.1NC1b: Xác định các vấn đề kỹ thuật/môi trường khi vận hành thiết bị số (liên hệ rác thải điện tử nếu có). 3.1NC1b: Thiết kế tờ rơi điện tử (Leaflet) để thể hiện ý tưởng sống xanh. 5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm truyền thông số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• expressing certainly and uncertainly.	
		Looking back & Project	1 tiết	• design a poster about the ideal city of the future.	
31	Feedback and correction		1	Give the feedbacks to help Ss improve their skills	5.4NC1c: Đề xuất cơ

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
					hội phát triển bản thân từ kết quả bài làm.
32- 40	UNIT 4 URBANISATION	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce elision of vowels. • understand and use words and phrases related to the topic. • use the present perfect with It/This/That ... the first/best ... correctly; present perfect and double comparatives. • read for main ideas and specific information in an article about the urbanization of Ha noi. • talk about the changes in a living area. • listen for main ideas and specific information in a radio talk about urbanization. • describe a line graph about trends in urbanisation.	1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu hình ảnh/bản đồ số về đô thị hóa. 5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để tra cứu ngữ pháp nâng cao. 1.2NC1b: So sánh thông tin đô thị hóa từ bài đọc với thực tế trên bản đồ số (Google Maps). 2.2NC1a: Chia sẻ thông tin thay đổi nơi sống qua hình ảnh/video số. 1.1NC1b: Lọc dữ liệu nghe được để nắm bắt xu hướng. 3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả biểu đồ
		Language	2 tiết		
		Reading	1 tiết		
		Speaking	1 tiết		
		Listening	1 tiết		
		Writing	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• make complaints and respond to them. • urbanisation in Malaysia and Australia.	(Excel/Word). 2.3NC1a: Tìm kiếm đề xuất các dịch vụ số công cộng tại các đô thị hiện đại. 1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin về một khu đô thị. 2.4NC1a: Hợp tác nhóm thiết kế bài trình chiếu.
		Looking back & Project	1 tiết		
41-45	UNIT 5 THE WORLD OF WORK	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce sentence stress and rhythm; understand and use words and phrases related to the topic. • use simple, compound and complex sentences correctly. • read for main ideas and specific information and inference in job and advertisements. • give opinions about different jobs.	1.1NC1a: Tìm kiếm thông tin việc làm trên các nền tảng số. 5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học từ vựng chuyên ngành. 1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các quảng cáo tuyển dụng trực tuyến. 2.1NC1b: Lựa chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp cho phỏng vấn/trao đổi công việc.
		Language	2 tiết		
		Reading	1 tiết		
		Speaking	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
46- 47	REVIEW 2	Language	1 tiết	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập (qua nhóm chat/drive). 1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu kỹ năng nghe/đọc đã học. 3.1NC1b: Thể hiện sự tiến bộ qua bài viết tổng hợp.
		Skills	1 tiết		
48- 49	REVISION	Revision for end-of term test	2 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực kiến thức chuẩn bị làm bài kiểm tra.
50	END-TERM TEST		1 tiết	This test is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units -1 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy chế làm bài kiểm tra.
51- 54		Listening	1tiết	listen for main ideas and specific information in a phone conversation about a job vacancy.	1.3NC1a: Lưu trữ thông tin tuyển dụng quan trọng. 3.1NC1a: Soạn thảo thư xin việc định dạng
		Writing	1tiết		
				write a job application letter.	

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
					chuẩn qua email/file mềm.
		Communication and Culture	1tiết	• expand vocabulary with the topic of the unit; gain knowledge about some unusual jobs; know how to express anxiety and respond to it.	2.6NC1a: Quản lý danh tính số chuyên nghiệp (liên hệ LinkedIn/Profile xin việc). 5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu cá nhân để tìm kiếm việc làm thêm phù hợp trên mạng.
		Looking back and Project	1tiết	• do research on suitable part-time jobs for students.	
HỌC KỲ II					
55-62	UNIT 6 ARTIFICIAL INTELLIGENCE	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce intonation in statements, commands, and lists; • understand and use words and phrases related to the topic; • use To-infinitive clause to express purpose. • read for specific information in a text about Teensgers’ ideas for preserving heritage.	6.1NC1a: Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Giáo dục, Robot). 5.3NC1a: Sử dụng công cụ số/AI hỗ trợ học tập (ChatGPT, Grammarly... làm ví dụ). 6.1NC1a: Phân tích vai trò của AI trong các ứng dụng giáo dục qua bài đọc.
		Language	1 tiết		
		Reading	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Speaking	1 tiết	• talk about preserving cultural heritage. • listen for specific information in a talk about a trip to Trang An scenic Landscape complex. • write a leaflet about ways to preserve Trang An scenic Landscape complex. • asking for and giving directions; learn about preserving heritage around the world. • work in group, choose a type of heritage that you are interested in and propose ways to preserve it.	6.1NC1b: So sánh các hệ thống AI khác nhau và cách chúng xử lý dữ liệu (khi thảo luận). 6.2NC1a: Hiểu rõ ứng dụng thực tế của AI (Robot gia đình). 3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ. 6.3NC1a: Đánh giá và lọc được thông tin về lịch sử phát triển Robot. 6.2NC1b: Đề xuất ý tưởng ứng dụng AI giải quyết vấn đề thực tế. 5.3NC1b: Sáng tạo thiết kế ứng dụng mới.
		Listening	1 tiết		
		Writing	1 tiết		
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		
		Looking back & Project	1 tiết		
		Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce intonation in Wh- and Yes/No questions • understand and use words and phrases related to the topic. • use perfect gerund and perfect participle clauses.	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin đại chúng. 5.3NC1a: Tra cứu thuật ngữ truyền thông. 1.2NC1b: Phân tích, so
		Language	2 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
63-71	UNIT 7 EDUCATION OPTIONS FOR SCHOOL- LEAVERS	Reading	1 tiết	• read for specific information in a text about Options for school-leavers; • talk about vocational training vs. academic study. • listen for specific information in a conversation about Vocational courses. • write a request letter about a course. • making an appointment; learn about UK education after secondary school. • do research on educational institutions for school-leavers;	sánh tin cậy giữa truyền thông số và truyền thống.
		Speaking	1 tiết		2.5NC1b: Áp dụng chiến lược giao tiếp/phản hồi thông tin trên mạng xã hội.
		Listening	1 tiết		1.2NC1a: Thực hiện đánh giá độ tin cậy, nhận biết tin giả (Fake news).
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả dữ liệu (biểu đồ tròn).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		2.3NC1b: Sử dụng công nghệ số thích hợp để tiếp cận thông tin toàn cầu.
		Looking back & Project	1 tiết		1.2NC1b: Tiến hành đánh giá, so sánh dữ liệu từ các loại hình truyền thông.
		Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce intonation in invitations, suggestions,	2.4NC1a: Hợp tác trình bày so sánh. 4.4NC1a: Nhận thức tác động của việc sử

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
72-75	UNIT 8 BECOMING INDEPENDENT			and polite requests; understand and use words and phrases related to the topic. • understand and use cleft sentences. • read for main ideas and specific information in a text about how to be independent.	dụng công nghệ số đối với tuyên truyền bảo vệ môi trường. 5.3NC1a: Sử dụng từ điển số chuyên ngành sinh học. 1.1NC1b: Tìm kiếm tin tức bảo tồn trên báo điện tử.
		Language	2 tiết		
		Reading	1 tiết		
76-77	REVIEW 3	Language	1 tiết	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện sau chuỗi bài về công nghệ và truyền thông. 1.3NC1b: Hệ thống hóa kiến thức ôn tập. 3.1NC1b: Thực hành viết/nói tổng hợp có hỗ trợ công nghệ.
		Skills	1 tiết		
78	MID-TERM TEST		1 tiết	• Testing the language and skills Ss have learnt in Units 1-3.	4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu và liên chính học thuật trong kiểm tra.
79-83	UNIT 8 BECOMING INDEPENDENT	Speaking	1 tiết	• talk about learning basic life skills. • listen to a conversation about becoming	2.3NC1a: Đề xuất các dịch vụ số/chiến dịch online để tham gia bảo tồn.
		Listening	1 tiết		

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
		Writing	1 tiết	independent learners.	1.3NC1a: Lưu trữ thông tin về các loài nguy cấp. 3.1NC1a: Soạn thảo báo cáo giải pháp trên máy tính. 1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu Sách Đỏ (IUCN) online 3.1NC1b: Thiết kế Poster điện tử về loài nguy cấp. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh động vật.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• write an article about pros and cons of self-study. • expressing best wishes and responding; learn about Teen independence in the US.	
		Looking back & Project	1 tiết	• work in groups, choose a life skill teenagers need to develop in order to become independent.	
84	Feedback and correction		1 tiết	• Give the feedbacks to help Ss improve their skills	4.2NC1b: Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
	UNIT 9 PROTECTION	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce intonation in choice questions; understand and use words and phrases related to	5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu bản thân và xác định giải pháp

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
85-92	THE ENVIRONMENT	Language	2 tiết	the topic. • use linking words and phrases.	công nghệ hỗ trợ chọn nghề. 5.3NC1a: Tra cứu thông tin hướng nghiệp online. 1.2NC1b: Đánh giá thông tin tư vấn nghề nghiệp trên mạng. 2.1NC1a: Tương tác thảo luận nghề nghiệp. 1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về nghề nghiệp cụ thể. 2.6NC1b: Tạo và quản lý danh tính số chuyên nghiệp thông qua viết CV. 1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm xu hướng nghề nghiệp tương lai. 2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu khảo sát tạo ra thông qua công cụ (Google Form) để báo
		Reading	1 tiết		
		Speaking	1 tiết	• read for main ideas and specific information in a text about peer pressure.	
		Listening	1 tiết	• talk about experiencing peer pressure;	
		Writing	1 tiết	• listen for specific information in a conversation about Types of bullying. • write a proposal against cyberbullying. • expressing disappointment and sympathy.	
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	• learn about Social problems facing teens in the US today.	
		Looking back & Project	1 tiết	• present a planning activities for one social issue.	

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
					cáo.
93-96	UNIT 10 THE ECOSYSTEM	Getting started	1 tiết	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce intonation in question tags; understand and use words and phrases related to the topic. • use compound nouns. • read for specific information in a article about U Minh Thuong.	5.2NC1c: Sử dụng cách thức khác nhau để điều chỉnh môi trường học tập số cá nhân (Lifelong learning). 5.3NC1a: Ứng dụng các nền tảng học tập trực tuyến (MOOCs, Coursera...).
		Language	1 tiết		
		Reading	1 tiết		1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài đọc.
97-98	REVIEW 4	Language	1 tiết	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tổng kết và đánh giá NLS cá nhân cuối cấp. 1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu ôn tập tổng hợp. 3.1NC1b: Hoàn thiện kỹ năng tạo lập văn bản số.
		Skills	1 tiết		
99	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết	Revision is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân/học tập suốt đời sau khi ra trường.
				The test is aimed at testing the language and skills	

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
100	END-TERM TEST		1 tiết	Ss have learnt in Units 1-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1b: Tuân thủ quy tắc bảo mật và liêm chính trong thi cử.
101	UNIT 10 THE ECOSYSTEM	Speaking	1 tiết	A unique national park; • talk about ways to protect local biodiversity.	2.2NC1b: Hướng dẫn người khác tìm kiếm tâm gương học tập trên mạng. 1.1NC1b: Lọc dữ liệu về thách thức học tập. 3.2NC1a: Sửa đổi, tinh chỉnh và tích hợp thông tin để viết bài báo online. 2.5NC1c: Áp dụng khía cạnh đa dạng thể hệ trong học tập số. 3.1NC1b: Tạo tờ rơi số (Leaflet) về thói quen học tập. 5.3NC1b: Sáng tạo nội dung khuyến khích học tập.
102		Listening	1 tiết	• listen for specific information in a talk about Human impact on ecosystems. • write an option essay about spending more money on restoring local ecosystems.	
103		Writing	1 tiết		
104		Communication and Culture	1 tiết	• expressing likes and dislikes; understand the protecting ecosystems- ideas from around the world.	
105		Looking back and Project	1 tiết	• design a poster to illustrate an ecosystem in your local area and suggest ideas to restore and/or protect it.	

D. MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**KHỐI LỚP 10****I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 02 ; **Số học sinh:** 181; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:** Không.

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học: ; Trên đại học: 01.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, máy tính, hình ảnh minh họa, biểu đồ trong các tiết học, điện thoại		Một số tiết dạy học	GV tự chuẩn bị để trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học có Ti vi	05	- Dạy các bài có sử dụng CNTT: trình chiếu hình ảnh và video, sử dụng phần mềm dạy học.	Bố trí ở các lớp học

II. Kế hoạch dạy học**1. Phân phối chương trình**

(Học kì 1: 18 tuần x 2 tiết/tuần; Học kì 2: 17 tuần x 2 tiết/ tuần)

HỌC KÌ I - PHẦN 1: GIÁO DỤC KINH TẾ (36 tiết)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
1	Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội	3 (1-3)	- Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. - Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 2: Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nội dung: + Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí,

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				tiêu cực. + Một số biểu hiện lãng phí trong các hoạt động sản xuất, tiêu dùng, phân phối sản phẩm hàng hóa - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm đóng góp cho tập thể, cộng đồng:</i> HS mô phỏng một hoạt động kinh tế nhỏ và xác định trách nhiệm, chuẩn mực đạo đức khi tham gia.
2	Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế	3 (4-6)	- Nêu được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Xác định được vai trò của bản thân và gia đình với tư cách là chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế. - Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3, 4:</i> - Vai trò của chủ thể trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của con người; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó. - Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				một chủ thể trong việc tôn trọng, thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó. - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Nhận biết được trách nhiệm của CD trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế. YCCĐ 4: Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. Nội dung: + Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. + Một số biểu hiện lãng phí trong các hoạt động sản xuất, tiêu dùng, phân phối sản phẩm hàng hóa - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> Phân tích vai trò công dân HS trong nền kinh tế số hoặc khởi nghiệp ở lứa tuổi HS. + <i>Giáo dục tinh thần tự trọng, tự giác, kỷ luật, tôn trọng pháp luật trong học tập và cuộc</i>

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				<i>sống.</i> Trách nhiệm của người tiêu dùng trong lựa chọn sản phẩm (VD: không mua hàng giả, hàng vi phạm đạo đức môi trường...); Vai trò của gia đình HS trong hoạt động kinh tế địa phương, thể hiện tinh thần công dân, đóng góp cho cộng đồng.
3	Bài 3: Thị trường	3 (7-9)	- Nêu được khái niệm thị trường. - Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Phê phán những hành vi không đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người. - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. Nội dung: + Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. + Phê phán hành vi vi phạm quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí. + Giáo dục chuẩn mực của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính. + Giáo dục tinh thần tích cực, chủ động rèn

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. - Tích hợp đạo đức, lối sống: + <i>Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn trong học tập và rèn luyện:</i> : HS nhận diện các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh (bán hàng kém chất lượng, thao túng giá...). + <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Tìm hiểu thị trường địa phương và phỏng vấn người tiêu dùng về hành vi mua - bán có trách nhiệm, HS thảo luận về tác động của hành vi thiếu đạo đức trong kinh doanh gây ảnh hưởng không tốt đến cộng đồng, người tiêu dùng và nền kinh tế.
4	Bài 4: Cơ chế thị trường	3 (10-12)	- Nêu được khái niệm cơ chế thị trường. - Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.	- Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. YCCĐ 4: Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. Nội dung: + Giáo dục ý thức trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. + Phê phán hành vi vi phạm quy định của pháp luật về PCTN, lãng phí.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				+ Giáo dục chuẩn mực của phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính. + Giáo dục tinh thần tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính.
5	Bài 5: Ngân sách nhà nước	3 (13-15)	- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước. - Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước.	- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Phân tích tình huống cá nhân hoặc doanh nghiệp trốn thuế và hệ quả, để đánh giá hành vi và rút ra bài học đạo đức, HS lập danh sách hành vi nên làm/không nên làm liên quan đến nghĩa vụ thuế từ góc độ đạo đức và pháp luật. - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách. YCCĐ 4: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước. - Tích hợp năng lực số: (Mức độ Nâng cao 1): - Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm trực tuyến để tự thu thập số liệu thu, chi ngân sách công khai từ các cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân địa phương (Mã chỉ báo: 1.1.NC1b). - Đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				của nguồn số liệu trực tuyến, rèn luyện kỹ năng phân biệt nguồn tin chính thống và tin sai lệch (Mã chỉ báo: 1.2.NC1a). - Sắp xếp, phân loại, lưu trữ các file số liệu ngân sách đã tải xuống một cách khoa học để phục vụ việc học nhóm (Mã chỉ báo: 1.3.NC1a). - Tích hợp khung năng lực AI: + Sử dụng chatbot AI(ChatGPT, Gemini, NotebookLM) hỗ trợ tóm tắt đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước qua việc thiết lập các câu lệnh prompt thích hợp (Mã NLS: 6.2.NC1b; Mã YCCĐ AI: 10.C2.3 - Dùng AI hỗ trợ học tập; 10.C3.2 - Đặt prompt hiệu quả). + Thực hiện đối chiếu, kiểm chứng thông tin do AI cung cấp với các văn bản pháp luật hiện hành và số liệu công khai của nhà nước để phát hiện sai sót, tránh lỗi 'ảo giác' của AI (Mã NLS: 6.3.NC1a - Đánh giá độ chính xác AI; Mã YCCĐ AI: 10.A1.2 + Vai trò con người kiểm soát AI).
6	Ôn tập giữa kì I	1 (16)		
7	Kiểm tra giữa kì I	1 (17)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt bài 1,2,3,4,5. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
			- Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
8	Bài 6: Thuế	3 (18-20)	- Nêu được khái niệm thuế. - Nêu được một số loại thuế phổ biến. - Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 4:</i> Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế. YCCĐ 4: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thuế. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> Phân tích tình huống cá nhân hoặc doanh nghiệp trốn thuế và hệ quả, để đánh giá hành vi và rút ra bài học đạo đức, HS lập danh sách hành vi nên làm/không nên làm liên quan đến nghĩa vụ thuế từ góc độ đạo đức và pháp luật.
9	Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	5 (21-25)	- Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh. - Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó. - Lựa chọn được mô hình sản xuất kinh	- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> Học sinh xây dựng “mô hình kinh doanh học sinh” và tự đánh giá mức độ thể

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
			doanh phù hợp với bản thân.	hiện lý tưởng, trách nhiệm, đạo đức; chia sẻ truyền cảm hứng: Mời doanh nhân trẻ hoặc cựu HS thành công chia sẻ con đường lập nghiệp gắn với lý tưởng cống hiến cho cộng đồng. - Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ:</i> Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. Nội dung: Nêu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực.
11	Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2 (26-27)	- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng. - Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.	
12	Bài 9: Dịch vụ tín dụng	4 (28-31)	- Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng. - Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức xây dựng môi trường văn hóa lành</i>

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				<i>mạnh</i>: Tổ chức phiên tòa giả định hoặc trò chơi tài chính với tình huống vỡ nợ vì tín dụng thiếu trách nhiệm, HS thảo luận nhóm: “Có nên vay tín dụng để tiêu dùng trước - trả sau?” - Tích hợp phòng chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ YCCĐ 2: Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm. Nội dung: + Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi lãng phí. + Nhận xét, đánh giá được một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. + Giáo dục ý thức xây dựng thói quen tiết kiệm, chống lãng phí.
13	Bài 10: Lập kế hoạch tài chính cá nhân	3 (32-34)	- Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân. - Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. - Kiểm soát được tài chính cá nhân.	- Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận + Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân. + Kiểm soát được tài chính cá nhân. Nội dung: + Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của một số hành vi lãng phí, tiêu cực. + Nhận xét, đánh giá được một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. + Giáo dục ý thức xây dựng thói quen tiết kiệm, chống lãng phí, chi tiêu có kế hoạch. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng</i>: HS theo dõi nhật kí chi tiêu cá

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				nhân trong một tuần, sau đó tự đánh giá và đề xuất điều chỉnh hành vi, so sánh 2 HS tiêu dùng có/ không có kế hoạch và đánh giá tác động đến học tập, cuộc sống.
14	Ôn tập cuối kì	1 (35)	- Hệ thống kiến thức cơ bản các bài 7,8,9,10,11,12 - Vận dụng kiến thức làm một số dạng bài tập	
15	Kiểm tra cuối kì	1 (36)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt các bài 7,8,9,10,11,12 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
HỌC KÌ II- PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (34 tiết)				
16	Bài 11: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật	2 (37-38)	- Nêu được: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Tự giác thực hiện quy định của pháp luật, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2: + Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương. + Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật trong việc về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; tôn

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác. - Tích hợp phòng chống tác hại của thuốc lá: + Các quy định nghiêm cấm mua bán và sử dụng thuốc lá trong trường học. + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường: HS phân tích hành vi vượt đèn đỏ, vi phạm bản quyền, bạo lực học đường..., xác định hậu quả và rút ra bài học đạo đức; Viết cam kết tuân thủ pháp luật trong học đường (nội quy, luật ATGT, quyền riêng tư...) kèm đánh giá hàng tuần.</i>
17	Bài 12: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	2 (39-40)	- Nêu được hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam. - Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	- Tích hợp khung năng lực số (Mức độ Nâng cao 1): + Sử dụng các công thông tin điện tử (như Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật) để tra cứu chính xác các văn bản luật, nghị định, thông tư (Mã chỉ báo: 1.1.NC1b; 2.3.NC1b - Sử dụng dịch vụ số công cộng). + Thực hiện trích dẫn chính xác nguồn văn bản quy phạm pháp luật dưới định dạng số và tuân thủ các quy tắc sở hữu trí tuệ trên mạng (Mã chỉ báo: 2.2.NC1b; 3.3.NC1a - Thực thi

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				bản quyền số). - Biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân khi tạo tài khoản trên các trang thông tin pháp luật trực tuyến (Mã chỉ báo: 4.2.NC1a). - Tích hợp khung năng lực AI: + Nhận biết được Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật liên quan là công cụ tối cao bảo vệ người dùng số (Mã YCCĐ AI: 10.A3.1 + Luật lệ bảo vệ người dùng trong không gian số; 10.B2.1 - Tránh vi phạm pháp luật khi sử dụng công nghệ). + Sử dụng chatbot AI hỗ trợ tra cứu cấu trúc hệ thống pháp luật và tự chịu trách nhiệm kiểm chứng thông tin từ AI (Mã chỉ báo NLS: 6.3.NC1a - Đánh giá độ tin cậy AI; Mã YCCĐ AI: 10.C3.2 - Thực hành đặt prompt).
18	Bài 13: Thực hiện pháp luật	3 (41-43)	- Nêu được khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2,3: + Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương. + Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật trong việc về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người;

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác. - Tích hợp phòng chống tác hại của thuốc lá: + Các quy định nghiêm cấm mua bán và sử dụng thuốc lá trong trường học. + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> HS phân tích hành vi vượt đèn đỏ, vi phạm bản quyền, bạo lực học đường..., xác định hậu quả và rút ra bài học đạo đức; Viết cam kết tuân thủ pháp luật trong học đường (nội quy, luật ATGT, quyền riêng tư...) kèm đánh giá hàng tuần. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận. YCCĐ 3: Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. Nội dung: + Nhận xét, đánh giá được một số hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực tiễn. + Nêu được trách nhiệm của công dân trong

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. Mức độ: Tích hợp bộ phận
19	Bài 14: Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam	2 (44 -45)	- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Phân tích tính đúng/sai trong tình huống vi phạm Hiến pháp về quyền học tập, tự do ngôn luận, bảo vệ môi trường và đề xuất cách ứng xử phù hợp; Viết về một hành động phù hợp thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp ở lứa tuổi HS. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận. YCCĐ 2: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				lứa tuổi. YCCĐ 3: Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
20	Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	3 (46-48)	- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về chính trị. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: + <i>Tích hợp toàn phần yêu cầu cần đạt:</i> Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền con người (thiết kế bài học về quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người). + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường: Phân tích tính đúng/sai trong tình huống vi phạm Hiến pháp về quyền học tập, tự do ngôn luận, bảo vệ môi trường và đề xuất cách ứng xử phù hợp; Viết về một hành động phù hợp thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp ở lứa tuổi HS. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận. YCCĐ 2: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. YCCĐ 3: Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
21	Ôn tập giữa kì II	1 (49)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 11 đến bài 15.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
			- Vận dụng làm một số dạng bài tập	
22	Kiểm tra giữa kì II	1 (50)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 11 đến bài 15. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
23	Bài 16: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	3 (51-53)	- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	- Tích hợp quyền con người: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Phân tích tính đúng/sai trong tình huống vi phạm Hiến pháp về quyền học tập, tự do ngôn luận, bảo vệ môi trường và đề xuất cách ứng xử phù hợp; Viết về một hành động phù hợp thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp ở lứa tuổi HS. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận. YCCĐ 2: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. YCCĐ 3: Phê phán hành vi vi phạm Hiến

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
24	Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường	4 (54-57)	- Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	- Tích hợp quyền con người: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người trong nội dung Hiến pháp quy định. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> Phân tích tính đúng/sai trong tình huống vi phạm Hiến pháp về quyền học tập, tự do ngôn luận, bảo vệ môi trường và đề xuất cách ứng xử phù hợp; Viết về một hành động phù hợp thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp ở lứa tuổi HS. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				hợp bộ phận. YCCĐ 2: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. YCCĐ 3: Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
25	Bài 18: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam	3 (58-60)	- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam. - Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước	- Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 4:</i> Quyền bình đẳng trước pháp luật; bình đẳng giới và quyền của dân tộc thiểu số (tỷ lệ nam nữ, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị); quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm quyền chính trị. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 3: Phê phán, đấu tranh với những hành

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
			Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. YCCĐ 4: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương, viết báo cáo và đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở; nhận diện các hành vi xuyên tạc trên mạng xã hội, phát ngôn lệch chuẩn về hệ thống chính trị sau đó phân tích hậu quả và đề xuất cách ứng xử phù hợp.
26	Bài 19: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước CHXHCN	4 (61-64)	- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi	- Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 3:</i> Quyền bình đẳng trước pháp luật; bình đẳng giới và quyền của dân tộc thiểu số (tỷ lệ nam nữ, tỷ lệ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
	Việt Nam		gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam. - Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị); quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm quyền chính trị. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương, viết báo cáo và đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở; nhận diện các hành vi xuyên tạc trên mạng xã hội, phát ngôn lệch chuẩn về hệ thống chính trị sau đó phân tích hậu quả và đề xuất cách ứng xử phù hợp. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 2: Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. YCCĐ 3: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
27	Bài 20: Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	2 (65-66)	- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam. - Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	- Tích hợp quyền con người: - <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 3:</i> Quyền bình đẳng trước pháp luật; bình đẳng giới và quyền của dân tộc thiểu số (tỷ lệ nam nữ, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị); quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm quyền chính trị. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương, viết báo cáo và đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở; nhận diện các hành vi xuyên tạc trên mạng xã hội, phát ngôn lệch chuẩn về hệ thống chính trị sau đó phân tích hậu quả và đề xuất cách ứng xử phù hợp. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 2: Phê phán, đấu tranh với những hành

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. YCCĐ 3: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
28	Bài 21: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	2 (67 -68)	- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam. - Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu hoạt động của chính quyền cơ sở tại địa phương, viết báo cáo và đề xuất ý tưởng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở; nhận diện các hành vi xuyên tạc trên mạng xã hội, phát ngôn lệch chuẩn về hệ thống chính trị sau đó phân tích hậu quả và đề xuất cách ứng xử phù hợp. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ 2: Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...)
				nước ta. YCCĐ 3: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. Nội dung: + Trình bày được một số tấm gương tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. + Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, gương mẫu thực hiện trách nhiệm công dân.
29	Ôn tập cuối kì II	1 (69)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 11 đến bài 21. - Vận dụng làm một số dạng bài tập	
30	Kiểm tra cuối kì II	1 (70)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 11 đến bài 21. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	

2. Chuyên đề lựa chọn: không.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ I	45 phút	Tuần 9	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 08 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần 18	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 17 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Giữa Học kỳ II	45 phút	Tuần 25	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 24 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ II	45 phút	Tuần 35	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 34 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận

2. Chuyên đề lựa chọn: không.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ I	45 phút	Tuần 9	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 08 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần 18	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 17 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận

Giữa Học kỳ II	45 phút	Tuần 27	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 26 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ II	45 phút	Tuần 35	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 34 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận

KHỐI LỚP 11

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03; **Số học sinh:** 203; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:** Không.

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng:00; Đại học: 00; Trên đại học: 01.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, máy tính, hình ảnh minh họa, biểu đồ trong các tiết học, điện thoại		Một số tiết dạy học	GV tự chuẩn bị để trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Số phòng học cơ bản	14	Học chính khóa, ôn thi tốt nghiệp...	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

(Học kì 1: 18 tuần x 2 tiết/tuần; Học kì 2: 17 tuần x 2 tiết/ tuần)

HỌC KÌ I - PHẦN 1: GIÁO DỤC KINH TẾ (36 tiết)

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
1	Bài 1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	3 (1-3)	- Nêu được khái niệm cạnh tranh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.	- Tích hợp quyền con người: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong việc thực hiện quyền quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Các yếu tố làm gia tăng sử dụng thuốc lá mới trong thanh thiếu niên + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá. - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục chuẩn mực đạo đức:</i> HS vào vai người bán/người mua trong phiên chợ giả định để hiểu rõ mối quan hệ cung – cầu và ứng xử đúng trong cạnh tranh. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh
2	Bài 2. Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	3 (4-6)	- Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Nêu được khái niệm cầu và các	- Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục chuẩn mực đạo đức:</i> HS vào vai người bán/người mua trong phiên chợ giả định để hiểu rõ mối quan hệ

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			nhân tố ảnh hưởng đến cầu. - Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế. - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	cung – cầu và ứng xử đúng trong cạnh tranh; Thảo luận nhóm về vai trò của đạo đức và pháp luật trong điều tiết cạnh tranh, HS khảo sát thực tế hoặc phỏng vấn tiểu thương/kinh doanh nhỏ về cách cung - cầu tác động đến giá cả, sản phẩm, đạo đức nghề nghiệp. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Các yếu tố làm gia tăng sử dụng thuốc lá mới trong thanh thiếu niên + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá.
3	Bài 3. Lạm phát	3 (7- 9)	- Nêu được khái niệm lạm phát. - Liệt kê được các loại hình lạm phát. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát. - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 5, 6:</i> Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp từ đó học sinh nêu được biểu hiện của một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, xã hội. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS trải nghiệm mô phỏng vai trò

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
				điều tiết của Nhà nước (người dân - doanh nghiệp - Nhà nước).
4	Bài 4. Thất nghiệp	3 (10-12)	- Nêu được khái niệm thất nghiệp. - Liệt kê được các loại hình thất nghiệp. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 5, 6:</i> Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS trải nghiệm mô phỏng vai trò điều tiết của Nhà nước (người dân - doanh nghiệp - Nhà nước).
5	Bài 5. Thị trường lao động và việc làm	4 (13-16)	- Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. - Xác định được trách nhiệm hoàn	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4</i> trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Xác định được

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.	trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS xây dựng kế hoạch phát triển bản thân theo ngành nghề mong muốn; xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động; Trò chuyện với người lao động/đơn vị tuyển dụng để hiểu yêu cầu thực tế.
6	Ôn tập giữa kỳ I	1 (17)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 5. - Vận dụng làm một số dạng bài tập	
7	Kiểm tra giữa kỳ I	1 (18)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 5. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra. - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
8	Bài 6. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	6 (19-24)	- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Nhận biết được tại sao cần có ý	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4:</i> Chỉ ra năng lực cần thiết của người kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.	nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: HS thảo luận về phẩm chất, kỹ năng cần có của người kinh doanh thành công và có đạo đức; đóng vai nhà đầu tư - người trình bày ý tưởng - cố vấn, từ đó rèn luyện kỹ năng mềm và nhận thức đúng về đạo đức trong kinh doanh. - Tích hợp Năng lực số: + Nội dung: 3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau. + Cách thức: Sử dụng công cụ số (PowerPoint, Canva, Video) để thiết kế và biên tập bản thuyết trình báo cáo ý tưởng kinh doanh trước lớp. - Tích hợp giáo dục AI: + Nội dung: Thành phần NLd - "Ý tưởng hệ thống AI" và "Thiết kế hệ thống AI". + Cách thức: Đề xuất một ý tưởng khởi nghiệp có tích hợp AI (ví dụ: dùng AI phân tích sở thích khách hàng để kinh

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
				doanh online), qua đó bước đầu nắm được quy trình thiết kế công cụ AI cơ bản.
9	Bài 7. Đạo đức kinh doanh	4 (25-28)	- Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh. - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 2, 3, 4, 5:</i> Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Các yếu tố làm gia tăng sử dụng thuốc lá mới trong thanh thiếu niên. + Các quy định nghiêm cấm mua bán và sử dụng thuốc lá trong trường học. + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ vào tất cả các yêu cầu cần đạt của bài. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: HS thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như gian lận, trốn thuế, quảng cáo sai sự thật, ranh giới giữa kinh doanh vì lợi nhuận và đạo đức, đóng vai người

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
				tiêu dùng - người kinh doanh - cơ quan quản lý để xử lý tình huống đạo đức.
10	Bài 8. Văn hoá tiêu dùng	6 (29-34)	- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hóa. - Phê phán những biểu hiện không có văn hóa trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hóa.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: 4, 5:</i> Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Tác hại của thuốc lá tới sức khỏe. + Tác hại của thuốc lá tới kinh tế và môi trường. + Gánh nặng bệnh tật của việc sử dụng thuốc lá. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt của bài: Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hóa. Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> HS thực hiện dự án truyền thông “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”, thảo luận nhóm về các biểu hiện tiêu dùng không có văn hóa và đề xuất biện pháp cải thiện, đặt câu hỏi gợi mở về vai trò văn hóa trong tiêu dùng.

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
11	Ôn tập cuối kỳ I	1 (35)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 8. - Vận dụng làm một số dạng bài tập	
12	Kiểm tra cuối kỳ I	1 (36)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 8. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra. - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
13	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3 (37-39)	- Nêu được các quy định cơ bản pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí). - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.	- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS nhập vai người bị vi phạm quyền bình đẳng và người bảo vệ quyền đó để hiểu sâu sắc hậu quả và giá trị của pháp luật bình đẳng; thảo luận nhóm về cách ứng xử công bằng, tôn trọng trong đời sống học đường và gia đình, thực hiện dự án Khảo sát, ghi nhận ý kiến từ cộng đồng về bất bình đẳng và đề xuất giải pháp.
14	Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực	4 (40-43)	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc yêu cầu cần đạt:</i> Bình đẳng giới trong các lĩnh vực. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần</i>

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.	<i>đạt 3:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực. + Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 4: Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các giới trong các lĩnh vực. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS nhập vai người bị vi phạm quyền bình đẳng và người bảo vệ quyền đó để hiểu sâu sắc hậu quả và giá trị của pháp luật bình đẳng; thảo luận nhóm về cách ứng xử công bằng, tôn trọng trong đời sống học đường và gia đình, thực hiện dự án Khảo sát, ghi nhận ý kiến từ cộng đồng về bất bình đẳng và đề xuất giải pháp.
15	Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc	2 (44-45)	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc yêu cầu cần đạt:</i> Quyền bình đẳng giữa các dân tộc. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc. + Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 4: Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện Quyền bình đẳng giữa các dân tộc. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo</i>

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			- Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.	<i>dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS nhập vai người bị vi phạm quyền bình đẳng và người bảo vệ quyền đó để hiểu sâu sắc hậu quả và giá trị của pháp luật bình đẳng; thảo luận nhóm về cách ứng xử công bằng, tôn trọng trong đời sống học đường và gia đình, thực hiện dự án Khảo sát, ghi nhận ý kiến từ cộng đồng về bất bình đẳng và đề xuất giải pháp. - Tích hợp Năng lực số: + Nội dung: 2.5.NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác nhau để xem xét trong môi trường số. + Cách thức: Tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số khi tham gia không gian mạng. - Tích hợp giáo dục AI: + Nội dung: Thành phần NLb - "Đạo đức AI (Nhận diện rủi ro, thiên vị dữ liệu)". + Cách thức: Trực tiếp tích hợp theo hướng dẫn tại Phụ lục 1: Phân tích tình huống AI có thể mang các "định kiến" (phân biệt ngôn ngữ địa phương của dân tộc thiểu số do nguồn dữ liệu huấn luyện lệch lạc).
16	Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các	2 (46-47)	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc yêu cầu cần đạt:</i> Quyền bình đẳng

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
	tôn giáo		các tôn giáo. - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội. - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn. - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.	giữa các tôn giáo. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 4:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tinh thần trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng:</i> HS nhập vai người bị vi phạm quyền bình đẳng và người bảo vệ quyền đó để hiểu sâu sắc hậu quả và giá trị của pháp luật bình đẳng; thảo luận nhóm về cách ứng xử công bằng, tôn trọng trong đời sống học đường và gia đình, thực hiện dự án Khảo sát, ghi nhận ý kiến từ cộng đồng về bất bình đẳng và đề xuất giải pháp. - Tích hợp Năng lực số: + Nội dung: 2.5.NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác nhau để xem xét trong môi trường số. + Cách thức: Điều chỉnh chiến lược giao tiếp, có thái độ tôn trọng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng trên không gian mạng; phê phán hành vi kỳ thị, chia rẽ đoàn kết tôn giáo dân tộc trên

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
				không gian mạng.
17	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội	2 (48-49)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận: yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; ; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS viết bài tuyên truyền về quyền dân chủ (tờ rơi, poster, video...), thảo luận nhóm để phân biệt hành vi dân chủ đúng đắn với dân chủ hình thức, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.
18	Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử	2 (50-51)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền quyền dân chủ của công dân.	- Tích hợp quyền con người: + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.	của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS vào vai công dân thực hiện quyền bầu cử, ứng cử để hiểu cách thực hiện dân chủ đúng luật, xây dựng dự án Tìm hiểu quy trình bầu cử ở địa phương, viết bài tuyên truyền về quyền dân chủ (tờ rơi, poster, video...), thảo luận nhóm để phân biệt hành vi dân chủ đúng đắn với dân chủ hình thức, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.
19	Ôn tập giữa kỳ II	1 (52)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 9 đến bài 14. - Vận dụng làm một số dạng bài tập	
20	Kiểm tra giữa kì II	1 (53)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 9 đến bài 14. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
21	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo	2 (54-55)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền khiếu nại, quyền tố cáo. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần</i>

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			pháp luật về quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.	<i>đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS vào vai công dân thực hiện quyền khiếu nại để hiểu cách thực hiện dân chủ đúng luật, viết bài tuyên truyền về quyền dân chủ (tờ rơi, poster, video...), thảo luận nhóm để phân biệt hành vi dân chủ đúng đắn với dân chủ hình thức, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.
22	Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc	2 (56-57)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền quyền dân chủ của công dân. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền dân chủ của công dân. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.	- Tích hợp quyền con người: + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:</i> Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ. + <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS viết bài tuyên truyền về quyền dân chủ (tờ rơi, poster, video...).
23	Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về	3 (58-60)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4:</i>

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
	thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân		phạm về thân thể; quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	+ Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. + Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền dân sự. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng - sai trong các tình huống: xúc phạm danh dự người khác trên mạng xã hội,...; đóng vai: Xử lý tình huống có xâm phạm quyền tự do của công dân; đóng vai: Xử lý tình huống có xâm phạm quyền tự do của công dân (VD: HS bị quay lén – phản ứng thế nào? Người chứng kiến phải làm gì?);
24	Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	2 (61-62)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4:</i> + Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. + Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	quyền dân sự. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng – sai trong các tình huống; thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa tự do và tùy tiện; giữa quyền và nghĩa vụ.
25	Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân	2 (63-64)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4:</i> + Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. + Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền dân sự. - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng – sai trong các tình huống: đọc trộm tin nhắn,...
26	Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn	2 (65-66)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4:</i> + Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
	luận, báo chí và tiếp cận thông tin		chí và tiếp cận thông tin. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân. - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. hững hành vi cụ thể.	và lợi ích hợp pháp của cá nhân. + Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền dân sự - Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng – sai trong các tình huống; thiết kế tranh cổ động, tờ rơi, video ngắn lan tỏa thông điệp: “Tự do - Có trách nhiệm”. - Tích hợp phòng chống tác hại của thuốc lá: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin
27	Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	2 (67-68)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo. - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân. - Hiểu được trách nhiệm của HS trong thực hiện các quyền tự do của công dân.	- Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục ý thức tôn trọng cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi, cư xử đúng mực với bạn bè:</i> HS xác định đúng – sai trong các tình huống: cản trở tự do tín ngưỡng...; thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa quyền và nghĩa vụ; thiết kế tranh cổ động, tờ rơi, video ngắn lan tỏa thông điệp: “Tự do - Có trách nhiệm”.

STT	Bài học	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM; dạy học trực tuyến...)
			- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	
28	Ôn tập cuối kỳ II	1 (69)	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 9 đến bài 21. - Vận dụng làm một số dạng bài tập	
29	Kiểm tra cuối kỳ II	1 (70)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 9 đến bài 21. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	

2. Chuyên đề lựa chọn: không.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ I	45 phút	Tuần 9	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 08 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần 18	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 17 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Giữa Học kỳ II	45 phút	Tuần 27	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 26	Kiểm tra tại lớp,

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
			để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ II	45 phút	Tuần 35	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 34 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận

KHỐI LỚP 12

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03 ; **Số học sinh:**190; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:** Không.

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học: ; Trên đại học: 01.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Tivi, máy tính, hình ảnh minh họa, biểu đồ trong các tiết học, điện thoại		Một số tiết dạy học	GV tự chuẩn bị để trình chiếu

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học có Ti vi	05	- Dạy các bài có sử dụng CNTT: trình chiếu hình ảnh và video, sử dụng phần mềm dạy học.	Bố trí ở các lớp học

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

(Học kì 1: 18 tuần x 2 tiết/tuần; Học kì 2: 17 tuần x 2 tiết/ tuần)

HỌC KÌ I - PHẦN 1: GIÁO DỤC KINH TẾ (36 tiết)

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
1	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế	5 (1-5)	- Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế. - Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế. - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4) - Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 6:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Tác hại của thuốc lá tới sức khỏe. + Tác hại của thuốc lá tới kinh tế và môi trường. + Gánh nặng bệnh tật của việc sử dụng thuốc lá. - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS tìm hiểu một mô hình kinh tế xanh, phát triển bền vững tại địa phương hoặc Việt Nam; thảo luận nhóm về “tăng trưởng nhanh” và “phát triển bền vững”, rèn kỹ năng tư duy phản biện và lựa chọn giá trị đúng đắn, đưa ra các hành vi gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế như phá rừng, xả thải, trốn thuế... để học sinh phân tích, đánh giá. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ/bộ phận. YCCĐ 4: Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững. YCCĐ 5: Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. YCCĐ 6: Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				Nội dung: + Giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện và vận động người thân thực hiện một số việc làm góp phần PCTN, lãng phí, tiêu cực. + Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính.
2	Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	5 (6-10)	- Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia. - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 5:</i> Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp liên hệ YCCĐ 4. Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế. YCCĐ 5. Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nội dung: + Giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện và vận động người thân thực hiện một số việc làm góp phần PCTN, lãng phí, tiêu cực. + Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức và lối sống liêm chính. - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường:</i> HS liên hệ về một số tổ chức kinh

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				tế quốc tế (WTO, ASEAN, CPTPP...), và trách nhiệm của thế hệ trẻ; phân tích trường hợp: vi phạm chính sách hội nhập hoặc có thái độ kỳ thị, bảo thủ trong môi trường hội nhập; đóng vai: công dân Việt Nam tham gia hội nhập - từ học tập ngoại ngữ đến ứng xử trong môi trường đa văn hóa.
3	Bài 3: Bảo hiểm	3 (11-13)	- Nêu được khái niệm bảo hiểm và vai trò của bảo hiểm - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm. -Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	- Tích hợp quyền con người: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt 1,2,4: + Nội dung cơ bản quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn... + Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.
4	Bài 4: An sinh xã hội	3 (14-16)	- Nêu được khái niệm an sinh xã hội và vai trò của an sinh xã hội. - Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội. - Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. - Thực hiện được trách nhiệm công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt 1,2,4: + Nội dung cơ bản quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn... + Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập. - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				chính sách an sinh xã hội của nhà nước. Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên.
5	Ôn tập giữa kỳ I	1 (17)	- Hệ thống kiến thức cơ bản các bài 1,2,3,4. - Vận dụng làm một số dạng bài tập.	
6	Kiểm tra giữa kỳ I	1 (18)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3,4. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra. - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra.	
7	Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh	5 (19-23)	- Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh. - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh. - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh. - Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành.	- Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận YCCĐ: Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành. Nội dung: +Trình bày được ý nghĩa của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm chính trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh. + Tích cực, chủ động rèn luyện giá trị đạo đức cần, kiệm, liêm chính. - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>Giáo dục niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS xây dựng kế hoạch kinh doanh nhỏ mang tính nhân văn, thân thiện với cộng đồng, xử lý tình huống: “Nếu sản phẩm có lỗi nhưng gây hại môi trường, em có

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				làm không? Vì sao?"; hoạt động mô phỏng: Thiết kế một sản phẩm hoặc mô hình dịch vụ có ý nghĩa vì cộng đồng, thể hiện lý tưởng sống đẹp; viết nhật ký "Tôi muốn trở thành người kinh doanh có đạo đức như thế nào?". - Tích hợp khung năng lực số: (Mức độ Nâng cao 1): + Đánh giá nhu cầu và áp dụng công cụ bảng tính (Excel/Google Sheets) để thiết kế bảng dự toán tài chính, tính toán chi phí, doanh thu dự kiến cho kế hoạch kinh doanh (Mã chỉ báo: 5.2.NC1b - Áp dụng công cụ số; 5.3.NC1a - Sử dụng sáng tạo công nghệ số để đổi mới sản phẩm). + Thiết lập các biện pháp an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu kinh doanh của cá nhân và nhóm tránh các rủi ro lừa đảo trên không gian mạng (Mã chỉ báo: 4.1.NC1a). - Tích hợp khung năng lực AI: + Áp dụng các nguyên tắc đạo đức AI (đảm bảo an toàn thông tin khách hàng, tránh thiên vị thuật toán tiếp thị, công khai minh bạch thông tin) khi thiết kế dự án kinh doanh có sử dụng công nghệ AI (Mã chỉ báo NLS: 6.2.NC1c - Giảm rủi ro đạo đức AI; Mã YCCĐ AI: 12.A2.1 - Nguyên tắc đạo đức khi thiết kế AI; 12.A1.1 - Quyền kiểm soát của con người trong vòng đời AI). + Lựa chọn và đánh giá hiệu quả hoạt động của một

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				số công cụ AI hỗ trợ bán hàng, soạn kịch bản quảng cáo và tự động hóa hoạt động tiếp thị trực tuyến (Mã chỉ báo NLS: 6.3.NC1b - Nhận xét hiệu quả hệ thống AI; Mã YCCĐ AI: 12.C2.1 - Lựa chọn ý tưởng thiết kế công cụ AI hỗ trợ công việc).
8	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	5 (24-28)	- Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt</i> liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Tác hại của thuốc lá tới sức khỏe. + Tác hại của thuốc lá tới kinh tế và môi trường. + Các quy định nghiêm cấm mua bán và sử dụng thuốc lá trong trường học. + Các quy định về xử phạt vi phạm quảng cáo, buôn bán và hút thuốc lá. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận: YCCĐ 3: Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. YCCĐ 4: Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp. YCCĐ 5: Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. Nội dung: + Nếu được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước PCTN, lãng phí, tiêu cực + Giáo dục tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi người lao động.

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4) - Tích hợp đạo đức, lối sống: Giáo dục tính kỷ luật, kỷ cương, ý thức tuân thủ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của nhà trường: HS nhận diện các biểu hiện thiếu trách nhiệm như gây ô nhiễm, bóc lột lao động, trốn thuế... để thảo luận và đề xuất giải pháp; đóng vai HS nhập vai giám đốc doanh nghiệp đối diện với các quyết định liên quan đến trách 28 nhiệm xã hội; thảo luận nhóm về lợi nhuận doanh nghiệp và đạo đức xã hội, thực hiện dự án tìm hiểu các doanh nghiệp Việt Nam có trách nhiệm xã hội nổi bật và báo cáo kết quả bằng poster, infographic hoặc video.
9	Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình	6 (29-34)	- Nêu được thể nào là quản lý thu, chi trong gia đình. - Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình. - Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình. - Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình.	- Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận: YCCĐ 4. Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. YCCĐ 3. Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính. Nội dung: + Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh chân chính) + Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tiết kiệm, cần kiệm trong gia đình Việt Nam. -Tích hợp đạo đức, lối sống: Giáo dục tinh thần

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				<i>trách nhiệm với gia đình, tập thể, cộng đồng: Xử lý tình huống: “Nếu em muốn mua một món đồ xa xỉ, bố mẹ không đồng ý”, HS lập kế hoạch thu - chi gia đình tháng tới (giả định), đảm bảo cân đối và văn minh tài chính; tranh biện: “Chỉ tiêu để thoả mãn cá nhân có đáng bị phê phán không?”, HS ghi chép nhật ký tài chính cá nhân, phân tích, và rút ra bài học về kỷ luật tài chính.</i>
10	Ôn tập cuối kỳ I	1 (35)	- Hệ thống kiến thức cơ bản các bài 1,2,3,4,5,6,7 - Vận dụng kiến thức làm một số dạng bài tập	
11	Kiểm tra cuối kỳ I	1 (36)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3,4,5,6,7 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra	
HỌC KÌ II- PHẦN 2: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (34 tiết)				
12	Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế	3 (37-39)	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
			phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.	thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận: YCCĐ 2. Tự giác thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. YCCĐ 3. Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm, nhận biết được hậu quả, tác hại. Nội dung: + Giáo dục ý thức tự trọng, tự giác, kỷ luật và tôn trọng pháp luật trong kinh doanh, tài chính và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích hợp đạo đức, lối sống: <i>GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN:</i> HS xử lý tình huống vi phạm: gian lận thương mại; tham gia trò chơi phân biệt hành vi đúng luật và hành vi sai trái về nghĩa vụ thuế, quyền kinh doanh,...
13	Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác	4 (40-43)	- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế;	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
			nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.	về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tham nhũng: Tích hợp bộ phận: YCCĐ 2. Tự giác thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. YCCĐ 3. Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm, nhận biết được hậu quả, tác hại. Nội dung: + Giáo dục ý thức tự trọng, tự giác, kỷ luật và tôn trọng pháp luật trong kinh doanh, tài chính và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về PCTN, lãng phí, tiêu cực. - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: GD niềm tin, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN: HS xử lý tình huống vi phạm: xâm phạm tài sản; tham gia trò chơi phân biệt hành vi đúng luật và hành vi sai trái về sở hữu,...
14	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình	3 (44-46)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình; - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
			quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.	thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: GD ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: HS phân tích các tình huống vi phạm chuẩn mực văn hóa - xã hội và đề xuất cách xử lý. Tranh biện: “Trân trọng truyền thống có mâu thuẫn với sống hiện đại không?”.
15	Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập	2 (47-48)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập; - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em. - Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3: + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: GD ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: HS phân tích các tình huống vi

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				phạm chuẩn mực văn hóa - xã hội và đề xuất cách xử lý.
16	Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội	3 (49-51)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an sinh xã hội; - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> HS phân tích các tình huống vi phạm chuẩn mực văn hóa - xã hội và đề xuất cách xử lý. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Tác hại của thuốc lá tới sức khỏe. + Các bệnh do hút thuốc lá + Tác hại của các sản phẩm thuốc lá mới.
17	Ôn tập giữa kỳ II	1 (52)	- Hệ thống kiến thức cơ bản các bài 8,9,10,11,12.	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
			- Vận dụng làm một số dạng bài tập.	
18	Kiểm tra giữa kỳ II	1 (53)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt các bài 8,9,10,11,12. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra. - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra.	
19	Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên	3 (54-56)	- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hoá, xã hội bằng những hành vi phù hợp. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hoá, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, xã hội.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:</i> Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em. <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:</i> + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. - Tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: + Tác hại của thuốc lá tới kinh tế và môi trường - Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống: <i>GD ý thức giữ gìn, phát huy, trân trọng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:</i> HS phân tích các tình huống vi phạm chuẩn mực văn hóa - xã hội và đề xuất cách

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				xử lý; Dự án: “Hành động vì môi trường, vì di sản”, HS xây dựng poster, video, hoặc kế hoạch hành động bảo vệ di sản, môi trường xung quanh trường, địa phương. - Tích hợp khung năng lực số (Mức độ Nâng cao 1): + Trình bày và phân tích được các tác động khác nhau của công nghệ số (như tiêu thụ năng lượng của trung tâm dữ liệu, rác thải điện tử) đối với môi trường toàn cầu (Mã chỉ báo: 4.4.NC1a - Bảo vệ môi trường khỏi tác động của công nghệ số). + Sử dụng sáng tạo các phương tiện số (thiết kế poster số, dựng video truyền thông ngắn) để tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia bảo vệ di sản văn hóa địa phương và tài nguyên thiên nhiên (Mã chỉ báo: 3.1.NC1a; 5.3.NC1a - Sử dụng sáng tạo công nghệ số để giải quyết vấn đề khái niệm xã hội). - Tích hợp khung năng lực AI: + Phân tích được tác động hai mặt của AI đối với môi trường: sự đánh đổi giữa hiệu năng tính toán không lồ tiêu thụ năng lượng và vai trò của AI trong việc tối ưu hóa quản lý tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm (Mã chỉ báo NLS: 6.1.NC1a - Phân tích cách AI hoạt động; Mã YCCĐ AI: 12.A3.1 - Trách nhiệm công dân trong bảo vệ môi trường và xây dựng môi trường số nhân văn). + Thảo luận về việc ứng dụng AI một cách có trách nhiệm phục vụ cộng đồng, ví dụ: AI số hóa di sản văn hóa vật thể, mô hình AI giám sát cháy rừng

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
				hoặc tự động phân loại rác thải thông minh (Mã chỉ báo NLS: 6.2.NC1a - Phát triển ứng dụng AI tùy chỉnh giải quyết bài toán xã hội; Mã YCCĐ AI: 12.D2.1 - Vai trò con người hợp tác trong sản phẩm AI; 12.B3.1 - Trách nhiệm trong hệ sinh thái AI).
20	Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế	2 (57-58)	- Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản.	- Tích hợp quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2 về:</i> Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật (thể hiện sự bình đẳng giữa các quốc gia).
21	Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia	6 (59-64)	- Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản.	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2 về:</i> Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật (thể hiện sự bình đẳng giữa các quốc gia).
22	Bài 16: Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới và hợp đồng thương mại quốc tế	4 (65-68)	- Nhận biết được nội dung cơ bản của Công pháp quốc tế về nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và hợp đồng thương mại quốc tế. - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản	- Tích hợp giáo dục quyền con người: <i>Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2 về:</i> Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật (thể hiện sự bình đẳng giữa các quốc gia).
23	Ôn tập cuối	1	- Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 8 đến	

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Tích hợp; lồng ghép; giáo dục STEM/STEAM;...(4)
	kỳ II	(69)	bài 16. - Vận dụng làm một số dạng bài tập.	
24	Kiểm tra cuối kỳ II	1 (70)	- Kiến thức: Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 8 đến bài 16. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua làm bài kiểm tra. - Tự học, tự chủ: tích cực chủ động, độc lập làm bài kiểm tra.	

2. Chuyên đề lựa chọn: không.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ I	45 phút	Tuần 9	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 08 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ I	45 phút	Tuần 18	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 17 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Giữa Học kỳ II	45 phút	Tuần 27	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 26 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận
Cuối Học kỳ II	45 phút	Tuần 35	Sử dụng kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 34 để có thể giải quyết những câu hỏi trắc nghiệm, tự luận ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.	Kiểm tra tại lớp, trắc nghiệm kết hợp tự luận

III. Các nội dung khác:

1. Ôn thi tốt nghiệp THPT.

2. Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn: Tham gia sinh hoạt cụm tại Cụm 2 theo kế hoạch của Cụm trưởng.

- Thời gian: trong năm học theo kế hoạch của cụm chuyên môn.

- Địa điểm: Trường THPT Thanh Chấn (dự kiến).

3. Tham gia sinh hoạt nhóm chuyên môn theo dạy học chuyên đề

- Nội dung sinh hoạt:

+ Xây dựng Kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

+ Rà soát việc thực hiện kế hoạch dạy học.

+ Góp ý nhận xét tiết dạy theo dạy học chuyên đề.

4. Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp Trường: Theo Kế hoạch nhà trường.

5. Hướng dẫn HS tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật (nếu có)

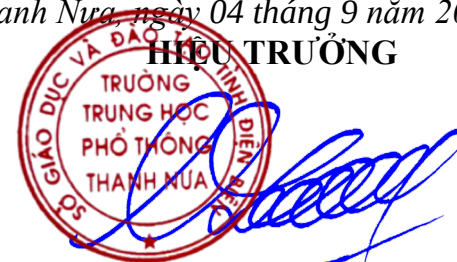
TỔ TRƯỞNG



Lê Thị Hằng

Thanh Ntra, ngày 04 tháng 9 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long